

HỒI KÝ PHÙNG PHÙNG

HẠNH ĐOAN biên dịch

HỒI KÝ PHÙNG PHÙNG

LƯU HÀNH NỘI BỘ

LỜI NGƯỜI DỊCH

Khi tôi vào trang net Phật giáo xem và lướt qua các tác phẩm Phùng Phùng, tự động sinh thiện cảm và quyết định dịch bài của ông. Vì vậy khi bạn cầm trên tay cuốn sách này, xem như là bạn cũng có duyên với ông và tôi.

Phùng Phùng tên Trương Chí Hùng, sau đổi lại là Phùng Bồi Đức, ở Tây phương ông còn có tên là Peter. Ông sinh năm 1945 tại Quảng Đông, cha là sĩ quan Ucraina, mẹ là người Quảng Tây làm y tá trong bệnh viện (có chỗ ghi ông sinh năm 1931 hay 1935), sở dĩ có năm sinh chênh lệch không đồng nhất này là do hoàn cảnh loạn lạc và thiên tài của ông mà ra. Lần đầu tiên khi tác phẩm ông đoạt được giải thưởng văn học, do lúc đó do ông quá trẻ, nên tòa soạn đã tự tăng thêm mười tuổi cho ông để khỏi bị người phẩm bình dị nghị. Và ngay thời điểm loạn lạc cần bỏn đào sang Hương Cảng, ông cũng phải khai lớn tuổi để được gia nhập Hải quân mà lên thuyền rời khỏi Đại Lục.

Tuy ông chào đời trong cảnh sung túc nhưng đã sớm nếm khổ từ tuổi ấu thơ. Do đất nước bị chiến loạn nên từ 14 tuổi ông

phải tha hương kiếm sống một mình và nếm mùi lưu linh gian khổ cực cùng, sau khi tự ổn định được kinh tế, ông mới rước mẹ qua Canada phụng dưỡng, ông thực hành Phật pháp thâm sâu, có thiên nhãn bẩm sinh và sở hữu nhiều khả năng siêu nhiên huyền bí.

Thời ấu niên do thường dời chỗ ở nên ông học không đều, luôn phải nhảy lớp. Ông sớm tha hương, phải tự lập, vất vả mưu sinh ngay từ tuổi thiếu niên, nhưng bằng thiên tài của mình, nhờ vào nỗ lực tự học mà ông thông thạo mười ngoại ngữ.

Năm 16 tuổi ông viết tác phẩm “Buffalo” bằng tiếng Pháp, đoạt giải thưởng văn học và được bình chọn là truyện ngắn hay nhất. Hai năm sau ông viết cuốn tiểu thuyết “Sunrise” tiếp tục giành giải thưởng, được xếp vào hàng nhân tài kiệt xuất trong top mười thanh niên trẻ thời đó. Ông nổi danh trên văn đàn quốc tế, từng được nguyên thủ hai nước tiếp kiến. Trình độ xếp giấy nghệ thuật Origami của ông cũng rất tài, đã đoạt giải xuất sắc ở Nhật Bản vào năm 1980.

Ngay lúc danh vọng lên cao, chói lọi, ông bỗng đột ngột đi qua Canada, đổi tên ẩn cư, sống cô đơn thanh khổ, âm thầm phụng dưỡng mẹ già.

Ông đã viết nhiều tác phẩm Phật giáo giá trị, biết tận dụng khả năng siêu phàm của

mình giúp ích cho nhân sinh, được nhiều người ngưỡng mộ ca tụng, ông có ảnh hưởng rất lớn tại Hương Cảng, Đài Loan, các vùng Đông Nam Á, Bắc Mỹ...

Ông sở hữu biệt tài thư họa ưu việt, có thể vẽ trước dung mạo của những vị khách sắp đến thăm, khiến họ phải khâm phục tán thán.

Ông chưa từng học nhạc, nhưng tự mày mò đánh dương cầm để biên soạn nhạc đạo. Những khúc ca Phật giáo do ông sáng tác đã gây tiếng vang lớn, thu hút nhiều người, khiến thính giả phải rơi lệ, cảm động. Ông được công nhận là thiên tài âm nhạc cuối thế kỷ 20.

Tuy làm gì cũng đạt đến danh vọng tột đỉnh, nhưng Phùng Phùng không tham luyện danh lợi, không ỷ vào quyền thế. Ông có khí chất cao thượng, nổi tiếng là người con chí hiếu, thích sống đời thanh bần, ẩn cư; ưa đọc hành thanh tu.

Phùng Phùng luôn khiêm cung khi nói về khả năng siêu nhiên của mình, ông không chịu nhìn nhận là mình có thần thông, mà luôn nói: Đó là do Bồ tát Quan Âm gia hộ. Ông có duyên sâu với chư vị cao Tăng như Hòa thượng Hư Vân, Hòa thượng Tuyên Hóa...

Ông cho rằng tinh thần căn bản của Phật giáo là đại từ đại bi, là bình đẳng phổ

độ cứu giúp chúng sinh ly khổ thoát nạn, ông thường dùng khoa học để chứng minh Phật pháp, đem ngòi bút tài hoa của mình dìu dắt chúng sinh vào con đường học Phật và đồng thời cũng dùng khả năng huyền bí của mình cứu giúp chúng sinh bệnh khổ.

Bài viết của ông có rất nhiều, gồm những kinh nghiệm tâm linh thực tế hay tuyệt mà tôi may mắn được đọc. Tiếc rằng tôi chưa có thời gian để xem và dịch hết, nên tạm thời chỉ tuyển chọn một ít bài đại diện cho hồi ký của ông, để chia sẻ cho độc giả thưởng thức.

Nếu tôi còn sống, có sức khỏe và còn thời gian, tôi sẽ dịch tiếp những bài hay thú vị của ông. Hi vọng cuốn sách này sẽ giúp quý vị hiểu thêm về ông: Một thiên tài văn chương, âm nhạc, hội họa... và cũng là một hành giả cư sĩ ưu việt trong Phật giáo.

Quý vị có nhu cầu liên lạc, xin vui lòng gọi cho người đại diện tôi qua số phone:

0938 422 977 - 098 618 4908

Email: hopthunhanqua@gmail.com

Mong rằng tập sách này tiếp tục đem lợi ích đến cho người xem. Xin hãy rộng lòng tha thứ cho những sai sót của tôi trong suốt quá trình biên dịch.

Hạnh Đoan - Mùa Hạ 2018

ĂN CHAY TỪ TRONG THAI

Tôi là người không bao giờ có thể ăn mặn, nên hề gặp đậu hũ, rau cải, đậu phộng v.v... thì rất thích; còn đối với cá thịt, vịt, gà... nghĩa là các món mặn dù có đủ sơn hào hải vị... thì chỉ vừa nhìn thôi là tôi đã muốn nôn.

Những khi bạn bè mời dùng bữa, họ thấy tôi ngồi trước mâm cao cỗ đầy, ê hề món mặn... mà mặt mày ỉn ỉn, không muốn đụng đũa tới, thì cả khách lẫn chủ đều chẳng vui, không khí tẻ nhạt. Họ hay hỏi tôi:

- Sao bạn gốc thế? Cá ngon, thịt thơm như vậy mà chẳng chịu ăn, lại ưa cái thứ cơm trắng rau nhạt khó nuốt?...

Vâng, tôi gốc vậy đó, gốc bẩm sinh mà! Quả thật tôi vô phương nuốt trôi mấy thứ đồ mặn, nghĩa là những thức ăn làm bằng thi thể loài vật tanh nồng này, cho dù nó có được chế biến từ các nhà hàng lớn nổi danh (những người khác chỉ cần vừa nghe mùi thôi là họ đã tấm tắc khen thơm, khen ngon nức nở, còn tôi thì: Dù đã lùi xa tới... ba thước, song vẫn bị cái mùi tanh đó xông lên, hành khó chịu đến nhức óc nhức mũi!)... Với tôi tất cả thức mặn dù có chế biến ngon đến đâu thì vẫn là mùi của... thầy chết! Thế nên hề mùi này mà vừa bốc lên, bay ra... là tôi đã muốn nôn thốc nôn tháo, ói sặc sụa rồi...

- Thế này là sao vậy?

Mọi người ai cũng ngạc nhiên nên cứ thắc mắc, vặn hỏi đủ điều. Chính tôi còn không hiểu là tại sao, chỉ có thể giải thích rằng: Tôi sinh ra đã không thể ăn mặn! Nói chính xác thì thể này: Hình như tôi quen ăn chay ngay từ trong bụng mẹ lận!

Hồi bé, tôi nhớ là mình luôn né tránh, đẩy thức ăn mặn ra. Cha mẹ thấy vậy rất âu lo, cứ sợ tôi dinh dưỡng không đủ chất, nên càng ép buộc, muốn tôi được tắm bổ bằng đủ loại thịt, cá... nhưng tôi nhất quyết không chịu nuốt.

Vì vậy mà mỗi khi đến giờ ăn thì giống như tôi bị thọ đại khổ hình: Mặc cho cha mẹ la hét, đe dọa... bày ra đủ trò, đủ cách... nhưng dù có khủng bố hay dỗ dành thế nào, cũng không sao ép tôi chịu hả miệng để nuốt đồ mặn vào. Có lúc vì sợ cha mẹ không vui, tôi cũng ráng ăn, nhưng vừa nuốt vào là đã ói hết ra ngay, do vậy mà tôi vừa khóc vừa la. Kết quả: Tôi ăn no đòn, bị (雞毛帚) chổi lông gà quét tới tấp vào mông. Hầu như ngày nào tới bữa ăn tôi cũng bị đòn, phải chịu hình phạt dữ dội... do vậy mà trong nhà thường xuyên hiện cảnh khóc la ầm náo, chuyện này diễn ra suốt thời thơ ấu của tôi.

Mẹ tôi hết sức buồn rầu, bà thở dài than:

- Thằng bé cứ đẩy đồ mặn ra như thế này mãi thì làm sao nó có đủ dinh dưỡng để

mà lớn được cơ chứ? Nó không chịu ăn bất kỳ thức măn bổ dưỡng nào!

Cha tôi bực mình nói:

- Đem ném quách nó vô chùa, cho làm hòa thượng đi! Giữ nó ở nhà chỉ tổ vô ích! Ngày nào cũng xảy ra cảnh khóc lóc rùm beng, không có được một hôm yên tĩnh! Làm sao mà chịu nổi đây hử trời?

Do tôi luôn cãi lời, nhất quyết không chịu ăn măn và cứ khóc âm ỉ trong bữa ăn, đã khiến cho cha mẹ tôi cũng nhân đây mà phát sinh gây cãi bất hòa.

Hồi đó mẹ tôi chưa biết đạo nên không tin hay thờ Phật chi. Bà từng làm hộ lý trong bệnh viện, chịu ảnh hưởng cách ăn uống dinh dưỡng theo kiểu Tây phương, cộng thêm quan niệm khoái tắm bổ của người Trung Quốc, nên trong nhà bà nuôi rất nhiều gà vịt để giết lấy thịt để tắm bổ. Hầu như ngày nào bà cũng cho ăn các món gà hầm đương quy, sâm nhung v.v...

Cha tôi xuất thân là con nhà giàu, vóc người cao lớn cường tráng, ông rất ưa chuộng các thuyết ẩm thực bổ dưỡng, vì vậy hẳn không có thịt là ông không ăn, thực phẩm mà không sang thì ông không dùng.

Thế mà chẳng biết vì sao lại đẻ ra... cái thằng con quái lạ ngốc nghếch như tôi? Quá

bướng lì, nhất quyết không chịu nuốt bất kỳ món mặn nào!

Cha mẹ tôi yêu con đứt ruột, luôn sợ tôi bị thiếu dinh dưỡng và chẳng thể lớn nổi. Thế nhưng song thân chẳng tài nào đoán ra món gì là khoái khẩu với tôi, vì tôi còn quá bé, chưa đủ khả năng để bày tỏ hay phát biểu sở thích riêng của mình, hễ gặp đồ mặn là tôi đẩy ra ngay. Cả nhà không ai hiểu được là tôi rất thích ăn chay.

Cha tôi vốn nóng tính, càng không ưa nghe tiếng trẻ con khóc ồn ào, vì vậy mà hễ tôi vừa khóc là bị ông đét ngay vào mông rồi đem nhốt vào trong phòng, xem như hình phạt nào tôi cũng ném qua. Dù vậy, tôi vẫn nhất quyết không chịu ăn mặn.

Sau này, dần dần tôi miễn cưỡng chịu ăn một ít trứng. Thế nhưng, thành thực mà nói đó là do hai điều: Một là vì sợ bị đánh, hai là sợ cha mẹ buồn! Do vậy mà tôi mới ráng nuốt cái món trứng tanh hồi kia. Vì trứng cũng xông mùi tanh khiến tôi muốn nôn, dù mẹ đã cho khử dầu mè, có ráng chế biến thơm tho đến mấy.

Cha thường nhân lúc mẹ tôi đi vắng là lôi tôi ra đánh cho một trận để ép tôi ăn mặn. Ông thường đặt một chén thịt bò hầm hay bất cứ thứ gì mà ông cho là ngon bổ... ở ngay trước

mặt tôi và đánh đến nổi nước mắt nước mũi tôi chảy ra chèm nhèm ràn rụa, buộc tôi phải nuốt vội hết thức ăn vào mồm... (xem như khi đó lệ và nước mũi cùng hòa chung với thức ăn), nhưng hễ tôi vừa nuốt xong thì lại... ói tràn lan ra đất ngay.

Kể từ đó, xem như món súp thịt mỗi ngày tôi khó bề né tránh, vì cha mẹ tôi luôn cầm sẵn cây chổi lông gà để... khùng bố. Song thân luôn hầm hừ, trợn mắt, nạt nộ... để ép tôi phải nuốt hết những thức mặn kinh khủng kia. Mà những chén súp gà hầm (nổi danh có vị thuốc quý, được xếp vào hạng cực kỳ bổ ngon đó...) lại càng đáng sợ! Thế là tôi chỉ còn nước chạy trốn, mà chạy được rồi thì không dám về nhà, tôi phải ráng chờ đến tối mới mò về, nhưng khi về cũng không tránh được khổ hình: Bởi tôi vừa bước vào nhà là bị chổi lông gà nện tới tấp vào mông, bị nghiêm huấn cho một trận, bị ép ăn đến khó kham. Nhưng tôi vẫn không sửa đổi: Nhất định ăn cơm trắng chan nước, ngày ngày vẫn ói hết đồ mặn ra... khiến cho cha mẹ cực kỳ buồn lòng (mà bản thân tôi cũng đâu có vui sướng gì).

Vâng, tuổi ấu thơ của tôi chẳng có chi là hạnh phúc, một phần do tính tôi cứng đầu ngoan cố, khiến cha mẹ tức giận, nên phải đánh đòn, mắng la nhiều. Một phần là do tôi

không thể ăn mặn, nên thường phản kháng, khiến cha mẹ rầu lo, phiền muộn.

Sau này, khi mẹ tôi bắt đầu học Phật (cũng có thể nói là nhờ tôi khuyên), nên hơn hai mươi năm nay, bà không còn giết bất kỳ loài gia cầm nào nữa, hiện bà đang ăn chay trường, cũng đã chán ghét đồ mặn giống như tôi. Còn cha tôi vì hoàn cảnh đất nước, ông cách biệt mẹ con tôi đã hơn hai mươi năm (nhưng nghe nói hiện giờ ông cũng đã tin Phật, không ưả ăn mặn).

Mẹ tôi hồi còn trẻ, do ăn gà tắm bổ quá nhiều, chẳng biết có bị trúng độc tố của thịt động vật hay chẳng, mà quanh năm phát bệnh: Bị nổi phong đở và cao huyết áp... bà phải thường xuyên đi khám bệnh, nhập viện chữa trị.

Nhưng hiện tại thì, nhờ nhiều năm nay bà không ăn mặn và nguyện ăn chay trường, nên sức khỏe hiển lộ tốt thấy rõ: Tóc tuy bạc nhưng mặt bà hồng như tiên đồng, thân thể khang kiện. Hơn hai mươi năm nay tôi chưa được gặp lại phụ thân, chẳng biết ông đã già đi như thế nào, nhưng nghe bạn bè kể là: Ông khỏe mạnh và khoan dung hơn xưa nhiều.

Thỉnh thoảng tôi nhớ lại nhiều chuyện xảy ra thuở ấu thời, đại khái lúc đó tôi khoảng hai tuổi hoặc chưa đến hai tuổi, còn đang tập đi. Tôi đang đứng trên xe trẻ con, nhìn thấy chị giúp việc làm gà, cầm dao cứa cổ nó...

dao lút nên chị cửa cả buổi, con gà bị tuôn máu dầm dề mà vẫn chưa tắt thở. Nó vỗ cánh giãy giụa, làm loạn cả lên, ánh mắt nó nhìn tôi đầy vẻ van xin, như cầu cứu... Cảnh trạng đó khiến tôi vĩnh viễn khó quên, lúc đó tôi đã khóc, đã hét rất to và đưa bàn tay nhỏ xíu lên can ngăn... cảnh tượng hồi ấy như thế nào, tới giờ tôi vẫn còn nhớ rất rõ:

- ĐỪNG... GIẾT NÓ! ĐỪNG GIẾT NÓ!...

Tôi vừa khóc vừa bập bẹ hét la, vì lúc đó tôi nói chưa rành, tôi vẫn còn đang tập nói mà... Nhưng mãi đến hiện giờ, trong mộng tôi vẫn thường khóc la và thốt những câu y như thế. Tôi còn nhớ chính xác những chuyện lúc chưa đầy 18 tháng. Tình cờ những lúc chuyện trò, tôi có nhắc lại với mẫu thân, thì mẹ tôi tỏ vẻ rất kinh ngạc, bà nói:

- Hồi ấy con chỉ hơn một tuổi thôi mà, vì sao con có thể nhớ hết tất cả như vậy?

Thế mà tôi vẫn nhớ, hơn nữa là còn nhớ rất rõ, giống như là vừa mới xảy ra hôm qua!

Tôi nhớ lúc anh giúp việc giết gà đồng, ếch xanh. Đó là những món mà phụ thân tôi rất ưa. Tôi nhớ con ếch bị chặt đầu, lột da sống ra sao, toàn thân tứ chi nó tuôn máu đầm đìa... nó run rẩy, giãy giụa... Có lẽ do những điều này mà tôi càng không thể ăn mặn, hoặc do bản chất tôi thích ăn chay ngay từ trong thai, tôi cũng không rõ nữa!

Sau khi trưởng thành, có một thời gian do phải giao tế nhiều, thỉnh thoảng do không tiện kêu chủ nhà làm thức ăn riêng, tôi cũng miễn cưỡng vì xã giao mà ráng nhấm nháp, thực tình là tôi chỉ giả vờ ăn chút thôi, nhưng cứ bị mắc nghẹn nuốt không trôi, tuy tôi chẳng phải là người xuất gia, nhưng thực tình tôi rất kính sợ đồ mặn!

Khi tôi trú ngụ ở Canada, việc ăn chay cũng không dễ dàng. Do trời lạnh đất cứng, nên nông sản đa phần là vận chuyển từ Mỹ qua. Ai qua Mỹ hay Canada đều biết, giá rau cải rất mắc, nghĩa là đắt đỏ hơn thịt rất nhiều. Tôi đành ăn đậu phộng, đậu nành, có lúc cũng mua được cải trắng, nhưng mỗi bữa chỉ ăn vài lá, ăn xong tôi còn muốn đem rau ra trồng tại hoa viên, không nỡ để khả năng sống của nó bị tàn lụi, thế nhưng nó vẫn chết cứng, may mà tôi còn mua được táo, cam. Ở Mỹ, mỗi ngày tôi uống nước cam, táo... uống quen nên thấy nước trái cây thơm ngon, lại càng sợ đồ mặn. Ngay cả sữa bò tôi cũng cảm thấy tanh rình!

Cuộc sống tôi giản đơn như thế: Không tiếp khách, không giao tế thù tạc, thỉnh thoảng hễ rảnh thì khảy đàn, viết văn, nghe đĩa... hoặc xem nhạc cổ điển trên truyền hình. Dù ăn chay như vậy trông tôi có ốm gầy một chút, nhưng tôi chưa bao giờ bị ngộ

độc thức ăn. Tuy tôi đã ba mươi mấy tuổi, nhưng người ngoại quốc mỗi khi nhìn, cứ tưởng tôi còn ở độ tuổi thiếu niên, do vậy mà ai đến nhà cũng thường hay nói câu này: Nhóc ơi, tôi có thể nói chuyện với cha mẹ của cậu được chẳng?

Chẳng biết họ thấy tôi trẻ đến bao nhiêu? Mà đây là ưu điểm hay khuyết điểm?... Thực tình tôi cũng không rõ nữa.

Ăn chay có điểm tốt lành chi tôi cũng chẳng lưu tâm, nhưng hễ nhắc tới ăn mặn, thì cái cảnh: Loài vật bị giết đau đớn, kinh hoàng giãy giụa, máu tuôn đầm đìa... lại hiện ra... rõ mồn một trước mắt tôi, trông rất đáng sợ, kinh khiếp! Thế nên, dù người ta có chế biến thức mặn tài giỏi đến đâu, có xông ướp thơm ngon đến mấy, tôi cũng không thể nào nuốt trôi!

THUẬT SỐ VÀ DỊ TƯỢNG

Lúc năm sáu tuổi tôi đã xem các sách, lịch, bảm độn, tiên tri... rành rọt, có thể nói là “Không thầy mà vẫn biết”, vì tôi tự nhiên hiểu rành, thông thạo cách an bài, sắp xếp Bát tự. Biệt tài này đã làm kinh động đến chư bằng hữu của song thân tôi, thế là các chú, các bác... thường xúm nhau tìm tôi nhờ bảm độn, xử quẻ hộ...

Chưa hết, tôi còn bắt thần tuôn ra những lời tiên tri dự đoán, sau đó nhớ lại... chính mình còn cảm thấy ngạc nhiên? Vì chẳng hiểu tại sao mình có thể... “xẹt ra” tài năng kỳ lạ đến như thế. Bởi tôi đang ở tuổi nhóc tí bé tí, vậy mà lại có thể tuôn ra những lời tiên tri như người lớn, việc này đã làm “dậy sóng”, gây chấn động cả vùng, may mà tôi sớm biết tự “hãm phanh” dừng lại, cương quyết không nói tiếp tục và từ chối, chẳng chịu tiên đoán vận mệnh cho ai nữa...

Từ mười mấy đến hai mươi tuổi, nhờ xem sách mà tôi hiểu rành hai phép thuật “Đại Lục Nhâm” và “Kỳ Môn Động Giáp” nổi tiếng của thời cổ đại: Đây là hai huyền thuật thần bí vi diệu mà ngày xưa Gia Cát Lượng luôn dùng. Tuy tôi không học qua, nhưng lại biết rất rành; vì vậy mà tôi thường đem ra sử dụng chút chút. Về môn “Đại Lục Nhâm” thì tôi thành công chính xác thấy rõ. Thế nên có một dạo, chuyện gì tôi cũng thử bấm tay tính, toán... đoán trước... và nổi danh vang dậy.

Chẳng hạn như trong xóm có ai bị mất gà, chó... mà đến nhờ tìm giúp, thì tôi liền bấm tay đoán giùm cho. Ai đến cầu hỏi hung cát, tôi cũng xem luôn. Có người thắc mắc hỏi ngày mai trời mưa hay tạnh? Tôi cũng nói nốt, kỳ quái là tôi nói rất chuẩn xác. Như chuyện gà chó của ai bị trộm, hiện đang ở

chỗ nào, có tìm lại được hay không... Và bao lâu chúng sẽ tự đi về?... Tôi mà nói ra là thấy đều ứng nghiệm không sai mấy may!

Mà hề tôi nói ai bị tật bệnh chi, cũng trúng nốt. Tôi còn dự báo thời tiết chính xác, hay và sớm hơn đài khí tượng trước cả tuần. Thậm chí khi mọi người tổ chức trò chơi “giấu đồ mời đoán tìm”, tôi đã trở tài tiên đoán và nói ra trúng chóc, không bao giờ sai! Tôi còn mô tả tỉ mỉ đó là vật gì, được giấu ở đâu. Vì vậy thiên hạ rất thích khảo nghiệm, thử tài tôi. Có lần tôi miêu tả vật đang cất giấu: “Đó là một hộp diêm nhãn hiệu con hổ, bên trong chứa bốn mươi chín que diêm”... tất nhiên là trúng chóc.

Một lần nọ, tôi tiên tri rằng ở địa phương kia, hai ngày nữa sẽ xảy ra địa chấn, việc này đã ứng nghiệm không sai. Đạo đó cư dân quanh vùng đều biết tiếng, tranh nhau tìm tới chỗ tôi, họ xếp hàng dài từ ngoài ngõ vô tới nhà... để nhờ đoán giùm.

Bản thân tôi cũng cực kỳ kinh ngạc về các quả bầm độn thần kỳ thuộc khoa huyền môn bói toán của “Lục Đại Nhân”, có đạo tôi say sưa nghiên cứu, đắm chìm trong đó. Mãi đến khi tôi bắt đầu thích viết lách thì tôi mới lạnh nhạt dần với các thuật bói toán, bầm độn, tiên tri này.

Có một dạo, mỗi tối khi tôi thiền tập (bắt đầu nửa đêm là ngồi, hoàn toàn không có ai dạy, tôi chỉ tự thực hành một mình thôi). Tôi tĩnh tọa được khoảng nửa năm, thì một hôm trong cơn thiền quán tôi bỗng nhìn thấy ánh sáng trắng xanh nhấp nháy ở phía trước và sau não. Rồi một đêm nọ... tôi bất ngờ nhìn thấy cảnh hỏa diệm sơn đang phun trào ở Alaska, lửa bốc cao ngất trời, tôi sợ hãi kêu to.

Qua hôm sau thì tôi nghe tin: Tại Alaska đang có núi lửa phun.

Sau này, mỗi khi thấy trước các hiện tượng kỳ lạ sắp phát sinh, tôi không dám hé răng nói với ai, chỉ âm thầm tự biết mà thôi.

Có một dạo, thuật số và dị tượng đã lưu ảnh hưởng khiến tinh thần tôi chao đảo, bất an: Tôi buồn vì nhận ra dù mình có khả năng tiên tri, đoán biết trước những điều sắp xảy tới đúng chóc không sai, nhưng lại vô phương cứu vãn hay tránh thoát.

Chẳng hạn như tôi dự biết vào ngày X mình sẽ bị người chạy xe tông trúng gây thương tích, nên đã âm thầm đi sang đường khác để tránh nạn, vậy mà đúng giờ đó tôi vẫn bị người tông rất đúng chỗ, đúng nơi; hoàn toàn không tránh thoát được!

Còn nữa, có lần tôi tiên đoán, nói ra giờ khắc mà bác Danh (là thân phụ của bạn tôi) mạng sống sẽ bị nguy hiểm, do bác Danh biết

tôi có tài tiên tri rất chuẩn, nên ngày đó ông tuyệt đối không dám đi đâu, chỉ nằm nghỉ tại nhà. Vậy mà đến thời khắc tôi tiên đoán tính mạng ông bị lâm nguy, thì ngay giờ đó, tim ông đột nhiên phát đau rồi tắt thở.

Dù tôi đoán biết trước các tai họa sẽ xảy ra và có tận lực cứu vãn, nhưng vẫn không sao tránh được.

Khi tôi cảnh cáo bạn bè rằng: Cửa hàng họ sẽ bị mất trộm vào giờ G, thì họ liền canh phòng cẩn mật và lập tức cho thay ngay ổ khóa để bảo đảm, nhưng đúng vào giờ G, họ vẫn bị kẻ gian cạy cửa lấy mất đồ!

Trải qua nhiều lần trở nghĩ suy, cuối cùng tôi quyết định từ bỏ việc bấm độn, tiên tri, bói toán... lẫn tính tọa (vì khi ngồi thiền tôi hay thấy trước những chuyện sắp xảy ra) mà tôi tuyệt chẳng muốn bước vào con đường tiên tri, biết trước mà làm chi nữa. Tôi cho rằng đây cũng là “ma cảnh”. Bởi biết trước mà không tránh được, không cứu vãn được, chỉ tổ khiến tâm mình phiền não bất an thêm, thì thà là ngưng dứt, không cần biết trước để làm chi.

Thực sự tôi chẳng còn muốn dây dưa tới mấy chuyện này, vì tôi muốn tâm mình được an! Chỉ cần tôi tự vấn thăm, thấy mình sống không làm gì xấu hổ, tâm nhẹ nhàng, vô ưu thoải mái, thì đâu cần tiên tri, biết trước... làm chi? Nếu việc gì cũng muốn tiên

tri, biết trước... nhưng biết trước mà không tránh được, không cứu được, chỉ khiến lòng thêm đau khổ, bất an, rầu lo... Thế thì thà là chẳng biết còn hay hơn!

Tôi thấy tốt nhất mình nên dốc tâm nghiên cứu kinh điển, làm nhiều việc phúc lành, (khuyên người hành thiện cũng có công đức giống như mình hành thiện vậy), mà hành thiện sẽ có đủ khả năng tích phúc. Chỉ cần tin thờ Phật, thực hành theo pháp của Ngài, điều này rất tuyệt, sẽ giúp tâm được an định, không bị các ma xâm hại!

Trước đó có một tu sĩ, sau khi biết rõ chuyện của tôi, ông bảo:

- Nay Cư sĩ! (Theo Phật giáo Trung Hoa, đây là danh xưng trang trọng dành cho người thế tục tu hành theo Phật pháp có đức hạnh) Ông tu huệ sao bằng lo tích phúc? Đừng có ưa khoe huệ quá mà chiêu vời ma tới nhé!

Một “roi” của vị cao Tăng này rất hợp ý tôi. Vì vậy, đã nhiều năm rồi tôi chẳng dám giở trò tiên tri, dự đoán làm chi nữa. Tôi cũng chẳng hề dùng tài ấy để khoe khoang hay lèo người.

Tới bây giờ, mỗi khi tĩnh tọa tôi ít thấy điềm báo, cảnh lạ... mà dẫu có tình cờ trông thấy chẳng nữa, thì tôi chỉ âm thầm tự biết, chứ không hề nói ra với ai và cũng chẳng thèm lưu tâm tới nó.

LẦN ĐẦU GẶP NGÀI TUYÊN HÓA

(Tháng Sáu năm 1976)

Từ lâu tôi đã ngưỡng mộ danh tiếng của ngài Tuyên Hóa ở Vạn Phật Thành bên Mỹ. Mười mấy năm trước, tôi rất muốn đi nghe ngài thuyết pháp, nhưng do bận rộn nên chưa tiện rời Canada qua San Francisco.

Thật cảm ơn Giáo thọ Bằng Doanh vì đã gửi báo Phật giáo cho tôi xem. Trong đây có mấy quyển tạp chí “Kim Cang Bồ Đề Hải” viết theo thể văn song ngữ Trung Anh, do Hội Phật giáo San Francisco ấn hành. Bên trong có đăng bài Thượng nhân Tuyên Hóa giảng, được đệ tử thu âm ghi chép lại (Đây là lần đầu tôi tiếp xúc với ngôn giáo của ngài Tuyên Hóa).

Tháng 6 năm 1976, tôi từ Canada qua Mỹ, nghe danh Vạn Phật Thành và Kim Sơn, nên đã đến cầu kiến ngài Tuyên Hóa, nhưng không gặp. Tôi bèn đi qua Nam Cali kinh doanh, có lần bị thất bại suýt phá sản, nên trong lòng phiền não lắm. Từ Nam Cali tôi quay về Bắc Cali, lại đến Kim Sơn, được ân sư Tạ Bằng Doanh viết thư giới thiệu, tôi bèn đến chùa Kim Sơn cầu kiến ngài Tuyên Hóa, lần này may mắn được gặp, tôi nhìn vào đỉnh trán Ngài, (tuy đã gặp qua nhiều cao Tăng nhưng xưa nay tôi chưa từng quỳ xuống bái lễ), tính tôi vốn cứng cỏi, hay tranh biện và tính nghịch, chẳng dễ thần phục ai. Kinh Phật

giáo lý dù tôi chẳng thông, chỉ giỏi lợm lặt lời, dùng cách riêng của mình để làm khó các hòa thượng). Vì vậy mà khi mới gặp ngài Tuyên Hóa, tôi vẫn không chịu làm lễ).

Ai ngờ, như đã có duyên sâu với nhau từ thuở nào, mới vừa đàm thoại cùng Trưởng lão, thì buổi trò chuyện trở nên quá thú vị và kéo dài đến năm tiếng đồng hồ, Thượng nhân Tuyên Hóa đã khiến tôi tâm phục khẩu phục, phải trân quý thuận tùng, đến mức phát sinh lòng tôn kính, bái lễ nhận sư.

Nhưng thực ra tôi cũng chưa chính thức quy y Trưởng lão, chỉ là do bản thân mình vì quá kính trọng nên đã gọi ngài là sư phụ, mà Trưởng lão cũng không ngại tính tôi ngang ngược, ngài rất giỏi chịu đựng sự vô lễ phóng túng của tôi (ở Kim Sơn tự lễ tiết rất nghiêm, các chúng đệ tử dù là người Mỹ hay người Hoa, bất kể hàng tại gia hay xuất gia, hễ gặp Trưởng lão, thì không ai mà chẳng tam quy, cửu bái. Chỉ có riêng Hầu nhi tôi là ban sơ chỉ vái chào ngài mà thôi).

Tôi trụ nơi đây hơn mười hôm, thường theo bên cạnh Thượng nhân, hay giờ thối liếng khỉ đến ngài phải chóng mặt. Tôi rất may mắn, vì từ lúc gặp Trưởng lão rồi, thì khả năng thiên nhãn của thời ấu niên, hình như đang dần hồi phục trong tôi. Những lúc thấy dị tượng hay cảnh lạ... ở Vạn Phật Thành,

tôi thường bép xép... khiến cho hàng trăm đệ tử Thượng nhân ngày nào cũng tìm đến, hỏi này hỏi nọ, khiến Trương lão phải một phen răn nhắc, nhưng tôi vẫn chưa sửa được cái tật lảm mồm của mình.

Trước khi biết đến ngài Tuyên Hóa, từ thuở ấu thơ tôi đã gặp qua Trương lão Hư Vân một lần, được ngài dạy chớ đa ngôn, từ đó về sau tôi không còn gặp lại ngài, nhưng đã biết giữ mồm cẩn thận.

Khi tôi ngụ tại Kim Sơn Tự nghe pháp, mới biết ngài Tuyên Hóa giảng kinh không cần chấp bút biên soạn trước tư liệu gì cả. Mỗi khi ngài đăng đàn thuyết giảng là văn chương tuyệt vời cứ tự phát khởi thao thao bất tuyệt, lưu loát trào tuôn. Ngay lúc đó các đệ tử ngài dùng máy thu ghi âm lại, rồi dịch ra Anh văn cho đăng lên báo. “Kim Cang Bồ Đề Hải” thuở đó chỉ là tờ báo thô sơ, chẳng được quy mô như hiện giờ, nhưng nội dung rất hay.

Thời ấy tôi đang tuổi thiếu niên háo thắng, tình cờ xem trong báo thấy có một số từ Hoa ngữ dịch sang Anh bị sai, nên đã bạo gan hạ bút viết một phong thư dài gởi cho ngài Tuyên Hóa, bày tỏ thiện ý đóng góp phê bình (dù tôi có thú nhận là bản thân mình cũng kém cỏi, dịch chưa tốt lắm).

Nhiều năm sau, ngài Tuyên Hóa tình cờ nhắc đến chuyện này, mỉm cười bảo tôi:

- Con không viết bài cho báo, ngược lại còn hùng hổ phê bình chúng ta một trận, nhưng mà phê rất đúng, chúng ta đều đã tiếp thu và chỉnh sửa cả rồi đấy.

Hòa thượng Tuyên Hóa tính rất khiêm cung, khiến tôi càng khâm phục, tôn kính và càng thấy mình quá nông cạn.

Cho đến bây giờ, tôi vẫn chưa viết cho báo này, chẳng phải là tôi không muốn, nhưng lực bất tòng tâm. Bởi tôi chỉ là người chuyên viết tiểu thuyết, trong khi tạp chí “Kim Cang Bồ Đề Hải” đa phần là văn chương lý luận, nên tôi chẳng tiện góp bài, vì chẳng biết viết sao cho tốt. Thêm phần tôi đang nhận viết Tùy bút cho nguyệt san Nội Minh (là tờ báo Phật học uy tín tại Hương Cảng đã mấy năm nay), tuy Nguyệt san Nội Minh chuyên đăng những bài văn nghị luận Phật giáo thâm áo, song cũng có chèn vào ít tác phẩm văn nghệ, tiếp nhận những bài sáng tác phá cách. Còn báo “Kim Cang Bồ Đề Hải” đến nay vẫn chưa mở rộng nội dung, mà dù tôi có muốn viết chẳng nữa, thì hiện thời do tôi còn nợ bản thảo cho tờ báo mình đang cộng tác quá nhiều, nên không thể viết, mà tôi cảm thấy viết tiểu thuyết Phật giáo không dễ nên đã nhiều lần hướng ngài Tuyên Hóa xin lỗi, nhưng ngài luôn nói: Không có gì gấp, hãy cứ thông thả.

Ngài Tuyên Hóa và Kim Sơn Tự

Địa điểm Kim Sơn Tự tọa lạc tại Mỹ quốc là một khu vực náo nhiệt, tuy không thuộc khu vực bề thế quan trọng, song cũng rất gần với cảnh phồn hoa: Vì chỗ nằm chẳng cách xa rạp chiếu phim và viện điện ảnh bao nhiêu. Cạnh đó còn có ba bốn câu lạc bộ, đối diện chùa là mấy cao ốc khách sạn, ngày đêm đều có phụ nữ tới lui rộn ràng huyên náo, ở góc đường thường có các thanh niên tụ tập, tôi luôn cảm thấy khu vực này không được thanh tịnh, nên rất thắc mắc, không hiểu sao Trưởng lão Tuyên Hóa và các chúng cao đồ ban sơ lại chọn địa điểm này để lập chùa? Tôi cũng không biết được là vào thuở đầu tiên ấy thầy trò họ lập nghiệp rất vất vả, gian nan.

Nguyên là mười mấy năm trước ngài Tuyên Hóa từ Hương Cảng qua Mỹ truyền pháp, khi đến San Francisco, trong mình ngài chỉ có mấy mươi đồng. Trước tiên ngài thuê tầng hầm của một tiệm trong khu phố Tàu để làm nơi trú ngụ và thuyết pháp. San Francisco là đại đô hội phồn hoa muôn màu muôn vẻ, là chốn hưởng thụ vật chất, là nơi thanh sắc phô bày, có trăm hồng ngàn tía xênh xang. Lúc đó đa số người ta đối với Phật giáo không hứng thú, nên chẳng ai chú ý đến tiểu Phật đường nhỏ bé, vô danh nơi tầng hầm của khu phố Tàu. Ngài Tuyên

Hóa vẫn bền chí ôm bi tâm, chí hùng; không ngừng lên kế hoạch truyền pháp. Ngài đã khổ công tạo ra nơi học Phật, cuối cùng cũng được giới nhân sĩ chú ý đến.

Nhiều người đã kể lại câu chuyện thú vị về ngài như sau:

Lúc ngài ở tăng hám truyền đạo được mấy năm (đây là một đạo tràng nghèo nàn, chật hẹp... vô phương phát triển), dù đã có nhiều người biết đến, nhưng chưa được người xem trọng, cho đến khi một kỳ tích xảy ra làm chấn động cả miền Tây nước Mỹ...

Người ta kể rằng: Đương thời có một vị phu nhân quyền quý trong xã hội bị chứng ung bứu sắp chết, tại y viện các bác sĩ đều nói là vô phương cứu chữa. Phu nhân này tự biết mình không qua khỏi, liền bảo người nhà hãy thỉnh Hòa thượng tới tụng kinh cho bà. Lúc đó ở San Francisco, Tăng sĩ rất ít, người nhà biết đi đâu tìm bây giờ? Bỗng họ chợt nhớ mình từng đi ngang qua khu phố Tàu và có thấy một Hòa thượng tụng kinh ở đấy, họ liền nghĩ: Thôi thì, trước tiên hãy thỉnh ông này đến tụng kinh cho quý phu nhân. Cả nhà lúc này đối với chuyện tụng kinh cũng hoàn toàn không có mong cầu gì, chỉ là muốn đáp ứng khát vọng của người sắp chết mà thôi.

Trưởng lão Tuyên Hóa nhận lời đến bệnh viện, ngài ở trước quý phu nhân, tụng

kinh liên tiếp suốt mấy ngày. Về bản kinh thì có rất nhiều lời đồn thuật không đồng nhau: Có người nói lúc đó ngài tụng chú Đại Bi, người thì bảo là ngài tụng Tâm kinh, có người thì nhất quyết khẳng định là ngài tụng chú Lăng Nghiêm (mỗi người nói một kiểu...) Tổng kết lại: Nếu nói là tụng “kinh Phật” thì đúng nhất.

Sau đó, kỳ tích xuất hiện, vị quý phu nhân này sau khi nghe kinh rồi, không những bà chẳng chết đúng như hạn kỳ bác sĩ tiên đoán, ngược lại còn dần dần hồi phục rồi khỏe mạnh luôn. Sau đó bệnh viện kiểm tra thấy ung bướu trong mình bà tiêu tan đâu mất hết.

Việc này tất nhiên gây chấn động khắp miền Tây nước Mỹ, khiến giới nhân sĩ Trung Hoa, Tây phương nườm nượp tìm đến phỏng vấn ngài, song ngài luôn khiêm cung, chẳng chịu nhìn nhận là nhờ mình tụng kinh, mà luôn nói: Tất cả đều do lòng chí thành kính tin Phật pháp mà thu được kỳ tích!

Tôi cũng có hỏi về việc này nhưng ngài Tuyên Hóa chỉ cười đáp:

- Ta cũng chẳng hiểu nữa, ta không có tài trị bệnh, cũng đâu giỏi phép thuật chi, chỉ toàn là tụng kinh Phật thôi!

Thượng nhân tính vốn khiêm cung, Ngài chưa từng kể hay khoe khoang bất kỳ chuyện hay, chuyện lạ nào. Thực tế, trong

lúc ngài khổ hạnh hoằng pháp hơn mười năm, những chuyện kỳ diệu xảy ra phải nói là nhiều không kể xiết, nhưng bản thân ngài không hề khoe khoang hay nhắc đến mấy việc này, chỉ có chúng đệ tử vì quá ngưỡng mộ nên đã kể cho nhau nghe thôi.

Nếu có ai hỏi, ngài đều nói: Giả như có chuyện kỳ diệu, thì đó là nhờ người có lòng tin, có tâm chí thành và thiện niệm... nên mới được Phật Tổ, Long, Thiên... chúc phúc gia trì.

Ngài giảng kinh không ưa dùng kỳ tích hay chuyện lạ để tuyên truyền, ngài cho rằng quan trọng nhất là truyền bá chân nghĩa Phật pháp. Suốt thời gian tôi thân cận và dự thính các buổi thuyết giảng của ngài, tôi chưa từng nghe ngài nhắc đến bất kỳ chuyện lạ nào. Khi ngài giảng kinh, thái độ cực kỳ nghiêm túc. Chung quanh ngài, bất kể là chúng đệ tử xuất gia hay tại gia, họ đều hành xử thập phần kính cẩn tôn nghiêm. Nhưng trong xã hội, những truyền thuyết và kỳ tích về vị cao tăng này đã xảy ra rất nhiều, thật sự là nhiều vô số kể.

Bản thân tôi cũng là một kỳ tích đây, vì một kẻ cứng đầu ngang bướng cỡ tôi mà còn bị ngôn hành giáo pháp của ngài làm cho chấn động đến phải phát tâm kính phục, thì đó không phải chuyện lạ hay sao?

Ngài Tuyên Hóa truyền pháp tại phổ người Tàu, đã hấp dẫn khiến cho người Mỹ phải chú ý, tôi cho rằng mấu chốt quan trọng chính là do ngài thuyết giảng quá sâu sắc, quá hay. Ngài đã đem tinh hoa Phật pháp giới thiệu cho xã hội Tây phương, nên mới được các thanh niên và phần tử trí thức nước Mỹ xem trọng. Còn về các chuyện lạ xảy ra, thì đương nhiên cũng có tác dụng giáo hóa rất lớn, mặc dù xuất hiện kỳ tích, song nếu không kiên cường dùng Phật lực và tinh túy giáo lý để cảm hóa, thì khó thu được thành tựu vĩ đại như hôm nay.

Giới trí thức ở Mỹ nườm nượp đến nghe ngài Tuyên Hóa giảng kinh, nhiều đại học xúm nhau mời thỉnh ngài vào trường thuyết giảng kinh Phật. Nhiều tiến sĩ, nhân sĩ nghe ngài thuyết pháp rồi, thì phát nguyện qui y Tam bảo; phát nguyện xuất gia, xin được tu học dưới tòa ngài. Họ tinh tấn nghiên cứu Phật lý, phiên dịch kinh Phật ra Anh văn.

Các thanh niên Mỹ có bằng Tiến sĩ, Bác sĩ, Thạc sĩ... tốt nghiệp từ các đại học nổi danh đã theo tu học dưới tòa ngài nhiều không thể kể hết. Chúng đệ tử thanh niên này tốt nghiệp đủ ngành nghề, thuộc hàng ưu việt; nhưng họ lại tự nguyện buông bỏ danh vọng, chức cao, lương hậu... để theo ngài xuất gia làm Tăng, Ni... tinh tấn tu học hoằng pháp, tự nguyện

sống thanh bần kham khổ, dốc sức nghiên cứu và truyền bá Phật pháp.

Ngài cùng nhóm đệ tử (là những nhân tài ưu tú của Mỹ quốc) đồng cam cộng khổ phát triển đạo pháp; ngài hướng dẫn Hội Phật Giáo Trung Mỹ, khởi đầu từ tầng hầm nhỏ bé nhưng đến hôm nay cơ nghiệp đã phát triển quy mô thành “Đại Học Vạn Pháp Giới Vạn Phật Thành”, là một cơ sở Phật giáo đầy đủ, bề thế... nổi tiếng tại Bắc Mỹ. Những gian khổ mà ngài và chúng đệ tử đã từng trải qua, thật khó mà kể hết được, ngay chính tôi cũng không thể dùng ngòi bút và văn chương hạn hẹp của mình để mô tả cho xuể những phần đấu cam go đó.

Đầu tiên ngài và chúng đệ tử mua một tòa nhà lớn tại San Francisco làm Đạo tràng và Đồ thư quán, hiện nay đã đổi thành nơi trú ngụ của hơn mấy mươi vị Ni chúng (là nhóm nữ đệ tử người Mỹ) họ đã qui y, tu theo Thượng nhân, quý vị này đều có học thức cao, hiểu đạo uyên thâm, phiên dịch kinh Phật rất giỏi.

Đệ tử Thượng nhân và chúng tại gia đã hợp lực mua một tòa công xưởng Diêm Quẹt tại đường 15, cùng xây dựng tu bổ... thành ngôi Kim Sơn Tự ngày nay, dù mức độ quy mô chưa thể gọi là khôi hùng, song mỗi lần ngắm nhìn ngôi đại lâu Phật điện ba tầng này, tôi cũng thấy rộng lớn lắm rồi.

Trong một buổi lễ tại Kim Sơn Tự, tôi đã phỏng vấn Thượng nhân, nêu thắc mắc như sau:

- Ngôi chùa này được xây tại chốn phồn hoa, thì làm sao có thể yên tĩnh, thanh tịnh được?

Thượng nhân mỉm cười đáp: Đúng vậy! Vì đây là nơi phồn hoa, nên rất thích hợp để thử thách... khảo nghiệm ý chí của người xuất gia tu hành!

Nghe vậy tôi hoát nhiên đại ngộ: Phải đấy! Chỉ cần bước ra khỏi cổng, thì bên ngoài chính là thế giới phồn hoa đầy thịnh sắc quyền rũ, cái gì cũng có...

Người xuất gia nếu không có ý chí kiên nghị vô bờ, thì khó mà kháng cự lại tất cả những quyến dụ từ cảnh giới bên ngoài. Thời gian tôi trụ tại Kim Sơn Tự, đã âm thầm quan sát chư tu sĩ nơi đây: Tôi thấy các thanh niên Mỹ quốc xuất gia này đối với bao quyến rũ của ngoại giới, họ đều có thái độ dường như “không thấy không nghe, tâm tư vô cùng bình thản”... khiến người phải khâm phục.

Có lẽ tôi nằm trong thiểu số đệ tử tại gia may mắn, có vinh hạnh được thân cận gần gũi Thượng nhân nhất, được nghe ngài chỉ dạy tỉ mỉ... Ngài dự biết tôi là một kẻ cứng đầu ương bướng, nhưng lại đối với tôi vô cùng từ bi thiết tha, luôn dịu dàng từ ái, bảo

ban, đặc cách cho phép tôi được theo hầu bên cạnh ngài.

Tôi là một trong số ít người được phép đi vào thiền phòng ngài, đồ đạc trong đó rất đơn giản: Ngoài một bàn, một ghế ra, thì không có gì khác. Trên bàn chỉ có một sổ kinh điển Phật, ngài không có bất kỳ tài vật nào. Quanh năm không phân Đông, Hạ... ngài luôn mặc chiếc Tăng bào cũ kỹ, mùa lạnh thì khoác thêm cái áo bông ngắn tay... đây là toàn bộ y vật của ngài. Đương nhiên còn có một Cà sa ngài dành để đắp trong các buổi đại lễ.

Phòng làm việc của ngài ở ngoài thiền phòng, trừ cái bàn dài ra, còn có bộ sa lông để tiếp khách, trên bàn đặt mấy cây bút mực, ngoài ra không có gì.

Nói đến bút viết, tôi biết bản tính ngài không ưa cầm bút, cho dù thư pháp ngài rất đẹp, nhưng ngài không hay viết thư tín chi. Ngài thường cười bảo tôi: Chữ ta không được tốt nên không muốn viết ra!

Tôi cũng không thấy ngài viết lách hay có bất kỳ tác phẩm sáng tác nào, nhưng tôi thấy ngài thường nghiên cứu Phật học. Mỗi ngày Thượng nhân thuyết giảng, câu câu đều là văn chương tuyệt hay, tự nhiên thốt ra, chúng đệ tử chỉ cần thu âm, rồi chép lại, thế là một quyển luận giảng được thành hình, không phải do ngài đích thân sáng tác...

Tôi biết ngài chưa từng viết hay có bản thảo gì. Những lúc giảng kinh, ngài ngồi trên tòa, nói chậm rãi...

Ngài là người Đông Bắc, khi giảng thuyết luôn nói tiếng Trung đúng chuẩn, ngài thường khiêm cung tự nhận là mình không giỏi Anh văn. Chúng đệ tử Mỹ thường thu âm lời ngài giảng tại hiện trường rồi thay nhau phiên dịch thành Anh ngữ cho người tại Đạo tràng nghe.

Có lúc ngài nói mười mấy phút mới ngừng lại để cho đệ tử phiên dịch; tôi lắng nghe ngôn từ ngài giảng, càng chú ý đến phiên dịch của các đệ tử, cảm thấy họ dịch rất phù hợp, thỉnh thoảng cũng có bị dịch sai, những lúc này (vị Thượng nhân hằng khiêm cung luôn nói là mình không giỏi Anh văn ấy), sẽ lập tức chỉ ra chỗ cần sửa và hướng dẫn đồ đệ phải dịch như thế nào, rồi ngài điền từ Anh văn vào rất phù hợp, chính xác, khiến tôi phải thán phục.

Phật giáo có thể dùng âm nhạc truyền bá

Những lúc Thượng nhân giảng kinh thuyết pháp hay hội họp, ngài luôn nói tiếng Trung, tôi luôn vinh hạnh được mời vào tham dự và phát hiện ra: Dù ngài nói mình không giỏi Anh văn, nhưng ngài hiểu hết, những khi cần ra chỉ thị hay cho ý kiến bổ sung chi, ngài

luôn đề xuất bằng tiếng Anh rất phù hợp. Ngài còn viết một trang Phật thi bằng Anh văn. Chúng đồ đệ cảm thấy bài thơ này hay quá nên đã cho phổ thành ca khúc, đến nay thành là một trong các bài Thánh nhạc Phật giáo, được lưu hành rộng rãi.

Nói đến thi ca Phật giáo, đệ tử ngài rất giỏi sáng tạo, các Ni sư người Mỹ có tài âm nhạc, đã đem nhiều thơ kệ Phật giáo phổ thành bài hát Tây phương, tạo thành những bản hợp xướng thường nhật, bổ sung cho Phật khúc phổ thông.

Xét về truyền đạo thì Phật giáo không mạnh bằng Cơ Đốc, nguyên nhân có rất nhiều: Do nghĩa lý Phật giáo quá thâm áo, phức tạp, không dễ cho một số người tiếp thọ... thêm một nguyên nhân khác nữa là: Phật giáo thiếu âm nhạc, mà các bài thi ca, xướng tụng của Phật giáo vốn không dùng để giải trí nên thiếu sức hấp dẫn, không làm lay động lòng người, mà cái kiểu xướng tụng của người phương Đông, Trung Quốc... dân Tây họ nghe rất khó lọt lỗ tai, nếu người Tây chịu nghe nhạc Trung Quốc, thì chỉ là: Vì họ cảm thấy tò mò, chứ không hề có tí cảm xúc rung động chi... (theo ngu kiến của tôi) Phật giáo muốn hoằng truyền tốt hơn tại Tây phương thì cũng nên dùng thêm âm nhạc để cảm hóa dân Tây, vì vậy tôi rất thán phục

khi nhận ra thiên tài sáng tạo của các Ni sư (cao đồ của Thượng nhân nơi đây) đã đem lại hiệu quả rất lớn.

Hiện nay Hội Phật giáo Trung Mỹ dưới sự lãnh đạo của ngài Tuyên Hóa: Các Chúng đệ tử chân chính khổ tu, hoằng pháp hữu hiệu, họ rất có tài truyền đạo. Cũng không đơn thuần do họ nhiệt tình làm từ thiện, mà còn nhờ họ biết Tây hóa, khéo léo sáng tác các bản nhạc Phật giáo đóng góp thêm vào. Tôi tự cảm thấy xấu hổ, vì từng nuôi mộng sẽ viết các bản nhạc Tây, phụ truyền pháp giúp thêm cho Phật giáo, nhưng do bận rộn mưu sinh nên chưa thể thực hiện.

Kim Sơn Tự quy củ rất nghiêm, ba giờ khuya đồ chúng thức dậy công phu, buổi sáng có nhiều công khóa, nên chúng bận rộn đến 11 giờ mới đọc kinh thọ thực, trong chùa thường ăn đúng Ngọ, quá 12 giờ không dùng. Ăn trưa rồi, đồ chúng nghỉ ngơi một chút, sau đó mỗi người tự làm nhiệm vụ của mình.

Buổi tối có giảng kinh, bảy giờ đại chúng tề tựu tụng kinh nhiều Phật, tám giờ ngài Tuyên Hóa thăng tòa giảng thuyết (gồm mấy mươi quyển kinh Pháp Hoa và các bộ kinh lớn khác, mỗi ngày giảng một đoạn) đệ tử thu âm, ghi ra băng đĩa, tính ra đã được hơn hai vạn quyển rồi.

Mười giờ tối toàn chùa chỉ tịnh, trừ đèn cúng Phật còn thấp sáng ra, tất cả chỗ đều tắt. Nếu có kẻ duy nhất không tuân quy củ, e là chỉ có mình tôi! Tôi có thói quen viết lách đêm, làm sao mà ngủ sớm được? Tôi thường ở trong phòng mình xem sách, mãi đến nửa đêm mới có thể ngủ, phòng ngủ tôi được sắp ở cạnh thiền phòng ngài Tuyên Hóa, xem như tôi cực kỳ gần ngài.

Sư phụ thỉnh thoảng cũng hay qua gõ cửa, hỏi thăm tôi mền có đủ ấm? Có cần gì nữa chẳng? Ngài cư xử từ ái, thân thiện, ấm áp như cha mẹ đối với con. Ngài hay cùng tôi trò chuyện, có khi đến nửa đêm; có lúc đàm đạo đến một hai giờ sáng. Bình thường ngài không nói cười cầu thả, lúc này trông ngài thật hòa nhã, ôn nhu; ngài thường bàn về Đại Học Pháp Giới và thổ lộ hoài bão hoàng dương đạo pháp với tôi. Ngài rất khiêm cung, các vấn đề ngài nêu ra thường hay trưng cầu ngu ý của tôi để tham khảo.

Có lúc ngài đặc biệt vì tôi giảng một số Phật kinh. Tôi ngủ muộn không tuân theo thanh quy chùa, khiến ngài cũng nhọc nhằn phá lệ thức khuya theo, các đệ tử trong chùa đều nói: Sư phụ chưa từng làm thế với ai bao giờ.

Ngài không ưa thù tạc xã giao thế tục, nhưng có rất nhiều quan lớn nổi danh trong

xã hội hay đến tham bái ngài. Thượng nhân đành phải quy định mỗi ngày tiếp khách vào buổi chiều, dành ra thời gian cho họ được gặp tại phòng khách ở lầu hai. Nhưng lúc này nếu mà tôi còn ở trong chùa, thì luôn bị ngài kêu vào cùng tiếp khách phụ với ngài.

Tận tâm tận lực vì sự nghiệp giáo dục

Nhớ có lần, ngài mời một vị giáo thọ nổi danh hội kiến, thuyết phục ông ta hãy đến Đại Học Pháp Giới Vạn Phật Thành giảng dạy một môn. Lúc đó, tôi đang đứng hầu một bên, ngài liền kéo tay tôi, bảo hãy ngồi xuống cùng ông ta. Vị Giáo thọ này ngồi bên ghế khách (Thượng nhân đang nài nỉ tha thiết; mong ông nhận dạy, nhưng ông khẳng khái không chịu, lý do là vì gia quyến ông ngụ tại Đông Mỹ; nếu dời đến đây rất bất tiện). Ông nói rằng địa điểm Vạn Phật Thành quá xa, vì nằm ở phía Bắc Cali, cách Cựu Kim Sơn (San Francisco) hơn 180 dặm Anh, nếu lái xe đường đèo phải mất mấy tiếng mới tới chân núi. Nơi đây phong cảnh ưu mỹ, có diện tích 287 mẫu Anh (khoảng 1.389.080 mét vuông - một mẫu Anh là: 4.840m²).

(Xin tả sơ một chút về Vạn Phật Thành: Trong đây cây cao chọc trời, có 44 ngôi lầu vũ xây theo kiểu Tây âu cực to. Trước đây chỗ này vốn là một bệnh viện thuộc chính

quyền California quản lý, do chi phí bị tốn kém quá nhiều, nên đã cho bán đấu giá và được Hội Phật giáo Trung Mỹ (tức Trường lão Tuyên Hóa Kim Sơn Tự cùng các cao đồ và Phật tử) góp tiền mua, tạo thành căn cứ Phật giáo. Nơi này có sẵn thiết bị của bệnh viện và nhà ở vĩnh viễn, đủ để chứa cả vạn người, nên nhân đó ngài Tuyên Hóa cho đặt tên là “Vạn Phật Thành”. Tại đây ngài còn xây nên Đại Học Phật Giáo, được chính phủ california cấp phép, trong Đại Học Pháp Giới, ngài còn thiết lập “Viện Nghiên Cứu Phật Học” cùng “Học Viện Dịch Kinh”, “Học viện Kỷ Niệm Hư Vân Đại Sư” v.v... trong đây các môn nhân, các học giả Trung Mỹ đông vô số kể, tất cả cùng hợp lực cố gắng, gian nan lập nghiệp).

Hôm trước tôi đã dẫn vị giáo thọ nổi danh này đến thăm Vạn Phật Thành rồi. Ông ta cũng có cái khó riêng của mình, tôi thừa hiểu nỗi khổ khi phải kiên quyết chối từ nơi ông, đồng thời tôi cũng bị sự khẩn cầu của Thượng nhân làm cho cảm động, mềm lòng...

Hiện thời tôi đứng giữa hai bên, không biết phải cư xử thế nào, do khó chối từ ánh mắt của ngài, nên tôi đành ra sức thuyết phục ông giáo nhận dạy... chỉ tiếc là tôi quá vụng về mồm mép, nên có nói cũng bằng thừa.

Đang lúc khó xử thì đệ tử ngài Tuyên

Hóa đến, trình báo là: Có người xin được gặp Thượng nhân. Do ngài đang bận thương nghị, nên tôi liền ngỏ ý:

- Thôi để con thay ngài xuống dưới lầu tiếp họ...

Tôi nói thế vì thầm cảm nhận được khách đến từ Đài Loan xa xôi là hai nữ sĩ (hình như họ vì chuyện tượng Phật Quan Thế Âm mà đến đây xin gặp Thượng nhân).

Ngài Tuyên Hóa cũng thường có dự tri, điều này rất nhiều người kể lại.

Mà xét ra cũng thật kỳ quái, lúc tôi ở tại tự viện bên cạnh ngài Tuyên Hóa, tôi thường có những dự tri đột ngột phát sinh, khiến tôi vô phương giải thích, vì khả năng vốn có từ thuở bé này, khi lớn lên đã bị phai nhạt (do cuộc sống bồn đảo loạn lạc tôi phải vất vả tâm trí lo mưu sinh để nuôi mẹ).

Khi tôi xuống lầu, thì thấy ngoài đại môn có hai nữ sĩ từ Đài Bắc tới, vốn là hai mẹ con. Tôi vừa hỏi mục đích họ đến đây, thì quả đúng là họ muốn xin ngài Tuyên Hóa khai quang cho tượng Bồ tát Quan Thế Âm mà họ mang từ Đài Bắc đến.

Tôi ở dưới lầu tiếp đãi, xin họ đợi một lát. Ngay lúc đang trò chuyện với họ thì tôi bỗng nhìn thấy cảnh tượng: Hòa thượng Tuyên Hóa ở trên lầu đang lấy tay áo lau nước mắt... điều này khiến tôi cả kinh: Bởi vì

bị ngăn cách bởi một vách tường lầu mà tôi vẫn nhìn xuyên qua và thấy rõ mồn một, có lạ không chứ?

Tôi rất lo, nên vội kéo mấy vị đại đệ tử của ngài Tuyên Hóa đi theo mình và nói: Hãy mau mau lên lầu xem... Sư phụ đang khóc ở trên đó!

Chúng đệ tử biết tôi thường có những dự cảm ly kỳ, nên họ không hỏi nhiều, cùng lao lên tầng hai nhanh như cơn gió, quả nhiên chúng tôi đồng chứng kiến cảnh Thượng nhân đang đưa tảng bào lên lau lệ... còn vị giáo thọ kia thì ngồi im lặng cúi đầu.

Chúng đệ tử vừa thấy cảnh này, thầy đều quỳ xuống trước Thượng nhân, không ai dám nói câu nào, tôi vội đến bên ngài an ủi, tôi nói:

- Sư phụ đừng có buồn như vậy, ông giáo không chịu trợ giúp đào tạo nhân tài cho Đại Học Pháp Giới, thì vẫn còn nhiều học giả khác sẽ đến giúp ngài, hà tất phải buồn như thế? Thiên hạ này rộng lớn, đủ duyên thì việc thành, đâu cần phải ép buộc người không có duyên?

Tôi ăn nói không khách khí, ngầm trách móc ông giáo thọ nổi danh kia (đây là khí lượng hẹp hòi của tôi, thực ra không cần phải vậy).

Thượng nhân đáp:

- Ta chỉ hận mình vô năng, muốn cầu hiền tài trợ giúp tốt cho đại học Pháp Giới mà cũng bị chướng ngại, nên ta cảm thấy buồn.

Nghe Thượng nhân nói, các đệ tử đang quỳ đều cảm thấy xót xa. Chỉ mình tôi là ngang ngạnh, tôi khuyên Sư phụ hãy kiên nhẫn đợi thời, tương lai ắt sẽ có nhiều hiền tài tìm đến giúp. Tôi còn nói:

- Trên thế giới này đâu chỉ phải có một nhân tài mà thôi?

Thượng nhân bảo: Đây không phải lỗi của ông giáo, là do ta tâm thành chưa đủ...

- Được rồi, con không nói nhiều nữa, để con mời khách về phòng nghỉ, còn việc kia từ từ bàn, xin Sư phụ đừng vì chuyện này mà quá thương tâm.

Sau đó vị giáo thọ kia cũng quay về miền Đông nước Mỹ, ông có cái khó của ông, cũng không thể trách được.

Tôi kể lại chuyện này, là muốn mọi người hiểu ngài Tuyên Hóa vì sự nghiệp giáo dục của Đại Học Pháp Giới mà tổn hao tâm huyết rất nhiều.

Một vị cao tăng bát phong bất động như thế, lại phải vì chuyện giáo dục Phật giáo mà lo nghĩ, ưu tư đến mức rơi lệ, việc này ở bên ngoài nào có ai hay biết? Lúc ấy chỉ có mấy người tại hiện trường chứng kiến mà thôi.

Đại học Pháp Giới ngày nay đã thành tựu quy mô đầy đủ, nhờ Thượng nhân cùng các cao đồ nhiều năm khổ tâm gieo trồng, cuối cùng đã được thành công.

Vào ngày mùng 4 tháng 11 năm 1979 Thượng nhân cử hành lễ khai quang vạn ngôi Phật tượng trong Vạn Phật Thành, sau đó ngài cho xây tiếp ngôi Đại Hùng Bảo Điện, nhờ vậy đến nay khu vực này mới có 44 tòa nhà, ba trăm mẫu đất sơn lâm, phát huy khu Thánh địa tùng lâm Phật giáo. Đối với việc đào tạo nhân tài truyền bá Phật giáo vĩnh cửu, Thượng nhân Tuyên Hóa cùng các cao đồ luôn khiêm cung, đây cũng chính là thân giáo mà ngài thường làm gương cho đệ tử. Khi ngài có đề xuất ý kiến gì thì luôn cho họp chúng tham khảo, không hề độc đoán tự quyết, cũng chưa từng ra lệnh. Sự thực này tôi đã nhiều lần chứng kiến. Hội Phật giáo Trung Mỹ của ngài luôn dùng tinh thần dân chủ quyết định.

Các đệ tử rất tôn kính ngài, dù họ có ly khai hội rồi thì bất kỳ trường hợp nào cũng đều giữ lễ nghĩa tôn ty chu đáo. Những đệ tử học giả Mỹ quốc này thể hiện sự chân thành tôn kính xuất phát tận đáy lòng.

Trong ngày, những khi bọn họ sơ kiến Sư tôn, hoặc có việc cần bẩm báo, nhất định thường cung kính đánh lễ với thái độ chân

thành, họ sùng bái vị Sư tôn công chính khiêm cung, quang minh chánh đại, tuyệt không phải là hành vi làm máy móc theo lễ nghĩa, mà xuất phát từ tận con tim.

Đến như đệ tử tục gia bên ngoài tới, khi gặp ngài Tuyên Hóa, bất kể nam, nữ, già trẻ; thầy đều tự động quỳ xuống đánh lễ... vì quá tôn kính ngài. Thượng nhân luôn cảm thấy mình thọ lễ quá mức nên rất không muốn, ngài thường kêu tôi hãy thay ngài diu khách đứng dậy.

Tuy ngài tuy là thủ lãnh Kim Sơn Tự, Vạn Phật Thành, Đại Học Pháp Giới, nhưng mọi việc ngài đều giao đệ tử phụ trách, bản thân ngài chỉ có hư vị, mọi việc chi xuất hành chính phúc thiện lớn, nhỏ... ngài đều giao cho hai đại đệ tử lo, sau khi bàn bạc cùng ngài thống nhất ý kiến xong thì mới xuất chi phiếu. Chuyện thu nhập quỳên khoản bên ngoài, bất kể lớn nhỏ; cũng do đệ tử bên tài vụ lo. Hòa thượng và chúng đệ tử khác không không ai giữ tài vật tư riêng, nếu có đệ tử tục gia hiến cúng kim tiền, ngài lập tức sung vào công khổ.

Dùng thân giáo, lấy đức lập ngôn

Thượng nhân ăn uống đạm bạc, chúng đệ tử đồng tuân theo, họ không có bất kỳ hưởng thụ đặc biệt nào. Những thức chay

ấy, thành thực mà nói, tôi thấy không có hấp dẫn. Thức ăn gì cũng đều nấu chung một nồi, hơn nữa mỗi bữa phải ăn lại món cũ còn thừa hôm qua cho hết, rồi mới dùng đến thức mới. Tôi cảm thấy khó nuốt, nhưng thầy trò Thượng nhân không hề chê, vui vẻ chấp nhận cảnh thọ thực đạm bạc.

Nguyên lai chúng ta đến Phật tự là để học tập, tu hành, chứ không phải hưởng thụ. Sự khổ hạnh của người xuất gia, thực sự kẻ thế tục như chúng ta không thể tưởng tượng được. Chỉ những lúc chiều đãi khách khứa, thì mới có cư sĩ nữ vào bếp nấu món ngon.

Sư phụ trụ tại am thất ở Hoa Thịnh Đốn, (Washington) chư đệ tử nữ hằng ngày đến nghe ngài giảng kinh, nghe xong thì về ngay, thái độ vô cùng nghiêm túc; họ không theo bất kỳ nam tử nào trò chuyện, Ni viện của họ cũng không cho bất kỳ nam tử nào vào. Nhưng tôi đã có vài lần đến chỗ họ, được các Ni sư phá lệ mời vào tọa đàm (đây là ngoại lệ), thường thì chư Ni hay hỏi tôi về cách phiên dịch văn chương, nhưng chỉ hạn cuộc trong lúc nghe kinh, tôi thấy họ phiên dịch rất chính xác, chỉ có một số thành ngữ Trung văn họ không rành mà thôi.

Do ngài Tuyên Hóa giảng kinh hay dùng nhiều thành ngữ mà họ chưa biết, nên họ phải hỏi tôi cho dễ phiên dịch. Gặp những

tình huống này, Thượng nhân luôn mỉm cười lắng nghe, thỉnh thoảng nếu thấy tôi nói không đúng, thì ngài sẽ dùng Anh văn để bổ sung và giải thích cho tôi hiểu.

Ngài Tuyên Hóa sống khắc kỷ cần kiệm, đối với sự nghiệp từ thiện luôn tận lực làm, tôi không thể kể hết những nghĩa cử của thầy trò họ đã từng làm, chỉ có thể tả sơ là họ rất kính lão, dưỡng hiền... và chăm lo việc phúc lợi xã hội. Trong Vạn Phật Thành có “Viện Dưỡng Lão”, Thượng nhân cũng chú trọng giáo dục Phật giáo cho nhi đồng và nỗ lực đem tư tưởng từ bi ươm mầm cho thế hệ mai sau. Ngài còn lập “Nhà Tản Táng” trong Vạn Phật Thành để tiện cho dân địa phương thổ táng, không phân biệt giáo phái; dù là Cơ Đốc giáo, Do Thái giáo hay đạo Hồi v.v... luôn được chùa hoan hỉ cho sử dụng đất an táng, hoàn toàn miễn phí.

Xưa nay, hiếm ai chịu thu nhận người chết khác biệt tôn giáo như vậy, e là chỉ có Vạn Phật Thành chịu làm việc này thôi. Điều này cũng chứng minh ngài duy trì mối quan hệ rất tốt với các tôn giáo bạn.

Quốc vương nước Tây Ban Nha đã tình nguyện làm Giám đốc danh dự cho Đại Học Pháp Giới cũng vì quá cảm động tinh thần gian khổ đào tạo sự nghiệp giáo dục của ngài.

Thượng nhân thờ mẹ chí hiếu, lúc ngài 19 tuổi, thân mẫu quy tiên, ngài đã giữ mộ thủ hiếu cho mẹ ba năm.

Vì vậy ngài rất hoan hỉ khi thấy tôi hiếu kính mẹ, đành để tôi vì chăm sóc mẹ mà không thể lưu lại Vạn Phật Thành. Bởi ngài có đề nghị tôi đem mẹ vào Vạn Phật Thành, nhưng do sức khỏe mẹ tôi quá yếu, bà không thể di chuyển đi xa, tôi đành phải để bà cư trú ở nơi thích hợp và tiện lợi cho sức khỏe bà nhất, vì vậy mà tôi không thể ngụ lâu tại Vạn Phật Thành.

ĐỜI NGHE PHÁP

Tại Vạn Phật Thành, có rất nhiều chuyện kỳ lạ. Ngày 27 tháng 8 năm 1976 tôi ở tại Vạn Phật Thành (bang California), hằng ngày bái Phật tĩnh tọa, rảnh thì du sơn ngoạn thủy (ngao du mấy ngày cũng không nhớ rõ...)

Trưởng lão Tuyên Hóa ngụ ở Như Lai Tự (Vạn Phật Thành) đã cùng chư khách là pháp sư Đạo Nguyên (ở Đài Bắc), pháp sư Chân Hoa... và hơn ba mươi vị cao Tăng, cùng thay nhau liên hợp thuyết pháp tại tiền sảnh Đồ thư quán của Vạn Phật Thành.

Cư sĩ đến dự hội có hơn trăm người, gồm các học viên, học giả người Hoa, người Mỹ... nổi danh. Giảng đường đông nghẹt, tôi chọn ngồi ở hàng cuối, vì tính tôi không ngồi lâu, do ỷ vào lòng thương của ngài Tuyên

Hóa nên tôi cầm máy chụp hình, chạy đi khắp nơi, bấm chụp lia lịa. Trong lúc mọi người đang cung kính lắng nghe thì tôi giống như con khỉ, lằng xằng không ngừng, chẳng chịu yên, chụp xong tôi không quay về chỗ ngồi cũ mà ra phía sau ngòai xuống thăm thẳm tựa vào giảng tòa của pháp sư Đạo Nguyên.

Thầy Đạo Nguyên giảng thập phần cao diệu, mọi đang người chăm chú nghe thì ngay lúc đó... trong đầu tôi bỗng hiện ra một cảnh lạ: Tôi thấy một người to lớn có hai cánh, thân khoác áo choàng đen từ xa bay tới, mặt mày trông rất hung dữ, đáng sợ. Thấy hấn bay đến đại môn, tôi cả kinh nên quên hết lễ nghi, vội nhồm dậy và chạy thật nhanh từ nội môn ra đến hành lang, lao thẳng tới đại môn để xem xét tình hình...

Lúc này khoảng hơn 8 giờ tối, bên ngoài đại môn tối đen, phía trong chùa đèn chiếu sáng rực, bày trẻ đang chơi đùa tại tiểu sảnh môn, tôi mở to mắt nhìn ra xa... thấy con quỷ to lớn kia đang ngửa mặt bay tới, lúc nó đến trước mặt thì tôi mới phát hiện: Hóa ra là một con dơi! Nhưng nó không bay vào chỗ tối, mà cứ lao thẳng vào nội môn, nơi có ánh đèn sáng và cứ lượn vòng vòng quanh tôi.

Bầy trẻ chứng kiến cảnh này đều “ồ” cả lên, chúng định đập con dơi, nhưng tôi ngăn

lại, ra hiệu bảo chúng không được làm ồn. Đại môn to lớn cao rộng, tất nhiên con dơi có thể dễ dàng bay đi, nhưng nó không chịu bỏ đi, chỉ nhắm chỗ có ánh đèn sáng, bay sà xuống và nhiễu quanh tôi thôi, tôi liền đưa tay chỉ ra ngoài cửa, bảo nó: Người hãy đi ra ngoài đó nhé!?...

Nhưng nó cứ bay vòng vòng quanh tôi, không chịu đi ra.

Tôi biết rồi, vì đã hiểu. Bèn nói: Có phải người muốn đến nghe Sư giảng pháp chăng? Nếu đúng vậy, thì đi theo ta!

Bầy trẻ kinh ngạc há hốc mồm nhìn con dơi bay theo tôi qua hành lang dài hun hút vào đến tận cửa Giảng đường, cảnh này lập tức làm kinh động toàn hội trường, vì mọi người đều chứng kiến cảnh tôi trò chuyện, ra lệnh với con dơi, nó nghe và làm theo răm rắp.

- Trước tiên người hãy đậu chờ trên cửa nhé!

Tôi ra lệnh và con dơi tỏ ra rất hiểu ý, nó ngoan ngoãn đậu trên khung cửa, nghiêng đầu ngoắt tôi, gật gật đầu.

Lúc này người trong sảnh đều im lặng theo dõi tình hình, Pháp sư cũng tạm ngừng giảng, ngài Tuyên Hóa lúc này tiến đến, bảo tôi:

- Con hãy hướng dẫn nó vào trong đi! Con biết nó là ai không? Thực sự nó không

phải là con dơi đầu, nó rất muốn vào đây nghe pháp đó!

Tôi liền bảo con dơi: Bây giờ ngươi có thể tiến vào sảnh...

Con dơi gật gật đầu, vừa vỗ cánh, vừa bay vào bên trong sảnh, nó nhiễu quanh mấy vòng, rồi đậu trên trần (chỗ đài giảng) nhìn pháp sư và ngài Tuyên Hóa. Đầu gật lia lịa, tỏ vẻ giống như đang khẩu lễ.

Lúc này cả hội trường đều xúc động, mọi người đều niệm “A Di Đà Phật”. Tôi chụp liền mấy pô. Thầy Hằng Cự là cao đồ của ngài Tuyên Hóa, (vị tu sĩ người Mỹ này từng thực hành nhất bộ nhất bát suốt lộ trình dài một ngàn một trăm kí lô mét, bắt đầu từ San Francisco đến Seattle, trải qua thời gian mười tháng, nguyện cầu thế giới hòa bình...) lúc này cũng tiến đến chụp mấy tấm.

Khi đó trước mặt tôi bỗng lóe sáng, tôi lại nhìn thấy nơi khoảng tối bên ngoài, có một con sơn miêu cực to, đang nghiêng tai lắng nghe tình hình trong này, thế là tôi liền đứng dậy đi ra... ngài Tuyên Hóa cũng đã biết, nên bảo tôi:

- Con hãy đi ra đóng cổng lại, nhớ đừng có kêu con “mèo” đó vào đây nhé!

Tôi chạy ra đóng cửa, không kêu con mèo vào (con mèo này không phải mèo nhà,

nó một bề ngồi ở bên ngoài cho đến lúc tan giảng mới chịu bỏ đi, đại khái là nó cũng đến để nghe pháp).

Phần con dơi đậu trong thất, khi Lão sư giảng xong, ngài Tuyên Hóa bèn niệm Phật chúc phúc cho con dơi. Nó không ngừng gục gặc đầu, thỉnh chúng toàn trường đều kinh ngạc, thắc mắc vì sao con dơi có thể xông tới chỗ có ánh sáng? Vì sao nó không bay ra chỗ tối bên ngoài cửa?

Lúc tan hội, mọi người đều lo con dơi không chịu bay ra. Tôi bảo họ:

- Đừng có lo, tôi sẽ bảo nó đi ra, nếu tôi đã dẫn nó vào thì có thể đưa nó ra mà!

Lúc mọi người sắp tan hàng thì tôi đưa tay chỉ ra bên ngoài, miệng bảo con dơi:

- Mời bạn ra về nhé! Bạn từ đâu đến thì hãy bay về nơi đó đi!

Mọi người đều bật cười, nhưng con dơi đã ngoan ngoãn làm theo lời tôi. Nó bay thẳng ra ngoài và vỗ cánh biến mất trong bóng đêm.

Lúc này tôi bỗng nhìn thấy rõ hình tướng thật của nó: Đó là một con quỷ to lớn, diện mạo dữ tợn, đang vun vút bay đi...

Tại hiện trường lúc đó vẫn còn khoảng 20 người, thấy đều ngây người sửng sốt, cơ hồ như không dám tin là con dơi vì sao có thể nghe và hiểu tiếng người? Có thực là nó

đến để nghe pháp chẳng? Hiện tượng kỳ lạ này giải thích sao đây?

Tối đó, những thánh chúng đã tận mắt chứng kiến có hơn hai trăm vị (trong đây gồm nhiều vị học giả, thạc sĩ, tiến sĩ, bác sĩ nổi danh...) thấy đều nhận xét: Việc này quá kỳ quái!...

Kể cả mấy vị tiến sĩ Mỹ cũng vô phương giải thích.

Tôi đã nhìn thấy mặt mày thực của con dơi và đích thân dẫn nó vào trong nghe pháp, nhưng tôi không biết nó thuộc loài nào. Là thiên ma hay là sơn quái? Là gì nhỉ?... Chắc hẳn Ngài Tuyên Hóa biết rõ, nhưng dù tôi có hỏi thì ngài chỉ cười mà không chịu đáp.

Do số người tận mắt chứng kiến rất đông. Nên nếu bạn không tin, thì có thể tới “Kim Sơn Tự” hỏi thăm, tôi tuyệt không nói dệt thêu hay phóng đại đâu (còn chuyện con dơi không phải là dơi hay là loài nào khác... thì hãy để cho những vị có trí huệ phán định).

Riêng con sơn miêu khổng lồ xuất hiện, cũng là việc lạ. Bởi tôi nhìn thấy thực tướng nó là một quái nhân (vô diện), thân mèo, nhưng rỗng mắt. Thế nhưng do không có ai nhìn thấy, nên tôi không thể nhắc đến nó...

Buổi tối hôm sau, khi Đại sư thuyết pháp, bên ngoài lại xuất hiện hai con chó đen

to lớn ngồi nghe... đến tan giảng thì không thấy chúng nữa,

Bạn có thể hoài nghi, riêng tôi thì biết rõ đây là chuyện hoàn toàn xác thực.

VẠN PHẬT KỲ DUYÊN

Lần trước tôi đã kể chuyện con dơi nghe pháp, giờ xin kể tiếp câu chuyện lạ khác nữa: Nguyên là vùng đất này không có nguồn nước, vì vậy bệnh viện cũ trước đây suốt bốn mươi năm đều phải nung vào hệ thống cung cấp nước. Mấy năm gần đây dù chính phủ có mời chuyên gia đào giếng đến, nhưng tất cả bọn họ đều tuyên bố: Đất này không có nguồn nước!

Cho đến lúc ngài Tuyên Hóa mua bệnh viện và đổi thành “Vạn Phật Thành” rồi, thì Trưởng lão đã mời người đào giếng đến, ngài đưa tay chỉ đại một chỗ và nói:

- Ở đây nè, hãy đào đi!

Công ty đào giếng vâng lời, đem ống sắt cắm xuống, nhưng trong lòng vẫn bán tín bán nghi.

Lúc tôi đến Vạn Phật Thành, thì đã rất khuya, nên tôi hoàn toàn không biết đến chuyện chùa mới mời thợ đào giếng đến.

Bản tính tôi không có ngủ nhiều, nên trong lúc tĩnh tọa tôi bỗng nghe được dưới

đất có tiếng nước chảy róc rách, trong lòng rất lấy làm lạ. Thế là ngay cơn tỉnh tọa tôi đã quán sát kỹ và nhìn thấy rõ ràng hoạt cảnh: Có đám thợ đang đào giếng sâu tới ba bốn mươi thước rồi, nhưng chưa thấy có nước.

Tôi nhìn sâu hơn hai mươi thước nữa... thì thấy có chút nước nhưng chưa thể xài được, tôi phát hiện nơi tầng này có đất sét, cát đá tạp, lại có toàn đá cứng và vân thạch...

Tôi tiếp tục nhìn xuyên qua tầng này, thăm dò sâu xuống hai trăm mét nữa thì thấy bắt đầu có cát đất, dự biết: Nếu tiếp tục đào xuống nữa thì mới có nước!

Tôi cảm thấy hiếu kỳ, nên tiếp tục nhìn sâu hơn: Phát hiện ra sâu khoảng 240 mét thì có một đầm nước to sâu nhìn không thấy đáy, mà con nước uốn khúc như dòng sông, chảy ra phía sau núi ăn thông cùng hồ trên đỉnh núi, ngay đây tôi có cảm giác như nửa mê nửa tỉnh, thấy rất thực mà cũng giống cảnh mộng...

Lúc tiếng keng chùa ngân vang, thì trời đã sáng. Tăng nhân đều đã đi làm công tác hết. Tôi vừa thức dậy, lòng băn khoăn hồ nghi, vì chẳng biết chuyện mình thấy vừa rồi là trong “định” hay trong “mộng”?...

Đột nhiên tôi nghe có tiếng kêu “Cứu mạng!” không dứt bên tai. Tôi căng mắt nhìn,

chỉ thấy đó là một người mặc áo lục, đang nằm ngửa trên đất, tứ chi giãy loạn xạ, vô phương đứng dậy, đang thở thoi thóp...

Tôi vội đi ra khỏi thất, đến phòng ăn tìm người, không thấy thầy trò Trưởng lão ở đó, chỉ có các cư sĩ trong bếp, đang lúi húi nấu ăn chiêu đãi khách.

Lúc dùng sáng tôi cũng không thấy có một vị tu sĩ nào trong chùa, bèn hỏi thăm, mới biết quy củ Kim Sơn Tự mỗi ngày chỉ ăn một bữa trưa thôi, sáng sớm và quá Ngọ (12 giờ) đều không ăn. Thế nhưng chùa vẫn đãi khách, cho ăn ngày đủ ba bữa.

Các Pháp hữu hỏi tôi: Vì sao lại tự xưng là Hầu nhi?

Lý do là: Trước đây lúc tôi qua Mỹ tham bái Kim Sơn Tự, một hôm ngài Tuyên Hóa bồng bảo đại chúng là tôi liên thoáng tinh nghịch như Hầu nhi, kể từ đó tên Hầu nhi của tôi được thành hình.

(Vậy nếu tôi có ghé thăm, xin bạn hãy cẩn thận, nhớ cắt giữ trái cây cho kỹ nhé!)

Hầu nhi là chúa ham ăn, nên bữa sáng lẽ nào chịu nhịn? Nhất là hiện thời đang có nhiều trái to quả ngọt như thế kia. Tôi đang ăn khoái khẩu, thì bỗng nghe có tiếng kêu “Cứu mạng!”... tôi nhìn kỹ... thì thấy ngay hình ảnh: có một vị Tăng bị té, đang nằm trong phòng rên rỉ thống khổ (hình như ông ta thuộc nhóm

tu sĩ phái đoàn Phật giáo Đài Loan vừa qua Mỹ tham quan và thăm thầy Tâm Tế, là trụ trì Long Sơn Tự...) Tôi cho rằng vị này kêu cứu, bèn chạy đến báo tin cho ngài Tuyên Hóa cùng vị trưởng đoàn Phật giáo Đài Loan, thưa là: Pháp sư Tâm Điền bị bệnh...

Hai vị Trưởng lão vừa nghe, mới đầu không tin, nhưng vẫn đi qua thất sư Tâm Điền xem thử, thì thấy rõ là sư đang phát bệnh cấp tính, nằm rên trên giường, sắc mặt tái xanh, còn ói mửa đầy đất. Hai Lão sư vội đưa thầy Tâm Điền qua Kim Sơn Tự chạy chữa...

Nhưng tôi vẫn còn nghe có tiếng kêu “cứu mạng” của người mặc áo lục, suy nghĩ mãi vẫn không hiểu được, nên tôi vội đi tìm chú tiểu Quả Đồng (là người Mỹ khoảng 11 tuổi). Chú bèn rủ Quả Đám (cũng quốc tịch Mỹ) cùng đi kiếm tìm nạn nhân...

Tôi dẫn hai vị đi đến Nhất môn, sư huynh Quả Đám mở to mắt tìm, thì thấy trong thất chỉ có một con rùa màu xanh đang nằm ngửa trên đất, tứ chi giãy giụa, thở thoi thóp (mấy con rùa này là do chúng đệ tử tại phở người Hoa mua về phóng sinh). Tôi hoàn toàn không biết rõ và cũng chưa từng gặp qua, giờ mới gặp lần đầu. Hai chú tiểu đem rùa thả vào trong ao nước, đột nhiên tôi lại thấy nơi chỗ nọ có hai bộ xương, liền cùng

Quả Đồng chạy tới xem: Hóa ra là thân của hai con bồ câu.

Nội trong một ngày, cảnh lạ tôi nhìn thấy không chỉ có mười, mà nhiều kẻ không hết. Sư huynh người Mỹ là Hằng Quan nghe tin, cũng đến trò chuyện, nhân đó tôi liền hỏi thăm:

- Hình như chùa đang mời thợ đào giếng, có phải không hả?...

Rồi tôi thuật lại tỉ mỉ hình ảnh mình nhìn thấy, sư huynh Hằng Quan vô cùng ngạc nhiên, vội kêu xe chở tôi tới chỗ đào giếng và bàn chuyện với viên kỹ sư đang nổ máy đào. Ông kỹ sư nói chỗ này đào xuống 20 thước thấy có chút bùn, nhưng không có nước (ngó bộ ông có ý muốn bỏ cuộc).

Tôi vội đem toàn bộ những gì mình đã nhìn thấy mô tả cho ông nghe, còn khuyên ông chớ nên bỏ cuộc nửa chừng.

Ông Kỹ sư và tôi tranh luận một hồi lâu. Ông nói đất này mấy mươi năm nay chưa từng có ai thăm dò và xác nhận là có nguồn nước, vậy nước ở đâu mà có chứ? Chẳng phải đã có biết bao nhiêu nhà địa chất học từng tuyên bố là: Đất này tuyệt không có nguồn nước hay sao? Rồi ông viện dẫn đủ lý do để chứng minh mình bỏ cuộc là có lý...

Tôi dốc hết sức thuyết phục, động viên, hứa hẹn... Tôi đưa tay chỉ xuống đất, mô tả tỉ mỉ mỗi tầng kết cấu như thế nào, còn nói

rõ từng lớp đất đá, hình dạng ra sao... và khẳng định là cần phải đào sâu bao nhiêu mét nữa thì thấy có nước...

Ngay lúc đó do tôi hùng hổ nhiệt tình thuyết phục, nên tất cả những gì trong não đã nhìn thấy, tôi đều kể hết ra, theo đó phân tích mô tả, giải thích. Ông kỹ sư bèn mời một viên kỹ sư khác giàu kinh nghiệm, làm lâu trong nghề hơn đến, để tranh cãi với tôi.

Tôi vẫn kiên trì, khuyên họ chẳng nên bỏ cuộc nửa chừng, mà hãy ráng đào hơn 220 mét nữa thì sẽ bắt đầu thấy nước dưới lớp cát đất.

Hai vị kỹ sư người Mỹ này nghe tôi nói, lộ vẻ nửa tin nửa ngờ, tôi bèn bảo họ ngày mai hãy bàn tiếp và tôi mô tả trước hình trạng, tính chất đất, đá... sẽ xuất hiện vào ngày mai.

Sư Hằng Quan đối với tôi rất có lòng tin, huynh dẫn tôi đi thăm toàn cảnh, hỏi tôi hình dạng dòng nước ngầm dưới đất, phương hướng chảy đi như thế nào?

Hầu như lúc này quên mất vị trí của mình, chỉ chăm chăm nhìn sâu xuống đất xuyên qua ba trăm đến bốn năm trăm mét, rồi nhìn sâu thêm nữa... thì thấy phía dưới quả thực có dòng nước, đang chảy rõ ràng trước mắt, nên cứ lần theo dòng chảy đó mà đi và cứ

thế mà thăm dò suốt hai tiếng đồng hồ.

Sư huynh lại hỏi: Nếu tái khai đào giếng, thì sẽ hợp nơi đâu và đến chỗ nào? Thì ngay đó bỗng dưng tôi bừng tỉnh... cảnh lạ liền biến mất, không còn thấy gì nữa.

Sáng hôm sau tôi đang dùng điểm tâm tại phòng ăn, thì ông kỹ sư đào giếng bước vào, tỏ vẻ rất cung kính, thán phục, ngưỡng mộ tôi.

Ông hỏi tôi rất nhiều, bởi những gì hôm qua tôi mô tả... sáng nay nhất nhất đều ứng hiện, khiến ông kỹ sư nể quá trời đất, ông hỏi tôi: Có phải ngài là nhà Địa chất học chuyên nghiên cứu nguồn nước ngầm hay không?

Sau đó ông kỹ sư trưởng mỗi ngày đều tới báo cáo kết quả làm việc, bởi những gì họ đào lên, kết cấu đất đều xuất hiện y chang như tôi nói, do vậy mà họ rất tin tưởng tôi.

Do tôi phải về Canada chăm sóc mẹ, nên lúc tôi rời chùa thì giếng đào chưa được 200 mét, nhưng sau này quả nhiên đến 220 mét thì nước đã phun cao, thế cực kỳ mạnh, mỗi phút có thể thu được 500 gallon (3.785 thăng) đúng y như tôi đã thấy trước, mà ở cách xa núi này, quả thật cũng có một cái hồ tên Clear Lake (Thanh hồ).

Có điều buồn cười là khi tôi vừa bước chân ra khỏi Vạn Phật Thành, thì đã “ngu”

trở lại như người bình thường, tôi hoàn toàn không dự kiến được cảnh lạ gì, đừng nói tới chuyện nhìn xuyên qua 300 thước dưới đất, mà ngay cả ba... phân, tôi cũng nhìn không tới, hiện tượng kỳ quái này, làm sao giải thích đây? Dẫu trăm tư ngàn suy tôi cũng không biết nguyên do, ở Kim Sơn Tự Vạn Phật Thành không ai biết được điều kỳ lạ này của tôi, mọi người cứ xúm nhau hỏi tôi tu làm sao mà được như thế, tôi hoàn toàn không có lời đáp.

Nói về tĩnh tọa thì tôi thuộc loại ngồi không giỏi, cái thứ đầu hầu, não khỉ như tôi thì tu cái gì chứ? Kinh cũng chẳng tụng, tâm lại không chánh định, nào có cảnh giới chi đâu? Nếu nói tôi tài, sao không giỏi thấy việc của mình đi? Bởi chính tôi cũng nhìn không ra mình sẽ làm ăn bị thất bại lớn kia mà, nên thiệt là quá phiền đó. Đây mà gọi là “tài của người có tu” ư? Tôi ngày ngày đều đắm chìm trong rầu lo áo não, động niệm giận hờn, vậy mà là Phật tử ư? Tôi vô phương giải thích những hiện tượng lạ lùng nơi bản thân mình, kỳ quái là chỉ khi tiếp cận cõi giới Phật hay chùa chiền... chẳng hạn như khi ở tại Vạn Phật Thành hoặc vào Kim Sơn Tự bái Phật, thì tôi mới nhìn thấy những cảnh tượng lạ xuất hiện, nhưng hễ vừa ra khỏi thánh địa

của chùa thì tôi còn thua cả một tên ngốc nhất thế giới và biến thành một kẻ khờ đến mức dẫu có chạm vào mặt tôi cũng không biết rõ. Ngay cả một cộng một (1+1) cũng tính thành ba! Thậm chí đến sinh hoạt thể dục thường nhật tôi cũng ứng phó không lại, thế thì bạn hãy nói xem: Chuyện của tôi là thế nào đây? Nếu có ai thông tuệ giảng giải cho, tôi rất cảm tạ đó.

Viên kỹ sư của công ty đào giếng đó còn xin địa chỉ tôi, bày tỏ rằng sau này nếu ông đi tới chỗ khác làm việc mà gặp khó khăn, thì sẽ tìm tôi để thỉnh giáo v.v...

Trời ạ! Thế mới là nguy to! Ông nào biết tôi không phải là nhà Địa chất học? Lại chẳng biết được rằng: Hầu nhi tôi vừa bước ra khỏi Vạn Phật Thành thì thần thông này bỗng biến mất... và tôi hóa thành kẻ... ngu như heo!

Trưởng lão không ưa Hầu nhi lắm mồm nên thường dạy: “Chớ đa ngôn!” nhưng tôi nghĩ chuyện này lẫn những khả năng siêu nhiên kỳ lạ khác của tôi, chỉ có giải thích là: Vâng theo Phật lực sai khiến và thông qua khả năng huyền bí này mà tôi hiển thị một chút trong ngàn muôn sự vi diệu của pháp Phật vậy.

TRẢ NHẬN

Tôi tham bái ngài Tuyên Hóa ở Kim Sơn Tự hai lần, được ngài và các Trưởng lão từ bi giữ tôi ở lại trong chùa khoảng mười ngày. Trong thời gian này, do thấy thầy trò Kim Sơn Tự đều là những vị từ bi tin Phật, đối với kinh doanh thế tục chẳng thêm chú ý, nên tôi lo soạn hiến pháp, đệ trình kiến nghị lập ngân sách cho hội Phật giáo, tiến hành việc lưu trữ hồ sơ để bảo đảm cho cơ nghiệp Hiệp hội Phật giáo Trung-Mỹ (kể cả các cơ sở Phật giáo khác, tính luôn tài sản các chi nhánh thuộc Phật giáo sở hữu: gồm 287 mẫu Anh của Vạn Phật Thành, Đại học Phật giáo, Kim Sơn Tự, Viện Dịch Kinh, Như Lai Tự, v.v...) tôi ghi rõ đường lối quản chế pháp lý hầu tránh cho chùa không bị người sang đoạt, chiếm trộm về sau...

Tôi thảo ra đơn thư bằng Anh văn dài hơn hai mươi trang, luôn lải nhải léo nhéo với ngài Tuyên Hóa, hết dâng kiến nghị này đến đệ trình đơn từ nọ và hướng chính phủ Mỹ lập hồ sơ, dự án... tự cho như vậy là chu đáo lắm, còn cầm thành quả đi dâng Trưởng lão cùng chư đại sư huynh để trình khoe bảo bối...

Thực ra trong Hội Phật giáo Trung Mỹ nhân tài đầy đủ, các tu sĩ Mỹ Trung trong đây có bằng tiến sĩ nhiều vô kể, thì cần chi đến Hầu

nhi tôi phải dâng kiến nghị giúp đỡ? Nhưng Ngài Tuyên Hóa vẫn độ lượng tiếp thu, ngài cho mở đại hội để tất cả cùng thảo luận về nội dung đơn văn đóng góp này của tôi.

Tôi vui mừng lắm, vì thu được thành quả ngoài sự mong đợi. Hằng ngày ngoài việc theo chúng niệm Phật, nghe Trưởng lão thuyết pháp, thì tôi còn mò vào nhà bếp, lục lọi tủ lạnh Kim Sơn Tự... vì các Phật tử thường mang trái cây tới biếu, mà hơn nửa đều được chùa ưu ái dành cho tôi dùng.

Ngài Tuyên Hóa nhận lời mời của thầy trụ trì La Tĩnh, nên đã bay qua đó để làm lễ Khai quang cho tu viện chi nhánh, thành ra hiện thời trong Kim Sơn Tự yên vắng, Hầu nhi càng được thỏa ý vừa lòng, không cần nghe kinh, chẳng cần phải theo công khóa, do không có ai quản, nên lấy làm thích thú, cứ quanh quẩn ở trong bếp, để thưởng thức món ngon.

Các sư huynh ai cũng bận rộn, chỉ có Hầu nhi là thông thả... vì vậy mà tôi tha hồ ăn trái cây tự do tự tại.

Có nghĩa là từ sáng đến tối tôi thường “công tác” ở khu vực quanh tủ lạnh, nhưng bất ngờ tôi mục kích một cảnh lạ:

Tôi thấy có một người cực kỳ to lớn, cao đến trần nhà, thân mặc áo xám, trên đầu có trăm mắt, từ trong phòng ăn bay xẹt ra rồi

biến đầu mắt... khiến tôi thất kinh, hoảng sợ đến mức phải chạy trốn tận lầu ba... chẳng dám thò mặt ra ngoài.

Từ sau lần chạm trán kẻ quái dị đó, tôi không dám bước vào nhà bếp ăn vặt nữa. Dần dà, mỗi tối tôi đều nhìn thấy y: Kẻ quái dị này luôn xuất hiện chớp nhoáng, cứ xẹt qua rồi biến mất. Tôi bèn theo dõi và biết hắn xuất phát từ phía sau chính điện, ngay dưới tòa tượng Quan Âm (hắn bay xuyên qua tường để vào điện Phật).

Tôi luôn ghi nhớ lời Trưởng lão dặn: “Không nên bép xép”, do bây giờ ngài đi vắng rồi, nên càng chẳng dám kể cho ai nghe việc này.

Khi Trưởng lão sắp về chùa, thì tôi đã thấy cảnh Trưởng lão ngồi trong phi cơ đang bay. Nhưng khi tôi xuống lầu hỏi thăm chư sư huynh, thì ai cũng đáp là họ chưa nhận được điện thoại báo tin gì cả, nên quả tình chẳng biết lúc nào ngài sẽ về?

Tôi thúc họ hãy mau gọi điện đến La Tinh hỏi thăm, thì được biết là ngài Tuyên Hóa đã lên đường rồi, tôi hỏi thời gian, thì đúng thực là chuyến phi cơ đang bay.

Sư Hằng Cụ bèn lái xe chở tôi ra phi trường nghênh đón thượng nhân. Nhưng khi xe chạy, tôi lại nhìn thấy cảnh: Trưởng lão đang ngồi trên xe buýt về chùa, nên vội thông báo cho sư huynh hay. Nhưng chẳng ai chịu

tin, mọi người cứ chạy tới phi trường để đón Sư phụ. Quả nhiên là không đón được. Họ bèn gọi điện về chùa hỏi thăm, thì mới hay là Sư phụ đã ngồi xe buýt về tới nơi rồi.

Thế là chúng tôi quay về chùa, khi bái kiến Trưởng lão, ngài mỉm cười hỏi tôi: “Hầu nhi có thấy gì lạ nữa chăng?”

Tôi thưa:

- Hòa thượng ở tại La Tĩnh giảng kinh Hoa Nghiêm thì được rồi, cần gì phải tung mưa bong bóng đủ sắc màu đầy trời như thế?

Trưởng lão nói:

- Hóa ra con cũng nhìn thấy ư?

Sau đó tôi nghe chư sư huynh và mọi người kể: Lúc Sư phụ giảng kinh ở La Tĩnh, có một nữ đệ tử nói là cô đã nhìn thấy cảnh lạ: Có vô số bong bóng đủ sắc màu, từ trời cao tuôn xuống như mưa! Nhưng mọi người ở đó không ai nhìn thấy cả, chỉ duy nhất mình cô mục kích điều này mà thôi!

La Tĩnh ở cách đây mấy trăm dặm, vì sao tôi cũng nhìn thấy cảnh tượng đó? Nghĩ mãi không sao giải thích nổi.

Trưởng lão hỏi tôi: Còn chuyện lạ gì nữa không?

Tôi bèn bẩm báo chuyện mình nhìn thấy một người to lớn mặc áo xám... và cung kính hỏi ngài đây là quái sự gì?

Trưởng lão mỉm cười bảo:

- Con không nhận ra ư?

Tôi lắc đầu, Trưởng lão bèn lệnh cho tôi hãy cung kính tụng chú Lăng Nghiêm.

Trưởng lão bảo:

- Ta sẽ giúp cho con thấy rõ!

Thế là ngài cũng nhập định tụng niệm.

Một lúc sau, Trưởng lão mở mắt hỏi:

- Bây giờ con thấy hắc to bao nhiêu?

Tôi nhắm mắt định tâm, thì thấy tên to lớn áo xám kia giờ đã thu nhỏ lại bằng cỡ bàn tay và càng lúc hắc càng biến nhỏ xíu dần... cho đến khi chỉ còn khoảng 3 inch.

- Bây giờ con đã nhìn ra chưa?

- Con thấy rồi, trông giống như là... một con nhện nhện!

Tôi vừa quan sát vừa mô tả: Toàn thân nó đen thui, mắt rất hung dữ, nhìn đáng sợ lắm ạ!

- Đừng sợ hắc!

- Thừa Sư phụ! Hắc là con nhện thiệt sao?

- Nếu con thấy gì, thì là cái đó! - Trưởng lão mỉm cười đáp.

Tôi không tin, bèn hướng sư huynh hỏi mượn đèn pin và thưa với Trưởng lão là mình có thể kiểm tra dưới tòa... Phật điện một chút không?

Việc kiểm tra Phật tòa, quả có vẻ hơi bất kính, Trưởng lão do dự một chút, rồi cho phép tôi tùy ý.

Tôi xuống lầu, đi đến chỗ bảo tòa điện Quan Âm và mở cửa chiếu đèn vào... nhìn thấy rõ ràng có một con nhện to đang ở dưới tòa. Đúng là đèn trắng phân minh! Mắt nó chiếu sáng, lấp lánh như điện...

Tôi sợ quá bỏ chạy như bay, lên bẩm báo với Trưởng lão, ngài bảo:

- Đừng sợ, nhưng cũng đừng có kể lung tung.

Tôi tuân lệnh, ngậm thinh không nói, nên cả chùa không ai biết.

Hôm sau, do nghĩ tới mẫu thân, nên tôi quyết định quay về. Trưởng lão cầm giữ không được, ngài đích thân tiễn xuống lầu. Tôi quỳ xuống bái lễ... nhìn lên thấy Trưởng lão đang mỉm cười từ ái, trong lòng tôi bỗng trào dâng niềm lưu luyến khó lìa, nỗi buồn tự dưng ập đến, lệ tuôn như mưa!

Trưởng lão dịu dàng an ủi, rồi cùng từ biệt. Ngài ra lệnh cho đệ tử tại gia là Quả Kinh lái xe đưa tôi đến bến xe Kim Sơn Tự.

Quả Kinh là người Mỹ, ông vừa từ Oregon đến tham bái Trưởng lão. Đây là lần đầu tôi gặp ông, cũng chưa có dịp chuyện trò gì, giờ lên xe mới cùng nhau hàn huyên. Quả Kinh chạy đến đường Mark phố Jinshan, do khí trời nóng quá nên ông phải hạ kính xe xuống cho mát. Còn đang trò chuyện, thì tôi đột nhiên cảm giác bên ngoài song có vật

gì bay vào, va trúng huyết thái dương của mình, tôi lẹ làng đưa tay chụp lấy và kinh ngạc buông ra... khiến nó rơi xuống ngược áo tôi.

Là con gì đây? Toàn thân nó đen tuyền, lưng đen bụng trắng, hai mắt nhấp nháy như điện, chính là một con nhện khổng lồ.

Tôi sợ hãi kêu lên, mặt xanh lét. Quả Kinh cũng bị tôi làm kinh hoảng lây, ông vội hỏi: Có chuyện gì vậy?

Tôi vô phương giải thích, cũng thầm sợ nó cắn. May là trong gấp rút phát sinh thông minh: Tôi rút từ trong ba lô ra một tờ giấy, cuộn lại thành cái bao rồi bỏ con nhện vào... mà hình như con nhện chẳng có ác ý gì, nó cứ để tôi mặc tình sắp xếp.

Tôi phong kín bao thư lại, nhờ Quả Kinh đem về Kim Sơn Tự giao cho Trưởng lão.

Ông ta không hiểu nên cứ hỏi tôi nguyên do vì sao? Tôi cũng khó giải thích, chỉ nói: Anh cứ giao cho Trưởng lão thì ngài sẽ biết ngay...

Tôi còn dặn đi dặn lại là:

- Nhớ không được làm tổn thương nó. Phải thận trọng bảo hộ và giao nó an toàn đến Sư phụ nha!

Quả Kinh thấy tôi nói có vẻ nghiêm trọng, liền bảo:

- Yên tâm đi, tôi cũng là Phật tử nên không có làm tổn hại loài vật đâu!

Sau này trên đường về, tôi có điện thoại cho Trưởng lão, Ngài nói:

- Yên tâm nhé, con nhện đã về tới nơi rồi!

Chuyện này tôi không nói dối nửa lời. Ngài Tuyên Hóa thường dặn tôi đừng có bép xép, nhưng tôi nghĩ hoài cũng không hiểu, vì sao lại có việc lạ như thế?

Nếu nói tôi hoa mắt, thì sao lại nhìn thấy con nhện ngự bên dưới Phật tòa? Trước lúc ra đi tôi có đến điện Quan Âm bái chào khoảng mấy phút, lúc đó không ai mở cửa dưới ngói bảo tòa của Ngài, như vậy con nhện này làm thế nào khi còn đang ở trong đó mà giờ đã có thể nhảy lên mình tôi?

Còn nữa, tại đường Mark phố Jinshan rất náo nhiệt và đông đúc vô cùng, vì sao con nhện to bự này có thể từ không trung bay tới tìm ra tôi đúng chóc không sai như thế? Trong khi xe qua lại trên đường đông nghịt, vậy mà nó lại biết tôi ở đâu để mà... bay tới và rớt đúng ngay trên mình tôi? Phải khen là nó... kiếm tôi rất giỏi!

Sư huynh Quả Kinh chưa từng biết việc này nên không thể nói là ông đã sắp xếp, để cho con nhện làm thế với tôi, như vậy nó đến tìm tôi là... có ý gì đây?

Phản Trưởng lão, nửa câu ngài cũng không chịu giải thích.

Lần sau nếu ghé lại Kim Sơn Tự, chắc chắn tôi sẽ bị sư phụ mắng cho cũng chưa biết chừng, vì cái tội đã bép xép tiết lộ chuyện này ra.

HÔNG XE

Lần đầu đến sơn lâm Vạn Phật thành ở California và trụ trong chùa một thời gian. Ngày ngày, thừa lúc ngài Tuyên Hóa và chúng Tăng không để ý, tôi chạy ra ngoài ăn trái cây. Vùng này nổi tiếng có nhiều nho ngon nhất xứ. Khắp núi có đầy nho, chỉ cao ngang vai, nho trái rất to, từng chùm thông xuống, hương thơm tỏa khắp, chẳng ai trông coi.

Tôi không dám trộm vật ngoài chùa, muốn ăn thì ăn trong chùa, mà trong chùa nho rơi đầy, mười mấy chùm lẻ tẻ, thấy đều cho tôi ăn. Nho này đã thơm lại ngọt, trái to căng mọng, xanh mướt, thập phần quyến rũ... tôi nằm dưới tán lá, ăn mê say; lòng cực kỳ hoan hỉ. Chỉ tiếc là chưa biến thành trẻ con để mà nô đùa và nằm ngủ dưới tán lá giống như Tề Thiên Đại Thánh.

Nhưng rồi tôi cũng nhớ nhà, vì quá lo cho sức khỏe của mẹ già, nên tôi thưa với Trưởng lão, xin phép quay về Canada.

Trưởng lão thừa biết cho dù nho ngon ngọt đến mấy cũng không níu giữ được Hầu nhi, đành để tôi ra về.

Tôi bái Bồ tát, quá giang xe chùa đến Kim Sơn Tự lấy hành lý. Sư người Mỹ là Hằng Cự lái xe, các sư huynh, chư pháp hữu đều vui vẻ náo nhiệt, trên lộ trình mọi người cùng nghêu ngao hát Phật khúc... nào dè mới khởi hành đi ra ngoài chưa được ba phần đường, thì chiếc xe bus đột nhiên chết máy, làm gì cũng không chạy. Thầy Hằng Cự bèn kêu mọi người xuống xe đẩy phụ, lúc này trên đường có nhiều xe qua lại, ai cũng ngạc nhiên ngoái nhìn, đồng dõi theo chúng tôi đang hè nhau đẩy xe trên quãng đường hơn trăm mét.

Cuối cùng cũng đến Kim Sơn Tự, Hầu nhi lay chào sư phụ, sư phụ sai ông đệ tử họ Hoàng lái xe chở tôi đến trạm xe buýt, gặp ngay chuyển xe trở tới đi Seattle. Tôi mừng rỡ leo lên. Xe chạy chưa bao lâu thì tôi đã thiu thiu vào mộng. Xe đi trên đường cao tốc mới được hai tiếng rưỡi, thì đột nhiên bị chết máy, hết động đậy. Hãng xe này hệ thống bảo trì nổi tiếng ưu việt, rất hiếm khi bị hư hỏng, xe lại là xe mới nữa, nên chuyện chết máy xảy ra bây giờ... quả rất lý lạ!

Tôi đang nhắm mắt lim dim thì bỗng tỉnh hẳn, cũng xuống xe theo mọi người, thấy ven đường có một rừng hạnh, trái rữ thấp, chìa ra ngoài; tính khỉ bộc phát, tôi không tránh được nảy ý muốn hái ăn; khách cùng ngồi

đợi dưới bóng cây, tài xế dùng điện thoại vô tuyến gọi cứu hộ; lúc này khí trời khoảng 120 độ F, nóng như đồ lửa; may là có bóng cây hạnh để núp.

Hỏi thăm tài xế, ông kiểm tra cũng không phát hiện xe bị hư cái gì, nhưng nổ máy không chạy. Đợi hơn một tiếng ban sửa xe mới tới, hai viên kỹ thuật lay hoay kiểm tra; xem bên đây, nhìn bên kia; cũng không tìm ra chỗ hỏng, họ mày mò đủ cách, nhưng vẫn không khởi động được máy; họ giờ đủ kỹ thuật, mà xe cứ bất động, có dùng xe hơi kéo đi thì nó cũng nhất định... không chạy.

Mọi người đều nói quá lạ kỳ, lại gọi điện cho công ty phái thêm người sửa chữa đến; năm nhân viên mới đến vẫn không thể làm xe chạy, họ lay hoay nặng xì suốt năm tiếng đồng hồ; ai cũng sốt ruột. Mọi người bây giờ tâm tư giống như kiến bò trên chảo nóng, lại gọi điện cho một xe buýt khác; nhưng gần thị trấn lại chẳng có xe nào trống, đành phải ngồi đợi xe trống từ Kim Sơn đến, ít nhất cũng phải bốn tiếng nữa xe mới tới đây, thế là bốn mươi lữ khách hiện thời đều sốt ruột; lại không có nước để uống, chung quanh cũng chẳng có nhà cửa chi, mọi người đành bắt chước ăn trái hạnh theo tôi.

Tôi ngồi tĩnh tọa dưới gốc cây, bỗng một ý niệm lóe lên, tự thấy có điều rất đáng ngờ, bèn đến hỏi tài xế: Đây là chỗ nào? Có

phải cách “Sinh Mệnh Cốc” không xa chẳng? Tài xế chỉ về con đường đèo phía trước, nói: Đường này đi qua “Sinh Mệnh Cốc” đó!

Tôi vừa nghe thì hiểu mình bạch. Khi tôi lên xe lấy ba lô, tài xế thắc mắc hỏi tôi muốn đi đâu? Tôi đáp: Nếu tôi chịu đi lên con đường đèo này, thì xe buýt sẽ chạy được!

Mọi người không ai tin. Chính tôi cũng không tin lắm. Nhưng tôi vẫn quyết định lội bộ lên núi, trong lòng thầm khấn:

- Con nguyện lập tức quay về Như Lai Tự trong Vạn Phật Thành, cầu xin Bồ tát, Ngài hãy cho xe chạy...

Tài xế bảo tôi: Vạn Phật Thành ở phía sau núi, cách đây khoảng ba mươi dặm, rất ít xe cộ qua lại...

Ông ta khuyên tôi đừng có bỏ đi. Nhưng tôi đã lập nguyện, nên vừa đi vừa niệm Phật và lễ bái... theo hướng đến Phật tự.

Tôi mới đi khoảng 200 bước, thì bỗng phía sau vang lên âm thanh động cơ, tôi quay đầu nhìn lại, thấy xe buýt đã nổ máy, tài xế và lũ khách thấy đều réo gọi, bảo tôi lên xe, tôi không chịu. Không ngờ tài xế vẫn chạy đuổi theo tôi, cho ngừng xe ngay sát bên cạnh, còn nói là ông có trách nhiệm, quyết không thể để tôi một mình đi lên hoang sơn được!

Tôi trong lòng cũng không đủ kiên trì, nhìn thấy họ chân thành tội nghiệp quá, nên đành...

nuốt lời: Đồi ý Không đi đến Vạn Phật Thành nữa, mà ngoan ngoãn lên xe theo tài xế.

Lên xe rồi, do tài xế cứ gặng hỏi mãi, tôi không nhịn được đành khai thực vì sao mình muốn đi lên đường đèo... và hỏi ngược lại là xe hư chỗ nào? Ông đáp: Căn bản là tìm không ra, cũng chả có sửa chữa cái quái gì cả. Đột nhiên ông nảy ý muốn nổ máy thử và thấy nó khởi động, vậy thôi!

Mọi người đều nói chiếc xe này quá kỳ quái! Nhưng trong lòng tôi càng thêm tin và hiểu rõ đến hoảng kinh.

Tháng mười, chính là lần thứ hai tôi qua Kim Sơn bá Phật, sau khi lễ bá Như Lai Vạn Phật Thành, thì về Kim Sơn Tự hầu Trưởng lão Tuyên Hóa.

Do lần trước tôi đã bị hư xe, nên lần này lúc lên xe đi về, tôi nghĩ mình không nên đi con đường trong (là con đường sau núi, dù đường này ngắn hơn), mà nên đi tuyến đường ven biển là công lộ số 101. Đường này khá dài, lại quanh co, vòng vèo; lộ trình phải mất bốn năm tiếng. Tôi thầm nghĩ: Nếu chọn con đường này chắc sẽ không bị hư xe nữa, bởi vì đường này có đi ngang qua phía trước sơn lâm Vạn Phật Thành, nên tôi có thể nhìn ngắm lại Phật tự.

Xe buýt đi đường duyên hải được bốn tiếng thì Diệu Giác Sơn Vạn Phật Thành cũng

đã hiện ra trước mắt... tôi vừa nhìn, thấy lòng lưu luyến khó rời, thầm nghĩ chẳng biết ngày nao mình có thể quay lại nữa, nên trong lòng buồn khổ, lệ dâng đầy mắt... Dõi nhìn qua song cửa, thấy Phật tự ven núi đang dần dần xa khuất, thì bỗng nhiên ngay lúc đó chiếc xe ngưng chạy, cảnh tượng xe chết máy không động đậy lại tái diễn nữa... thực là khiến tôi quá kinh ngạc.

Lần này chiếc xe bus mới không phải là xe lần trước, ông tài xế cũng là một người khác. Xe bị hư ngay giữa công lộ, cách con đường thông qua tiền sơn Vạn Phật Thành chưa đến 500 mét. Tài xế kiểm tra máy móc, tận dụng đủ cách mà vẫn không thu được kết quả chi, đành gọi điện cho cứu hộ.

Tôi đã có kinh nghiệm lần trước nên trong lòng hiểu hết; bèn thu thập hành lý, chuẩn bị quay về chùa. Chỉ là ngay lúc này mẹ tôi đang bị bệnh, hằng mong ngóng, trông tôi sớm quay về, khiến tôi lâm vào hoàn cảnh tiến thoái lưỡng nan...

Cuối cùng tôi vẫn quyết định: Trước tiên phải về nhà thăm mẹ, nên từ bỏ ý định sẽ quay về Vạn Phật Thành.

Tôi xuống xe âm thầm khẩn cầu Bồ tát: Xin ngài từ bi hỗ trợ, giúp cho con về nhà suôn sẻ... Con tự biết mình kém ngoan, tất nhiên là con không về chùa thì khó thể giải

quýt; nhưng nghĩ đến cảnh mẫu thân đang nằm bệnh ở nhà không có ai chăm sóc, trong lòng con rất sầu khổ, xin hẹn ngày khác con sẽ... quay lại Vạn Phật Thành...

Khó khăn của việc tu hành đâu chỉ có một mà thôi? Nên có nói buông bỏ thì cũng không phải là chuyện dễ dàng.

Tôi hỏi tài xế: Gần đây có chỗ nào gọi điện thoại được không?

Ông ta đáp: Cách đây nửa dặm có một trạm xăng, anh có thể đến đó gọi...

Tôi nói: Dù sao xe cũng đang sửa, chắc phải mất một hai tiếng? Thôi thì hãy cho tôi đi gọi điện thoại, khi tôi gọi xong thì ắt là xe sẽ chạy được. Nếu tôi đi bộ đến đó, tính cả đi lẫn về cũng không lâu mà?...

Tài xế đồng ý, tôi liền đi đến chỗ mình cần, vừa đi vừa niệm Phật, chí thành cầu Bồ tát gia hộ...

Tại trạm xăng, tôi gọi điện đến Kim Sơn Tự, báo cáo Trưởng lão. Ngài cười nói: Ta biết rồi, con an tâm về nhà đi, ta sẽ niệm Phật cầu cho con.

Tôi lại hỏi: Con nhện đã về rồi ă?

Ngài nói: Ta nhận được rồi, con đừng lo nghĩ nhiều, hãy mau về nhà báo hiếu cho mẫu thân đi!

- Trưởng lão! Ngài hãy cầu Bồ tát giúp con đi an ổn nha.

- Nhất định rồi! Thôi con đi đi!

Tôi gác máy, đi về chỗ xe buýt, ban sửa xe do thành phố phái đi cũng vừa tới. Họ kiểm tra xong, thấy đều nói:

- Rất kỳ lạ, bình ắc quy mới thay, sao lại không thông, chẳng thể phát lửa được chứ?

Tôi tĩnh tọa nhắm mắt, âm thầm niệm Phật cầu gia hộ, xin phép được về thăm mẹ, cầu chuyển đi suôn sẻ...

Một lát sau, kỹ thuật viên nói: Xe không cần sửa, hãy chạy thử xem!

Tài xế vừa khởi động thử thì xe liền nổ máy.

Mấy ông kỹ sư sửa chữa liền to tiếng mắng tài xế làm phiền họ uống công tới đây. Hai bên cãi nhau om sòm...

Tài xế bực tức chỉ trời thề thốt, kể lể rằng đâu phải ông chưa chỉnh thử, cũng không hề có ý gọi họ tới để cọt dừa, nhưng ban sửa xe không ai chịu tin.

Ông tài xế nói ông lái xe 25 năm rồi, chưa bao giờ gặp tình huống hoang đường kỳ cục như thế này.

Trong lòng tôi thầm hiểu và càng thêm kính sợ, song nhớ tới lời Trưởng lão dặn dò, nên không dám bép xép hé lộ chuyện chi, đành im lặng, thầm biết mà thôi. Tổng cộng tôi đã bị ba lần hư xe (lần đầu khởi hành (quý sư phải đẩy) xem như chẳng bàn tới, còn ở

các chuyến sau, đã xảy ra cảnh hư xe liên tiếp hai lần: Một lần nơi hậu sơn Vạn Phật Thành, một lần nơi tiền sơn Vạn Phật Thành, thế thì phải giải thích mấy chuyện này như thế nào đây?

Là ý Phật muốn tôi dừng về Canada mà hãy quay lại chùa tu hành? Hay Phật lực đang thử thách tâm đạo tôi? Hoặc là muốn thông qua đây để chứng minh một mặt vi diệu khác của Phật pháp? Rốt cuộc thì là gì đây? Mà Phật môn cũng đâu cần hạng đệ tử bướng tẻ như tôi? Suy nghĩ mãi, tôi vẫn chưa hiểu hết thâm ý của các đợt hư xe này.

NHỮNG KỶ NIỆM VUI

Hồi xưa tôi tính tình tôi rất tinh nghịch, trong văn viết cũng ưa xưng Hầu nhi, một là do tâm liến khí chưa tan, hai là tại bản tính thích bông đùa. Nhưng sau đó được di mẫu Băng Doanh chuyển thư Tiêu cư sĩ gửi đến, trong thư nhiều lần nhắc nhở bảo tôi: Không nên xưng Hầu nhi, vì làm vậy là kém trang nghiêm. Hơn nữa, tâm nếu cứ nghĩ Hầu sẽ biến...thành Hầu!

Nhận thấy Tiêu cư sĩ chỉ dạy rất đúng, tôi đã vâng theo sửa đổi rồi, nhưng sau đó Tiêu cư sĩ lại gửi thư đến thống trách, vì ông thấy trong các bài sáng tác của tôi còn xưng

Hầu nhi, ông cho là tôi chưa chịu sửa đổi. Tôi phải giải thích: Đó là do bài viết cũ được in ra từ trước đây rất lâu nên chẳng thể sửa được, chứ kể từ lúc Tiêu cư sĩ góp ý, thì các bản thảo về sau này tôi đều không xưng Hầu nhi.

Bất quá đối với danh xưng Hầu nhi, chỉ là do tôi nhất thời đùa vui, chứ hoàn toàn không có tâm nghĩ mình là Hầu, vì vậy xin Tiêu cư sĩ hãy an tâm. Ngay đây tôi xin cúi đầu cảm tạ tấm lòng lo lắng đó.

Tôi vẫn còn tính nghịch ngợm trẻ thơ, chẳng hạn như hôm qua tôi đã bỏ ra cả buổi để chơi đùa với con chó nhà láng giềng. Chúng tôi mà trò chuyện thì người bên cạnh không hiểu đâu, chỉ có con chó và tôi hiểu thôi!

Tôi không phải là một đứa bé, song vẫn chơi đùa với chó như con nít, chúng tôi cùng nhau “sủa” vang và lăn đùa trên cỏ, nghịch như khùng điên! Đây là bản tính của tôi, tôi quên mất mình đã già ba-bốn mươi tuổi. Mà tính tôi rất yêu loài vật, hề nhìn thấy mèo con, chó con, thỏ, gấu... gì cũng yêu hết, đây là thói quen không thể sửa.

Tính tôi vốn thế, hề thấy dê thì theo dê chuyện trò, thấy bò thì cùng bò giao lưu, tất nhiên phải dùng ngôn ngữ của chúng, hề thấy chim thì học tiếng chim.

Trước đây tôi ở gần một nhà lán giềng, họ nuôi cả bầy gà tây, có đến trăm con.

Ngày nào chúng cũng há mỏ gáy chào thái dương. Hễ tôi đi qua vừa nhìn thấy chúng, thì lòng không kiềm được, thế là tôi huýt sáo, cọt đùa với chúng... Lập tức cả trăm con gà tây đều giương cánh, nghênh cổ, kêu quang quác, ó ré... không ngừng, âm thanh ồn ào nặng nề... đến nỗi chủ nhà phải chạy ra mắng đuổi tôi đi. Lúc ấy tôi chỉ có nước cười ha hả rồi bỏ chạy. Hồi nhỏ tôi tinh nghịch như vậy đó.

Bây giờ, hễ nhìn thấy gà tây, tôi vẫn có thói quen ưa huýt sáo chọc ghẹo. Gà tây rất nhạy cảm với âm thanh này, nên hễ tôi vừa huýt sáo là chúng kêu lên om sòm, lộ vẻ thất phần khoái chí! Bạn có muốn thử không? Nếu muốn thử, tôi xin nhắc bạn phải hết sức cẩn thận đó, mà khi huýt sáo âm thanh phải thật sắc và cao vút, mới khiến cho đám gà tây sinh tâm ngưỡng mộ, khoái chí đến độ nhảy cẫng lên mới được. Điều này tùy thuộc vào khả năng huýt sáo của bạn có tài ba hay không? Có đủ lực hấp dẫn khiến bọn gà tây nghe mê mẩn đến phát cuồng hay không? Giống như chúng được tiếp sức để thi đấu vậy. Âm điệu tiếng huýt sáo của tôi luôn khiến cả bầy gà thích thú kêu vang, chúng làm ồn náo tới chủ nhà phải chạy ra mắng...

Lúc này thì tôi có thể giả vờ như chả biết gì, cứ giữ bộ mặt tỉnh bơ điềm nhiên (ngây thơ “vô số tội”) và thong thả chậm chậm cất bước, dáng vẻ rất nhẹ nhàng ung dung... rồi an toàn rút lui. Tôi còn có thể vừa đi, vừa ngoái đầu dòm lại, lén thưởng thức cảnh bầy gà tây đang giương cánh nghênh cổ... nhìn theo tôi chăm chăm, đăm đuổi... thực là khoái chí vô cùng đó nha!

Ngoài ra, tôi còn một trò đùa khác nữa cũng rất tuyệt! Đó là trò kích thích chó tru! Tôi không nhớ là chó Trung Quốc có thể tru giống loài sói hay không? Bởi vì tôi lìa quê hương lúc tuổi còn quá nhỏ. Nhưng loại chó ở Mỹ-Ca (Mỹ và Canada) này, đa số đều có thể tru giống như sói đấy.

Một trong các trò đùa ưa thích nhất của tôi là: Hễ đi ngang qua bất kỳ khu vực nào mà thấy trong sân nhà người có nuôi chó hoặc các loài giống sói, nếu quan sát thấy nhà vắng không có ai, thì tôi “trở tài” ngay. Do tôi rất giỏi bắt chước tiếng chó tru trong đêm trăng, thuật nhái giọng của tôi cực kỳ giống, đến độ bảo đảm bạn vừa nghe là phải nổi gai ốc lên liền... Do vậy mà tôi thừa sức để kích thích, quấy nhiễu... chúng, khiến bầy chó vừa nghe qua là thấy đều ngứa cổ, thèm khát được tru... tréo theo tôi! Buồn cười là khi đó chúng xúm nhau ngứa mặt lên trời mà tru, âm

thanh rất thâm, cực kỳ khó nghe, chúng tru như khùng điên, tru như sắp phát cuồng! Mà bọn chúng rất dễ ảnh hưởng lây lan nên từng con lần lượt hưởng ứng và cứ thế mà tru dây chuyền, gây ồn náo kinh hoàng đến ngoài sức tưởng. Khiến chủ nhà phải vội vã chạy ra: Suyt, suyt!... buông lời Quở trách, la mắng chúng. Xem như đám chó đáng thương này vô tình bị trách mắng oan uổng, chủ nhà cũng chẳng hiểu vì sao lại xảy ra tình trạng lạ như thế. Chỉ riêng tôi là cứ giữ gương mặt điềm tĩnh thản nhiên, làm như thể mình vô can, vô tội. Nhưng thực sự lúc đó tôi vừa đi vừa tủm tỉm, cười đến nước mắt chảy ràn rụa...

Dần dần, dáng giềng cũng phát hiện ra đây là trò đùa nghịch của tôi, thế nên hể vừa thấy bóng dáng tôi đi tới, là họ lo canh chừng, răn dạy chó.

Có lần một bà Tây đã bảo con chó của mình:

- Không được nhìn theo thằng nhóc tinh quái này đấy nhé!

Tôi cũng ưa đùa nghịch với mèo. Hầu như con mèo nào vừa gặp tôi cũng có thái độ “nhất kiến chung tình” hết, nghĩa là vừa gặp đã thân thiết, dễ kết thân... như là tao ngộ tri âm vậy.

Tôi tùy tiện đi đến một nhà người Âu, thấy mèo của họ đang nằm phơi nắng trên cỏ, thì tôi

liền “meo meo” với nó một hồi. Đầu tiên thì nó vẩy đuôi, sau đó tỏ vẻ hân hoan hưởng ứng, nó vừa kêu “meo meo” vừa tiến lại gần tôi biểu lộ tình cảm thân thiết: Nó cạ đầu vào ống quần tôi làm nũng, sau đó thì cùng tôi chơi đùa, bách bộ với tôi suốt nửa đoạn đường.

Có một con mèo của nhà láng giềng rất to mập, đuôi xù như con sóc, nó thường đeo theo và tiến chân tôi về đến tận nhà luôn, nó rất ưa nằm trước sân tôi. Mãi đến khi tôi cho nó uống sữa bò rồi thì nó mới tạm biệt.

Nếu bạn gọi thói quen yêu loài vật, thích chơi đùa với chúng của tôi là bản tính thiên chân cũng được. Còn nếu xếp tôi vào hạng: Lớn rồi mà còn tính con nít hoặc nhận xét: Do tôi chưa trải đời nên còn giữ tính khí trẻ thơ thì không đúng! Thực ra tôi không hoàn toàn mang khí chất trẻ con, tôi không có thói ưa đùa dai hay bày trò xấu hoặc thích làm điều quái đản gì đâu nhé!

Thực sự thì trong cái nhìn của tôi: Mèo, chó... tất cả loài vật cũng đều là người! Do bởi chúng mê muội nên đánh mất bản tính kiếp trước của mình. Bởi khi đầu thai làm súc sinh, trí huệ vốn có của chúng đều mất hết, chỉ còn lại bản năng cùng tính thiên chân. Tuy vậy cũng có một số loài vật còn biết hoặc nhớ rõ kiếp trước của mình, nhưng chúng không thể nói ra thôi.

Vì tình cờ khi chơi cùng một số mèo, chó... tôi có thể giao lưu cùng chúng qua tia nhìn và từ trong ánh mắt chúng, đã thổ lộ kiếp trước của chúng với tôi.

Đương nhiên phần đông loài vật đều quên hết kiếp trước của mình, những điều tôi vừa đề cập đây xem như chỉ có một thiểu số cực ít là nhớ được kiếp trước của chúng mà thôi. Trong lúc viết bài này, tôi chỉ sẵn dịp nhắc sơ qua, nhưng nếu sau này có cơ hội, tôi sẽ tường thuật kỹ hơn về những con mèo, chó... đã kể chuyện kiếp trước của chúng cho tôi nghe... qua một bài viết khác.

Chỉ khi nhìn vào mắt chúng, lúc hai bên giao lưu, tôi đã đọc được nhiều tâm tư ý nghĩ chúng trao gởi. Tôi rất khó giải thích tình huống này, nhưng tôi tin là có nhiều người hiểu được điều tôi muốn nói. Nhất là những vị học Phật có được sự thành tựu chứng đắc cao thâm, ắt sẽ càng hiểu rõ những điều này hơn.

GIỚI LÀ TỰ NGUYỆN

Có một đạo các nhân sĩ Phật giáo Hồng Kông, Đài Loan, Châu Âu và Hoa Kỳ... sôi nổi thảo luận về đề tài: Tăng, Ni có nên kết hôn hay không?

Mọi khía cạnh của cuộc thảo luận, tôi đã xem qua rất nhiều. Cho dù hai phái (tích

cực lẫn tiêu cực) đều có chủ kiến riêng, không cần một kẻ thiên lậu như tôi “nói đuôi chồn làm lông chó” mà chi nữa. Thế nhưng, tôi nghĩ có một số pháp hữu tín thờ Phật rất quan tâm đến việc này, họ rất muốn biết tôi có kiến giải như thế nào, vì vậy tôi cũng làm gan nói mấy câu, nếu có gì không đúng, xin tha thứ!

Tôi là một tục nhân, đối với giáo lý Phật biết không nhiều. Tôi không dám cuồng vọng trích dẫn Phật học pháp điển chi... Nhưng theo tôi biết: Tăng, Ni tu theo Phật; sở dĩ gọi là xuất gia, thì ít nhất là do họ không có gia đình... và sắc dục chính là một trong các Đại giới cấm kỵ, cực kỳ quan trọng của Phật giáo.

Đương nhiên nếu nhìn theo quan điểm của con người mà phán, thì có thể nói: Mọi người đều có quyền tự do quyết định mình nên kết hôn hay không, nên trì giới hay không... và không ai có quyền ép người khác!

Xét theo chủ trương “Có thể kết hôn” của một phái đề ra?... Thì giống như là họ đang trách Phật giáo đang làm điều trái trái đạo bất nhân chi đó? Vì họ nói: “Cấm chế tình dục” là phi nhân đạo, là vi phạm sức khỏe thể chất, là đạo đức giả, là ngụ thiện v.v...

Những lời tuyên bố này mới nghe qua thấy đầy vẻ tân tiến?... Họ còn dẫn chứng vì

sao các nhà sư thuộc phái nọ của Nhật Bản vẫn có thể cưới vợ, vừa kết hôn vừa tu, v.v... và v.v...

Tôi là một tục nhân chưa thọ qua giới cấm, tôi không phản đối. Ngay cả Khổng phu tử cũng xem đây là chuyện đại dục của kiếp nhân sinh. Đến Nho gia còn có thuyết: Tội thứ ba là tội không cưới vợ sinh con! Bởi vì: Không có người nối dõi tông đường là tội lớn nhất!

Vấn đề rất đơn giản: Rõ ràng là Phật giáo đâu có ép ai phải xuất gia? Lẽ nào người xuất gia là do họ bị trối, bị ép đưa đi... và bị hăm dọa rằng: Nếu không xuất gia thì sẽ bắn chết hay sao? Hoàn toàn không có điều ấy! Phật giáo tuyệt không cưỡng ép bất kỳ ai xuất gia!

Theo chứng kiến của tôi thì có rất nhiều ngôi tự viện Phật giáo thậm chí còn không dễ dàng đồng ý cho phép một người trẻ đi tu (nếu họ chưa được ném qua mài luyện, thì chưa cho phép xuất gia).

Giới dâm, giới sắc là một trong các giới trọng yếu của Phật giáo. Thực tế cũng là một chí nguyện, là đương sự tự tình nguyện vâng theo giới điều, đâu ai cưỡng ép? Người xuất gia đã có chí nguyện tu trì: Tu thân độ sinh, họ tự thệ cống hiến đời mình cho đạo pháp, thế thì làm sao có thể trách Phật giáo cấm

sắc dục là không thích hợp thời đại, không hợp nhân đạo, như một số giả thuyết nhiều người đang dựng lập, đề ra?

Chuyện này rất đơn giản mà, nếu ai không muốn giữ giới Phật chế thì rất dễ, bởi Phật giáo đâu có ngăn cấm các vị này hoàn tục? Không ai ép buộc cả! Dứt khoát là: Nếu tu mà muốn kết hôn thì có thể hoàn tục, chứ tuyệt đối không nên vừa cưới vợ, vừa tu!

Ai mà ham muốn dâm sắc lẫn muốn làm Phật, là quá sai! Trong kinh Lăng Nghiêm Phật đã nói: Chuyện này giống như nấu cát muốn thành cơm!

Vì vậy, theo tôi đề tài này không cần phải tranh luận, vì hiển nhiên là như thế!

Nếu có người lấy cớ: Tu là phải biết uyển chuyển theo thời đại tân tiến, rồi vin vào lý do đó... để phản bội giới luật căn bản của Phật đã chế, sống trái ngược hoàn toàn với những cấm kỵ Phật đặt ra... chỉ vì họ muốn chịu theo dục vọng ham muốn phạm tục của bản thân, thì đây là điều không thể nào chấp nhận được!

Bên Thiên Chúa giáo có cách cư xử rất hay: Nếu như Linh mục hay Ma sơ nào không muốn giữ giới nữa thì có thể hoàn tục. Năm ngoái tại Mỹ (chỉ trong một năm thôi) ít nhất đã có hơn mười hai ngàn Linh mục và nữ tu đã hoàn tục để kết hôn, bước vào đời

sống tự do. Tôi tuyệt không nghe nói Giáo hội tòa Thánh đồng ý sửa giới luật, cho phép tu sĩ kết hôn; cũng chẳng nghe Thiên Chúa giáo bị suy vi hay nhân tài điều tàn chi... vì không kết hôn!

Phật giáo về mặt tuân thủ giới luật, tương đối xem trọng chuyện tự giác tự nguyện hơn các tôn giáo khác. Quy định phải làm gì, không nên làm gì, tất cả đều do nội tâm người tu tự quyết định!

Theo tôi thấy, nếu muốn bắt chước tính toan theo phương Tây, để làm một cuộc cách mạng tôn giáo và viện đủ lý do: Vì nhân đạo, vì cứu vãn nguy cơ nhân tài Phật giáo suy vi v.v... thì những luận điệu này toàn là mượn cớ để xảo biện mà thôi, đều không nằm ngoài mục đích muốn hưởng thụ tình dục! Xin đừng trách tôi nói thẳng: Tôi không xóa được nghi ngờ với những người dựng lên tà thuyết này! Ai muôn chửi tôi, xin cứ chửi!

Lúc ở Mỹ tôi tình cờ gặp một số Tăng lữ đến tham quan ngôi chùa họ và cùng ở bên nhau một thời gian. Tôi không thể nói rõ họ là ai (nhưng những lời tôi kể đây hoàn toàn đúng sự thật, không hề vọng ngữ).

Hạng phạm phu thế tục như tôi đây mà hằng ngày ba giờ sáng còn thức dậy để tham dự khóa công phu khuya, nhưng ba-bốn mươi vị Tăng đó, tuyệt không có một người

nào chịu thức dậy đi tụng khóa sáng, cũng không ai đả tọa, họ chỉ nằm chơi. Có thể đổ cho là do họ đi đường bị mệt mỏi chăng?

Nhưng ngược lại, những Tăng nhân Mỹ quốc bản địa, họ đều tốt nghiệp Tiến sĩ, nhưng vẫn ném phăng công danh phú quý, từ bỏ hết mọi hưởng thụ giàu sang để tình nguyện bước vào đời sống khổ hạnh thanh tu, sớm tối tinh tấn không lười...

Một phàm phu như tôi ở lẫn trong biển Tăng chúng lúc đó, chứng kiến cảnh này cũng cảm thấy xấu hổ lây. Thật là không có lời để diễn tả!

(Xin đừng chửi tôi sính ngoại, tất nhiên người Tây phương cũng có kẻ làm nhiều điều khiến tôi xem thường). Tôi biết đã là người tại gia thì không nên phê bình tu sĩ, kể ra mấy chuyện này quả thực tôi cũng rất có lỗi, nhưng nếu đã làm tu sĩ mà không thực hành chu toàn bổn phận mình thì ngay cả thần hộ pháp cũng phẫn nộ, chư Phật Bồ tát cũng thất vọng, huống chi tôi chỉ là một phàm phu, làm sao không khỏi bất bình?)

Trong đoàn khách tu sĩ đến tham quan chùa kia, đương nhiên cũng có những vị cao Tăng tu tốt, giảng pháp hay, tâm từ bi có đủ... nhưng xen lẫn trong đó cũng có không ít người (mà cách hành xử của họ đã khiến cho một kẻ phàm phu thế tục như tôi phải há miệng tròn mắt, hết ý kiến!)

Một số khách Tăng không ngớt phàn nàn là: Chùa không có nước nóng rửa mặt, không có máy sưởi, không có ghế sa lông...

Tôi là phàm phu thế tục, nhưng vẫn có thể tắm nước lạnh giữa tiết trời giá buốt (đồng thời cũng lo tẩy rửa tâm tư phàm tục ô trọc của mình), còn các vị Tăng này có một số tự xưng là Đại hòa thượng, nhưng luôn ta thán, cảm râm ai oán rằng: Cơm nước không ngon, khiến họ chẳng hài lòng. Dù tôi không thấy ngon ngọt, nhưng chẳng thốt nửa câu than. Có nhiều vị Tăng còn tỏ vẻ mình là hàng đại biểu cấp cao, bề vế ngồi tòa đầu, thọ hưởng đệ tử tục gia cúng dường... để mặc cho các nhà sư người Tây phương (tâm hạnh cao khiết ôn hòa) vất vả chạy tới, chạy lui phục dịch, hầu hạ...

Một số vị Sư sãi trong nhóm này còn tỏ vẻ rất uy quyền, luôn muốn người ta phải khắc ghi vào lòng địa vị thượng đỉnh của họ. Họ ngồi không chỉ tay năm ngón, cao giọng truyền lệnh, bảo tôi khiêng bàn mang ghế, sai mọi người phục vụ tất bật... khiến tôi đâm ra hoài nghi phong thái tu của họ (lúc ngụ tại chùa nhà của họ). Thế nhưng tôi vẫn ngoan ngoãn làm theo những gì họ sai bảo, cung kính kính, phục dịch, hầu hạ...

Đương nhiên họ chẳng biết tôi là ai, tôi cũng không hề nói thân phận mình. Trong

ánh nhìn của họ, bất quá tôi chỉ là một tên phàm phu thế tục ngu ngốc, đang rằm rắp phục dịch họ.

Cho đến khi sư phụ vừa tới, nhìn thấy tôi ngoan ngoãn đứng hầu họ, ngài bật cười to và bảo:

- Các vị không biết y là ai ư?

Chư vị khách Tăng đều ngẩn ngơ, sư phụ chỉ cười mà không nói gì, nhưng lúc an tọa thì ngài kéo tôi ngồi xuống bên cạnh.

Lúc này các đệ tử bỗng tự đồng loạt quỳ bái Sư tôn, tôi tuy chẳng phải là đệ tử cũng vội tuốt xuống lễ bái theo, nhưng Sư phụ ngăn lại không cho làm lễ, còn cương quyết bảo tôi phải ngồi cạnh ông, tỏ vẻ thập phần sủng ái... đến mức tôi cảm thấy lúng túng khó xử, lúc đó các vị Tăng này đều thắc mắc, đồng lên tiếng hỏi tôi là ai?

Sư phụ không nói gì, ngài chỉ cười và bảo:

- Các vị có nhận ra y chẳng?

Chư vị tân khách ngồi hàng đầu đều đáp không nhận ra, sư phụ nói:

- Y không phải là đệ tử bỗng tự, y chỉ là khách quý chúng tôi mời đến đây!

Lần này tôi khó tránh bị lộ thân phận. Các vị Sư từng sai tôi phục dịch, thấy cách chủ nhân sủng ái tôi như thế thì cũng đâm

ra lúng túng, lộ vẻ ngượng ngùng. Tôi cũng không muốn làm họ khó xử, nên nói:

- Do tôi quá ngốc nên không xứng làm đệ tử của Sư phụ đây...

Tôi kể ra một phần chuyện này tuyệt không có ý tự nâng mình lên, mà chỉ muốn phản ánh các thói quen hành xử của một thiếu số Tăng nhân (cố nhiên là có cung cách quá quan liêu!) Tôi không phải là nhân vật cao cấp gì, nên dẫu có phục dịch các vị ấy một chút, thì cũng chẳng thấy mình bị hạ thấp chi. Hơn nữa, tôi đã nhất tâm hướng Phật, thì chẳng phải là cũng nên học tính khiêm cung hay sao?

Sau đó có các nhà sư này, mỗi vị vốn là Trụ trì một phương, đều không nhịn được nên cứ khăng khăng nhất quyết tra hỏi tôi là ai? Nhưng Lão sư phụ vẫn cười riu riu không chịu hồi đáp.

Có một vị khách Tăng cảm thấy bất mãn, ông xoay qua hỏi tôi, âm thanh đầy giận trách:

- Nè cư sĩ kia, tôi thấy anh còn trẻ như thế, sao dám ngồi ngang hàng với sư phụ hử?

Sư phụ vội nói:

- Không sao, hắn cũng không phải là đệ tử của bổn tự.

Tôi đáp:

- Tôi đâu dám lạm quyền, nhưng cũng chẳng dám bất kính cự tuyệt thịnh tình của Lão sư đây!

Tan hàng, các sư khách kia vẫn nán đợi. Vì tâm hiếu kỳ mạnh mẽ đã buộc họ nhất định phải tìm tôi để hỏi cho ra lẽ. Thôi thì họ hỏi đủ thứ, xúm nhau vấn Đông tra Tây, còn bức bối hỏi tôi có biết họ là ai, làm chức gì, trụ trì tại chùa nào, ở đâu... hay không?

Họ cứ cố tình hỏi khó, làm phiền mãi, khiến tôi đột nhiên sinh thất lễ, tôi chẳng còn e ngại chi mà nói huých tẹt hết ra: Họ chức vụ gì, Trụ trì chùa nào, ở đâu, tình hình ra sao, ngay cả đồ đạc tạp vật trong phòng họ tôi cũng nêu tên kể vanh vách! Thậm chí tôi còn mô tả họ mỗi ngày ăn thế nào, sáng xơi gì, chiều dùng chi, điểm tâm ra sao... Tôi kể họ một ngày ăn hai bữa, dùng cháo buổi sáng, uống trà buổi chiều, ăn bánh nướng hoặc dùng cà phê sữa và luôn được các tiểu Sa di cung phụng, hầu hạ rất chu đáo ra làm sao...

Lúc này, các việc họ đã từng làm đều hiện rõ mồn một ngay trước mắt tôi, nhìn tỏ tường như trong lòng bàn tay.

Những câu đáp kỳ này đối với hành xử khiêm cung bên ngoài của tôi thật quá khác xa. Tuy tôi chỉ mô tả sơ thôi, nhưng khó tránh còn giữ đủ lễ mạo, tôi chỉ nhìn thấy

các vị khách Tăng này mặt mày đỏ bừng rồi chuyển sang tái nhợt, sau đó thì họ tỏ vẻ hoảng kinh, vội vàng lánh đi mau để trốn ánh mắt của tôi. Tôi cũng không biết vì sao lúc ấy mình vô lễ như thế: Dám lột trần, kẻ sạch bách mọi riêng tư của họ ra!

Khi tôi trả lời họ xong thì các hình ảnh, hành vi... về lý lịch nhân thân của họ cũng biến mất trong não tôi.

Ở Kim Sơn Tự có một vị đệ tử thập phần si ngốc, cả ngày không nói năng, trừ tụng kinh và làm công khóa ra, thì từ sáng đến tối ông không nghỉ một phút nào, luôn cắm đầu làm công tác lao dịch. Dù không ai sai bảo, ông vẫn cứ làm, bản thân ông không ngừng lao động nhọc nhằn. Ông thường mặc đồ rách, nếu có người biếu cho y phục cũng không nhận, mà dầu có nhận cũng chẳng nói cảm ơn, chưa từng nghe ông nói nửa câu với ai!

Một hôm khoảng hai giờ khuya, tôi bỗng phát hiện một chuyện lạ: Vị đệ tử có vẻ dơ bẩn si ngốc này, toàn thân đang tỏa kim quang lấp lánh, thần sắc trên mặt ông nhìn rất an tịnh hiền hòa, rõ ràng là so với các đệ tử chúng Tăng toàn chùa, không ai tu sâu bằng ông.

Tôi hết sức kính trọng vị Phật hữu này. Vào buổi trưa, tuy ông ngồi yên tại một góc chùa, nhưng không hề mở mắt ra nhìn ai, lúc đó ngoại cảnh chung quanh dường như

không tồn tại với ông. Tôi đi ngang qua ông, không nhìn được, nên đã dừng lại, chăm chú nhìn ông đầy vẻ tôn kính và cũng không dám làm phiền ông. Đột nhiên ông bỗng mở mắt ra, nhãn tinh rực sáng chạm đến mắt tôi, ông điềm đạm mỉm cười rồi nhắm lại. Chỉ một lần tiếp xúc ấy thôi cũng đủ để tâm chúng tôi tương thông, ông mở mắt là vì muốn hồi đáp sự tôn kính của tôi.

Tôi chẳng biết tên họ và thân thế ông, nhưng trong giây phút chăm chú nhìn ông, tôi nhận ra: Ông đã rửa sạch hết tất cả mọi hành vi tội lỗi, vì tôi nhìn thấu suốt hết mọi việc làm trong quá khứ của ông, ông đã sám hối tẩy rửa thành công. Tôi rất tôn kính người này (nên ở đây tôi không viết kể những chuyện dĩ vãng của ông làm chi).

Tôi hi vọng mình tu học được tốt, song tôi luôn cảm thấy tâm tư chưa ổn.

Một phàm phu chưa nhập môn như tôi, mới tiến sơ vào cảnh giới tâm linh, khi nói ra những chỗ kém vụng của người tu, trong lòng cũng xấu hổ vạn phần (thực ra đây chẳng phải là những điều nên làm của người học Phật chân chánh). Bất quá, tôi chỉ tung gạch nhữ ngọc, cũng hi vọng dẫn khởi lớp độc giả trẻ tuổi, đối với hiện tượng tối sơ của Phật giáo, có hứng thú muốn nghiên cứu, rồi từng bước chịu tiến vào Phật lý uyên thâm.

Cá nhân tôi tu không đạt lắm, bản thân còn phiền não vô cùng, tôi thậm chí vô phương nhìn thấy hôm qua và ngày mai của tự thân, cũng chưa giải trừ thống khổ của mình, tôi không dám khuyên mọi người thế nào, làm sao; cũng không có tư cách bàn đến giới Phật chế...

Tôi chỉ dùng một đoạn cảnh giới có thực mình từng nhìn thấy và trải qua, để tạm chia sẻ những ai khẳng khẳng chủ trương: Người xuất gia có thể kết hôn - và những ai là đệ tử Phật mà không chịu giữ giới - hãy nên xem xét cho kỹ càng.

Còn một điều nữa, tuy tôi sống tại Canada, nhưng thỉnh thoảng vẫn nhìn thấy rõ hành vi của một số người ở tận nước ngoài (điều này thanh niên A ở Vancouver và vị sư phụ đạo Giáo của anh tại Hương Cảng có thể làm chứng).

Tôi tuyệt không quen anh A, nhưng lúc anh đến chùa thì tôi đột nhiên thố lộ rất nhiều sự tình về anh, tôi nhìn thấy bạn gái anh A (đang ngụ tại Hương Cảng) trước ngực có đeo một tượng Phật Thái Lan bằng vàng, tôi nhìn rõ diện mạo, y phục, trang sức của cô. Tôi thấy nhà cô ở gần vịnh Tiên Thủy, còn nhìn rõ cuốn sách đầu tiên trong thư phòng phụ thân cô mang tựa gì. Tôi còn thấy cả vong linh Tổ phụ cô, thấy trước sân nhà cô

có chưng bày hoa kiểng và mô tả cảnh biển như thế nào, tôi nhìn thấy rõ cảnh thầy trò Đạo sĩ của anh đang bị tẩu hỏa nhập ma (do đuổi quỷ gặp tà,) nhìn thấy cả cảnh xe đung anh bị thương....

Tất cả hình ảnh này hiện ra trong não tôi ngay trước Phật tòa, anh A bản tính vốn cứng cỏi, ương bướng, Nhưng sau khi nghe tôi mô tả tỉ mỉ mọi chuyện rồi thì đã phải khâm phục lẫn kinh sợ, anh tự động quỳ xuống lễ bái Phật.

Tôi nói, tôi không tu chi (tôi chỉ là một người có đạo ngay từ trong tâm, thế thôi). Những gì tôi có thể nhìn thấy, thấy đều do tự phát... và bản thân tôi cũng chưa thể giải quyết hết những phiền não của mình.

Nhưng mà, khi tôi đi bái Phật, tôi có thể nhìn thấu hành vi dối mình, gạt người của một số kẻ tu giả. Vì vậy nếu ai muốn phản bội, đi ngược lại với thanh quy điều luật Phật chế, thì nhất định tôi sẽ không khách sáo (tôi sẽ đến lay trước Phật, cầu Ngài giúp tôi nhìn thấy rõ) và tôi sẽ nhất nhất vạch trần họ ra hết, bởi tôi rất ghét những kẻ ngụ thiện, những kẻ đạo đức giả, tu giả.

Quý vị sẽ nói là tôi điên? Có lẽ đúng vậy. Tôi có thể cảm thông cho một cá nhân đọa lạc, nhưng khó tha thứ cho kẻ đạo đức giả, ngụ thiện! Tôi chúa ghét hạng ngụ quân tử!

Tóm lại là quanh vụ việc này, giữ giới sắc hay giới gì... cũng tốt cả, đều do chúng ta phát tâm học Phật, thệ nguyện tự tuân giữ. Nếu tu mà vô phương khống chế mình, không thể giữ giới, thà rằng hoàn tục tốt hơn.

Chuyện tu hành là việc của mình, vì thế đừng nên viện cớ hay giả mượn danh nghĩa tân tiến, theo thời đại để mà hủy hoại giới pháp Phật chế, cố ý thay đổi, làm sai, sống ngược lại giáo điều và giới luật cao quý của Phật đã ban hành.

Muốn thành tựu tâm linh, thành tựu tinh thần, thì phải tu tốt, phải nghiêm trì giới luật và hành xử phải luôn trái ngược với xác thịt.

Dùng thân tài đạo là việc của chính ta, hướng chi Phật giáo còn có một mặt tốt khác nữa là phục vụ xã hội. Đã có biết bao nhiêu Tăng nhân đảm đang khổ nhọc, vui đầu tu hành, hóa duyên khát thực, gìn giữ đạo đức trong xã hội và cống hiến cho xã hội như: Xây trường học, Y viện, Phật học viện, Tu viện... nhằm trợ giúp nhân quần xã hội.

Tinh thần tế thế vĩ đại và sự hi sinh nhục thể của họ rất mạnh. Họ có lòng dũng cảm hy sinh, không màng chi dục vọng của xác thịt, có ngợi khen họ thì cũng là công bằng. Vì vậy đừng nói người xuất gia là hạng ký sinh, là loài không sinh sản, là không có chức nghiệp hay nghề nghiệp chi!

Những người thốt ra lời phê bình bất công như thế này, là do họ chưa thực sự tiếp xúc với Phật giáo chân chánh.

Tôi không bình luận dài dòng xa đề tài nữa. Điều tôi muốn nói, vẫn là một câu: Không ai ép buộc xuất gia, nếu xem “tứ đại giai không” chẳng nổi, dù nương tựa Phật môn mà quá ưa thích hưởng thụ sung mãn các dục thì hãy nên hoàn tục.

Đừng viện cớ rằng tu sĩ phải kết hôn, phải thay đổi giới là vì sợ nhân tài Phật giáo điêu tàn suy vi. Chỉ cần tu tốt, giữ giới nghiêm minh, làm cho hạt giống Phật nảy mầm hưng thịnh, thì lo gì chuyện nhân tài bị ngưng dứt?

Tôi kêu gọi nhân sĩ Phật giáo, bất kể là xuất gia hay tại gia, phải đồng loạt phản đối những ý đồ ngông cuồng muốn phản bội hủy hoại giới Phật.

Giới căn bản đầu tiên là GIỚI SẮC của Phật giáo. Nếu có người chất vấn bản thân tôi, tôi xin nói rõ: Mặc dù tôi chỉ hơn hai mươi, nhưng tôi không màng đến chuyện kết hôn, vẫn theo khuynh hướng giữ thân như ngọc, tự ăn chay từ trong nội.

Tôi dùng tư cách của một phàm phu mà nói, không hề nghĩ những chuyện cai sắc dục sẽ gây phiền cho các Tăng trẻ, vì tôi chưa bao giờ cảm thấy rằng nếu thiếu sinh hoạt

tình dục thì sẽ không sống nổi! Tôi là người đời mà có thể sống nổi, thì các vị là tu sĩ vẫn có thể sống mạnh.

Bất kể là xuất gia hay tại gia, chúng ta phải hành trì thời khóa tu cho tốt, phải làm công việc cho tròn, phải có lý tưởng phục vụ xã hội, nên tinh tấn không lười. Từ sáng đến tối, quý vị bận tu bận làm túi bụi như thế, thử hỏi có thời gian rảnh đâu mà tư tưởng đến chuyện ái dục, sắc tình không không cần thiết cho Phật môn?

UY LỰC CHÚ LĂNG NGHIÊM

Chú Lăng Nghiêm được xem là vương chú trong kinh Phật, nếu chí thành trì tụng, sẽ thu được cảm ứng rất thù thắng.

Ngày xưa ở tại Kim Sơn tự tôi đã được Hòa thượng Tuyên Hóa dạy bảo, ngài đích thân truyền Chú Lăng Nghiêm cho tôi, sau đó ngài còn gửi tặng cho mẹ tôi bản kinh Chú Lăng Nghiêm.

Do tôi căn khí kém, không có tính nhẫn nại trì bền nên tôi tụng chú thất thường, nghĩa là khi có khi không. Có lúc tụng cả ngày, lúc thì mấy ngày không tụng; thêm tính tôi ham chơi và ưa xem truyền hình, cho nên từ đầu tới cuối vẫn chưa thuộc hết Chú Lăng Nghiêm; thực là đã ngốc lại còn lười.

Tôi tụng kinh niệm Phật lười biếng không chuyên cần, không chịu nhiếp phục tâm loạn. Nên tham dục, sân giận, ngu si, nghi hoặc... đủ thứ phiền não vẫn thường tới viếng.

Hằng ngày tôi cũng ráng học thuộc, lẩm nhẩm tới lui; tuy có ráng nhồi nhét vào đầu, rồi cũng quên, sót. Quả thực Chú Lăng Nghiêm rất khó tụng, tôi tụng mấy năm chưa thuộc hết, nên thường cầm bản tụng.

Chú Đại Bi thì dễ tụng, nên tôi thuộc hết, kinh Kim Cang cũng thuộc luôn, chỉ có Chú Lăng Nghiêm là tôi thực vô phương (do tôi quá ngốc). Mà chú toàn âm phạn văn, rất dễ bị nhớ lẫn lộn, đại khái là trong đây có danh hiệu chư Phật cùng khắp, cho nên hãy tâm thanh tịnh, vừa tụng Chú Lăng Nghiêm là quần ma cung kính thoái lui.

Kinh Pháp Hoa thuyết có hai trăm ức (hai trăm triệu) Phật, kinh Di Đà thuyết có mười vạn ức (mười nghìn tỷ) Phật, thực ra trong vũ trụ chư Phật đâu chỉ dừng ở con số này.

Trong vũ trụ không chỗ nào mà không có Phật, trải qua vô lượng kiếp đến nay, có vô lượng Phật, danh Phật được bảo trì trong chú Phạn âm, khiến trong lúc tụng sản sinh một số âm ba, tỏa ra công hiệu thù thắng có thể nhiếp phục quần ma.

Hiện nay khoa học hiện đại sử dụng sóng âm thanh có thể trị bệnh, có thể làm rất nhiều công việc về cơ khí, tạo ra những thay đổi biến hóa vật lý của vật chất. Còn nhà Phật khi tụng chú Lăng Nghiêm hàm chứa danh hiệu vạn Phật, sẽ sản sinh siêu âm ba vi tế, tự nhiên có thể thỉnh Phật lực đến giáng ma.

Mấy năm trước tôi ngụ trong ngôi nhà cũ (đã bảy mươi năm tuổi), nằm ở khu vực phía Đông phố Vancouver.

Con đường đối diện trước nhà, có một cây đại thụ; năm nào cũng có người lái xe tông vào cây, xe nát người chết, suốt tám chín năm nay tai nạn chưa từng ngưng dứt.

Lần xe đụng gần đây nhất thì hiện trường có hai thân: Một nam, một nữ. Nửa khuya hôm đó tôi nghe tiếng động, còn chính mắt nhìn thấy hai linh hồn bò ra từ thi thể họ, lòng bàng hoàng vô kể.

Khi đó vong quỷ nữ rất muốn bước vào nhà tôi, bị tôi quát dừng lại. Thế là sau đó ả liền nấu thân trong cây đại thụ trước nhà tôi. Ban đầu thì ngày nào cũng khóc lóc, sau đó lâu dần, ả đã thu hút, chiêu gọi một số cô hồn dã quỷ trẻ tuổi cùng đến nhập bọn. Chúng quỷ thường rình chờ các xe đi ngang qua đường để gây ra tai nạn (hình như ý chúng muốn tìm người thể thân).

Sau khi ngài Tuyên Hóa dạy tôi tụng chú Lăng Nghiêm rồi, tôi và gia mẫu thường hợp lực tụng. Sau khi trì tụng chú Lăng Nghiêm được mấy đêm thì tôi bỗng nhìn thấy: Không biết từ đâu có hằng ngàn, hằng vạn đóa hoa sen trắng bay đến, mang nữ quỷ trong đại thọ đi... càng lúc càng xa. Tất nhiên nữ quỷ không chịu đi, nhưng ả vô phương tự quyết, sau đó thì cả vùng này trở nên thanh tịnh. Kể từ đó không còn xảy ra tai nạn đụng xe chết người nữa (việc này đã được đăng báo, vì đây là hiện tượng yên bình lần đầu tiên (trái với thông lệ hằng năm phải có tai nạn phát sinh).

Mấy năm sau, chúng tôi dời nhà đi, cây đại thọ này lại có đám vong linh gá vào, nữ quỷ kia quay trở về, nơi địa phương đó lại xuất hiện cảnh đụng xe tiếp tục... và luôn có người chết bất ngờ. Hiện nay tôi cũng không quay về nơi đó nữa

Hiện thời ngôi nhà tôi mới đến ở đây, nằm ở phía Tây Vancouver. Ban đêm tôi nhìn thấy có một bà mập mập người Tây, mặt mày hớn hở, tươi cười; bà bước vào trong nhà, tìm đến phòng tôi, thân thiện gọi tôi là “con trai”.

Tôi biết bà là dị loại (loài ở cảnh giới khác), nhưng không hề sợ. Khi tôi niệm hay Phạt tụng chú Lăng Nghiêm, thấy bà tuyệt

không có ác ý chi, bà kể mình đến đây là để thăm nhà cũ, còn bày tỏ: Rất muốn tôi chăm sóc ngôi nhà này, sau đó thì không thấy bà xuất hiện nữa.

Tôi liền vẽ ra diện mạo và y phục của bà để hỏi thăm hàng xóm. Khi tôi vừa đề cập đến, láng giềng đã kể ngay: Trước đây chủ nhân ngôi nhà này là một bà bác sĩ, bà ấy chết đã mười mấy năm rồi.

Hiện tại chúng tôi đang thờ phụng tượng Phật, nên không còn có quỷ nào xuất hiện nữa.

Mẹ tôi tụng kinh siêng năng hơn tôi, ngày nào cũng tụng, bà học từng đoạn, nên dần dần đã thuộc hết chú Lăng Nghiêm và có thể tụng lầu lầu, còn tôi thì chưa thuộc.

Khu vườn sau nhà có một cây lê đã năm mươi tuổi. Hằng năm vào tiết Xuân, khoảng tháng Hai, tháng Ba... hoa nở đầy cây, nhìn giống hình một tòa bảo tháp. Hoa lê khiết bạch lung linh, có mấy phần nhìn giống hoa mai. Hoa lê mỗi năm chỉ nở một lần, đến Hạ thì ra trái, mùa Đông thì quả chín.

Năm ngoái một việc kỳ lạ phát sinh, đó là cây lê già đột nhiên vào mùa thu lại ra hoa lần hai! Vào thời điểm đó, hình dáng các cây đa phần không còn tươi tắn, vậy mà cây lê bỗng đột nhiên ra hoa.

Hoa lê nở hai độ, đây không phải là chuyện hi hữu. Nhưng gia mẫu và tôi đặc biệt chú ý; sau này nó cũng kết trái, chúng tôi cùng hái đem cúng dường chùa, không dám ăn.

Hòa thượng Hư Vân năm đó giảng pháp tại chùa Lục Dung, Quảng Châu; ngay giữa tiết hè thu, hoa đào đột nhiên nở đầy, làm chấn động đương thời.

Chúng tôi không có đạo hạnh, nào dám so sánh với ngài Hư Vân? Chẳng qua gia mẫu niệm Phật tụng kinh chí thành, ngày đêm không lười. Cây lê ở ngoài song, nở hoa hai độ, chẳng biết có phải là nhờ bà siêng niệm tụng, nên cảm ứng Phật lực được hiện điềm lành này chăng?

Trừ điềm này ra, tôi chẳng còn giải thích nào hợp lý hơn.

ĐIỆN QUANG CỦA XÁC ƯỚP

Lúc xem cuộn phim khoa học quý giá trình chiếu cảnh các nhà khảo cổ, nhà sinh vật học, nhà hóa học, nhà vật lý, các bác sĩ... cùng nhiều học giả trừu danh Anh quốc đang kinh ngạc há hốc mồm khi nhìn vào xác ướp họ khai quật trong kim tự tháp. Xác này là một vị công chúa, theo kiểm nghiệm của các nhà khảo cổ, thì cô đã chết và được ướp xác cách đây hơn 2.400 năm.

Xác công chúa sau khi khai quật, trông héo úa, chỉ còn da bao bọc xương, nhìn giống như cây khô sấp mặt, không có gì là hi hữu ly kỳ, tại sao lại khiến mấy mươi vị học giả lộ vẻ ngạc nhiên sửng sốt như vậy?

Khi nhà khoa học gia chủ trì cuộc thí nghiệm ra lệnh tắt đèn và dùng tia X quang chiếu qua xác công chúa, thì chuyện lạ phát sinh: Toàn thân cô phóng quang, nhấp nháy, nhấp nháy... như có dòng điện đang chạy, tuần hoàn di chuyển khắp châu thân.

Khi họ bật đèn sáng, nhìn lại, thì thấy xác nữ này vẫn giống như lá úa cây khô.

Họ lại tắt đèn, thì thấy toàn xác cô như có dòng điện lưu chuyển, ánh lên màu xanh, nhấp nháy. Là lửa lân tinh ư? Nhưng làm sao lửa lân tinh có thể lưu chuyển tuần hoàn giống như máu huyết vậy? Các học giả giải thích đây không phải là lửa lân tinh, Phân tử lân chất nếu di động, tại sao lại có được phương hướng điện quang nhất định?

Một cánh tay phải của xác ướp đã khô mục, gãy lìa. Nhà học giả cho chiếu X quang lên nó để mọi người xem, thì thấy bàn tay của cánh tay gãy này, dòng tĩnh điện đang chạy nhấp nháy trong năm ngón tuần lưu chuyển hoàn không ngừng, đầu ngón tay còn phún quang ra thành vòng sáng...

Họ lại tắt tia hồng ngoại đi, thì thấy đây vẫn là cánh tay khô không chút mầm sống, khô đến muốn nát vụn.

Hiện tượng này giải thích sao đây?

Dưới sự chứng kiến của bao nhà khoa học, khảo cổ, sinh vật học, hóa học v.v... Bà Moss là nữ giáo sư của Đại học California nước Mỹ, đã dùng dao cắt nhỏ một phiến lá cây, cũng thấy có điện quang di chuyển nhấp nháy...

Họ kêu một nam tử đưa ngón tay đặt dưới tia X quang, ngón tay phún ra ánh lửa, so với xác khô còn điện quang chiếu còn mạnh hơn. Họ liền gọi một người uống rượu đến thử, thấy mắt ông này phun hỏa càng lớn. Họ kêu một cô gái dùng đầu tay mình chạm vào đầu tay nam nhân, thì thấy tay hai nam nữ này phát ra âm thanh lửa xẹt.

Nữ sĩ Moss bảo hai người thử hôn môi, hai môi chưa chạm nhau, thì đã thấy nơi hai môi phún ra ánh lửa mạnh, bởi vì cô gái khát vọng được người yêu hôn, nên lúc vừa tiếp cận môi nhau thì, thấy ánh điện quang xẹt nhấp nháy... Điện quang nơi ngón tay cô gái càng lúc càng mạnh, nhưng ánh sáng điện nơi ngón tay chàng trai còn mạnh hơn, nhấp nháy tỏa lớn.

Tôi từng đọc qua bài tự thuật của nhà phát minh Edison, có ấn tượng sâu nhất ở

chỗ: Ông kể một lần nọ đang canh chừng người bạn thân sắp chết, trong cảnh hoàng hôn tối đen, bỗng nhìn thấy trước mắt người bạn có sợi dây điện yếu ớt nhẹ nhàng bay lên, trong khoảnh khắc ấy ông quan sát kỹ: Thì thấy người bạn đã tắt hơi.

Tôi hồi nhỏ ưa chơi soi gương, thường dùng ngón tay chỉ vào một ngón khác hay bất kỳ chỗ nào trên thân, vừa quan sát... nhìn vào gương thấy bóng mình phún lửa mà lấy làm vui thích. Tôi nghĩ trăm lần cũng không hiểu nổi, vì sao tôi dùng hai tay chạm nhau, dù chưa tiếp xúc thì đã thấy trong gương hình bóng mình nơi tay phóng ra điện quang liên tiếp. Bây giờ xem bộ phim này, thì hiểu minh bạch. (Sở dĩ khi hai tay tác giả chạm nhau nhìn thấy trong gương nơi đó phún điện quang là do bản thân ông có khả năng nhìn đặc biệt giống như tia X quang).

Tôi rất ngán đả tọa, chỉ thích bơi lội trèo cây, vì ngồi tới ngồi lui, tâm vẫn không an tĩnh, mà hễ có được chút thanh tịnh, thì thường thấy cảnh giới lạ. Nghĩa là trong tối đen tôi có thể nhìn thấy rõ mọi tơ hào, có thể nhìn thấy điện quang phát sáng trên thân, thấy cả trong não hiện điện quang. Chỉ tiếc là nhìn thấy ánh điện sắc xanh lam, như vậy sư phụ có thể biết tâm tôi đang tạp...

Vì tính tôi ương bướng ngoan cố, dù tọa thiền tâm loạn như khi, vẫn có thể xuất hiện vàng điện quang xanh lam, e người nghe sẽ nói là tôi ba hoa hồ thuyết, nhưng bạn xem: Ngay cả xác ướp tĩnh điện còn không tắt, huống chi là tôi đang sống, vì vậy không thể cho là tôi ba hoa khoác lác được.

Đây không thuộc vấn đề đạo hạnh, vì tĩnh điện này ai cũng có, ngay cả hai người trẻ tuổi chưa từng tu hành đang có tình ái thể tục vẫn có hiện tượng điện quang nhấp nháy kia...

Nhân đây, khoa học căn cứ theo đó mà phán đoán, trên tượng Phật có vàng Phật hào quang tròn, tuyệt không phải là chuyện bịa đặt vô căn cứ, vì Phật quang của chư Phật Bồ tát, rất mạnh lớn, còn tỏa sắc trắng, sắc vàng (bạch quang, kim quang)... là nhờ các Ngài tu trì đắc được chánh quả mà có.

Tĩnh điện nơi thân người, trải qua tu luyện, tùy ý chí thu phát, có thể làm được điều phàm nhân không thể làm. Dem tĩnh điện phát xuất thành sóng ngắn hoặc vi ba, theo thế gian gọi là truyền tâm thuật, thiên lý nhãn... nếu như tu luyện đến cảnh như như của chư Phật và Bồ tát thì không phải là các Ngài có thần thông khó sánh sao?

Tục nhân nhìn thấy mấy chuyện lạ thì cho là huyền, còn theo nhà Phật thì những điều này giống như truyền tâm thuật, thiên lý nhãn... vì tế mênh mông.

Vi tế mệnh mông nhất là, tôi gặp một kỳ nhân ở Mỹ, ông là người Israel còn rất trẻ, khoảng 30, ông từng viết một cuốn sách hồi ký ghi là: “Làm sao để có khả năng kỳ dị thiên bẩm”, tôi có xem ông biểu diễn nơi đài truyền hình trước bao người. Ông có biệt tài: Chỉ cần nhìn chăm chú các thứ như: Nĩa, muỗng... hay các vật dụng bằng thép, thì mấy phút sau tất cả thứ kim loại đó bị uốn cong, ông cũng có thể uốn cong chìa khóa đồng, thậm chí còn tuyên bố rằng: Ông có thể uốn cong cây cột cờ nơi quảng trường Liên Hiệp Quốc!

Tôi quan sát ông nhìn chăm chú vào các vật bằng kim loại, ông khoe rằng: Chỉ trong khoảnh khắc thôi là đã có thể uốn cong, làm mềm chúng... thậm chí ông còn có thể nhìn chăm chú vào đồng hồ điện của đài truyền hình để bắt nó ngừng chạy.

Điểm này rất thần kỳ, có thể nói là do sức mạnh tinh thần làm ra? Hoặc từ ông đã phát ra một loại sóng vi ba khiến mọi người đều nhìn thấy đồ dùng kim loại biến hình, nhưng theo con mắt của tôi nhìn, thì thấy rõ ràng đồ vật không hề biến đổi gì.

Ông bảo khán giả: Quý vị hãy nhìn vào đồng hồ tay của mình và trong lòng thầm nghĩ: “TA MUỐN MI DỪNG CHẠY!”...

Tôi cũng làm vậy, nhưng trí óc tôi lại bướng bỉnh, thậm chí thế này: Thừa Bồ tát, xin bảo đồng hồ con không được phép dừng chạy ạ!

Trong lúc đó tôi vẫn chăm chú nhìn, nhận ra hình như ông Do Thái này đang dùng sức mạnh tâm linh để thôi miên, thu nhiếp mê hoặc mọi người, bản thân tôi lúc đó luôn giữ chánh niệm, còn nhiếp tâm tụng chú.

Kết quả: Cả đám khán giả đối diện ông ai cũng kinh ngạc kêu lên: Chao ôi, đồng hồ tay của tôi đã dừng lại rồi!

Chỉ có duy nhất mình tôi chìa tay ra chứng minh: Đồng hồ vẫn đang chạy, chẳng chút tạm dừng.

Ông Israel này thấy vậy, tỏ vẻ rất ngạc nhiên, ông chiếu đôi mắt chứa đầy hoài nghi vào tôi, miệng nói: Thật lạ, từ trước đến nay tôi chưa từng bị thất bại bao giờ! Ông ngó tôi với vẻ lạ lùng, tôi chỉ mỉm cười lắc đầu.

Tất cả khán giả tại hiện trường đều ngạc nhiên.

Có người đổ thừa là do tôi không chú tâm làm theo lời ông dạy, tôi cũng không thềm giải thích, chỉ mỉm cười.

Qua sự kiện này, tôi có thể diễn giải rằng: Ông này có công năng tâm điện. Tại sao mọi người đều nhìn thấy dao nĩa bị uốn cong, đồng hồ ngừng chạy, mà riêng tôi thì

không? Tôi vẫn thấy dao nữa không biến dạng và đồng hồ chạy bình thường!

Trong khi mọi người tại hiện trường thấy đều tâm phục khẩu phục, đồng nhìn thấy dao đĩa biến hình... (Ý tôi muốn nói là người này có khả năng thôi miên nhiếp hồn, khiến mọi người đồng thấy dao nữa bị ông đang nhìn chăm chú thì biến dạng!)

Tôi hơi sợ ma lực nơi nhãn thần của ông, thế nhưng trong lòng vẫn cảm thấy ông không có gì đặc biệt.

Việc này giải thích thế nào mới hợp lý? Quả thực ít nhất ông này cũng có một năng lực nhãn thần siêu nhiên (gọi khác đi thì là khả năng phát sóng vi ba khiến người bị thôi miên) hoặc dao nữa có biến hình thực chẳng?

Tôi không giỏi tu trì, chỉ có chính tâm niệm Phật, chỉ biết ăn chay thanh tâm. Tuy tôi ở nhà, nhưng cuộc sống giống hệt người xuất gia. Có khác chẳng thì tôi vẫn là phàm phu, vẫn còn phiền não um sùm: Vẫn tham ăn, xấu tính, xấu nét... và chẳng có chút đạo hạnh.

Tôi không nhận ra dị nhân Do Thái này có tài thực hay giả, cũng chẳng biết nếu như tôi đừng niệm danh Bồ tát thì ông có đạt thành công chẳng? Việc này, tôi vẫn nghĩ chưa thông.

Thôi thì quý vị hãy nghĩ hộ tôi nhé, vì bộ não tôi không được tốt lắm.

1/6/1977

THỦY TRIỀU ĐỎ

Năm 1970 lần đầu tiên một ký giả Nhật cho đăng một tấm hình ở Yomiuri Shimbun, khơi gợi rất nhiều tranh luận. Tấm hình này lưu truyền ra, được in tại Anh quốc và trên các báo Âu Châu đã khơi gợi rất nhiều hiếu kỳ. Các chuyên gia xôn xao bay đến Trường Kỳ (là thành phố Nagasaki ở phía Tây Nam - đảo Kyushu), họ thuê một chiếc thuyền, chờ đêm đến trăng lên thì đi ra ngoài biển để quan sát một hiện tượng lạ vô phương giải thích xảy ra tại một vùng thuộc phía nam bờ biển cách Nagasaki chưa đến 80 dặm. Thế hiện tượng lạ này là gì?

Theo những gì tôi nhìn thấy trong bộ phim Anh quốc trình chiếu, thì vào ban đêm: Trên mặt biển tối đen bỗng xuất hiện vàng xạ quang sáng rõ, giống như có hàng trăm triệu ánh huỳnh quang tập trung tụ hội, nổi trên mặt biển, chu vi rộng đến mấy mươi dặm, vàng ánh sáng này lúc thì lưu chuyển thành khối, lúc thì biến hóa kỳ ảo thành ước, triệu... đóm lửa chen chúc... dày đặc như sao.

Cảnh tượng cũng giống như khi tôi ở trên núi nhìn xuống Hương Cảng, thấy vô số

ánh đèn sáng lấp lánh trên biển. Nhưng có khác chẳng là: Cảnh đèn biển ở Hương Cảng lấp lánh mang đủ màu sắc, pha lẫn ánh đèn xe hơi chạy ngang qua phản chiếu xuống... nghĩa là ánh đèn sáng mang đủ màu, đủ sắc thái. Nhưng riêng tại nơi đây ánh sáng nơi mặt biển chỉ có hai màu: Màu bạch tạng tóc và màu lục u buồn.

Theo chú thích thì ánh sáng bạch lục thần bí này thường xuất hiện vào khuya ngày rằm tháng 11, thỉnh thoảng cũng xuất hiện vào mùng 8, mùng 9. Mỗi lần xuất hiện chúng tồn tại từ một đến ba tiếng không nhất định.

Còn nữa, ánh hải quang này, tuyệt không phải mới xuất hiện gần đây, mà chúng đã có từ thời trung cổ cho đến tận bây giờ. Do ngư dân đảo Cửu Châu (Kyushu) từng chứng kiến qua rồi nên họ đã quen và cho đây là chuyện thường, chẳng hề ngạc nhiên.

Nhưng mãi đến mấy năm gần đây, trên thế giới mới bắt đầu biết đến hiện tượng hải quang này.

Mấy chuyên gia Tây phương trong lúc quay hình, mỗi người tự phát biểu giả thuyết riêng. Người thì nói là do phốt-pho; (là lân chất trong biển), người thì đổ là: Do trong biển có loài vi sinh vật Plankton trôi nổi (vì thân thể chúng chứa nhiều lân chất) và các

vi sinh vật này nương theo sóng biển trôi giạt đến, rồi giữa cảnh tối đen thân chúng phát ra ánh lân quang, nên ta thấy sáng vậy thôi, tình trạng này cũng giống như dạng huyết triều trong biển vậy.

Huyết triều là gì? Tôi nhìn thấy trong phim chiếu cảnh thủy triều dưới ánh mặt trời, dòng nước biển dài suốt mấy trăm dặm đều biến thành màu đỏ giống như máu, nhìn rất đáng sợ.

Tôi nhớ hình như trong kinh Cựu Ước có miêu tả cảnh tượng giống vậy xuất phát từ Ai Cập? Khi nhà tiên tri Moses vừa vung gậy chỉ xuống, thì nước biển biến thành máu đỏ, những sông biển Ai Cập sở hữu đều biến thành máu hết nên không thể dùng. Cá tôm đều thối nát, khiến Pha-ra-ông (vua Ai Cập cổ) hoảng sợ hết hồn.

Trong Bộ phim Thập Giới (mười điều răn) của Hollywood có quay một đoạn: Cảnh nước biển biến thành màu máu rất thần kỳ, nhưng đó là do họ dùng thuốc nhuộm tạo thành thôi.

Còn cảnh trong phim tài liệu do các nhà Khoa học Anh Quốc tự quay và đang cho trình chiếu hiện thời tuyệt không phải là cảnh do con người ngụy tạo, mà là bộ phim ký sự nghiên cứu được quay rất trung thực. Cảnh nước biển có màu máu này, ở Địa Trung Hải cũng từng gặp qua.

Tôi thấy các chuyên gia mức nước trong biển máu lên, họ nhỏ mấy giọt lên kính hiển vi, thì thấy có hàng ngàn, hàng vạn vi khuẩn huyết hồng, hình dáng giống vi sinh vật trong từng giọt nước đang bơi lội chuyển động. Những vi sinh vật này cũng có tên khoa học Latin (tiếc là tôi không nhớ để ghi ra), các vi sinh vật sắc đỏ này giống như tế bào Amoeba đơn, do ức ức triệu triệu con cùng kết hợp lại, tạo thành làn sóng biển máu, đặc biệt là một khi huyết triều này hiện đến, thì không một sinh vật nào có thể thoát chết: Tất cả loài thủy tộc cá tôm hiện có, ngay khi đó đều bị vi sinh hồng huyết này giết chết, hút lấy tinh hoa, chỉ còn lại thi thể nổi trên mặt nước, tạo ra cảnh: Có hàng ngàn hàng vạn xác vật chết, bị thổi rửa tấp vào bãi biển. Cảnh thi thể thủy tộc tấp vào bãi biển như vậy, từng thấy xảy ra ở khắp nơi.

Cảnh tượng này hơn mười năm trước cũng đã xuất hiện tại quần đảo Bành Hồ Đài Loan. Còn ở Phi Luật Tân, Mê Hi Cô, Ai Cập, Ý Đại Lợi, Úc châu, Nam Mỹ, cũng từng xuất hiện qua. Những ngư dân có kinh nghiệm đều rất sợ hãi, không ai dám vớt các thân cá này ăn.

Tôi chỉ tình cờ nhắc đến kinh Cựu Ước và các tôn giáo khác thôi (vì tôi từng nghe và xem phim nên mới trích giải như thế) nhưng theo tôi, mỗi người đều có thể tùy ý giải thích theo chủ

kiến của mình, tôi tôn trọng tất cả các tôn giáo, chứ không phải vì mình là Phật giáo đồ mà cho các tôn giáo khác là không đúng!

Ở đây tôi chỉ nêu lên những điều mà khoa học phát hiện ra chứ không hề phủ nhận những lý thuyết tôn giáo. Vì những khám phá khoa học tuy có thể đặt giả thuyết về các hiện tượng này, song vẫn thất bại, vì không thể giải thích các năng lực bí ẩn đã tạo nên hiện tượng này. Những phát hiện của khoa học tuy có thể giải thích, song vẫn không đạt được kết quả chính xác: Rốt cuộc là có lực lượng thần bí nào đã tạo nên cảnh tượng kia.

Vậy khi mặt biển Trường Kỳ (Nagasaki) xuất hiện hải quang, thì loại này có giống như cảnh các khoa học gia đang quay kia không?

Trong phim, các khoa học gia chưa đưa ra kết luận, họ chỉ phát biểu là: Có khả năng như thế mà thôi!

Tôi thấy có một nhà Thần bí học đưa ra giả thuyết rằng: Đây là hiện tượng “Đăng hải thần bí” (ông cho là dưới đáy biển có hai thế giới, và chính ánh sáng của thành phố siêu nhân đã phóng ra phản chiếu lên mặt biển).

Các nhà nghiên cứu này cũng từng được Hải quân Nhật hỗ trợ, gửi tàu ngầm, cho sử dụng máy định vị bằng sóng âm thanh và nhiều dụng cụ thí nghiệm khoa học khác, thậm chí còn mời tàu ngầm Canada lặn xuống sâu hàng

ngàn mét để thám thính, nhưng không thấy gì. Trong phim quay trực tiếp chỉ thấy xuất hiện những cảnh đáy biển thông thường.

Thời điểm này Canada phát minh tàu ngầm được xem như đứng đầu thế giới, tàu có thể lặn sâu mấy ngàn mét thám thính, từng khiến cho Liên Xô chú ý, muốn đặt mua, do bị Mỹ phản đối, nên Canada cũng chẳng hứa bán cho. Đến nay vẫn được xếp hạng là tàu ngầm lặn sâu, chịu đựng tốt nhất thế giới. Năm ngoái Canada còn công khai triển lãm tàu ngầm...

Tôi đã đến Bắc Vancouver chiêm ngưỡng, nhưng không được phép chụp hình, trông dáng vẻ bên ngoài thì thấy tàu chẳng có gì đặc biệt, nhưng nghe kể nó được chế tạo bằng hợp kim đặc biệt, có thể đề kháng áp suất nước sâu, khổng lồ chế được khí nén trong tàu, giúp người dùng không bị nguy hại.

Về thuyết “Đăng hải thần bí” , việc điều tra đến nay chưa có kết quả nên đã bị đình chỉ. Tương lai họ có tái thám thính nữa không thì chưa biết.

Tôi đã ghé qua Nagasaki, nhưng chưa có dịp ra biển để ngắm xem hiện tượng kỳ lạ này. Nghe nói tại Nagasaki, các nhân sĩ quốc tế vẫn thường ngồi thuyền ra biển tham quan vào các đêm rằm tháng mười một và rằm tháng giêng.

Tôi nhớ trong cuốn tự truyện Hòa thượng Hư Vân có kể vào thời Thanh mạt, ngài ngồi thuyền đi Hạ Môn giữa đêm trăng tròn tại eo biển Đài Loan và đã nhìn thấy trên mặt biển sáng lấp lánh, do trong sách văn từ miêu tả khó hiểu, mà cũng không có giải thích.

Song kiểm lại những thấy nghe tôi từng trải qua, đem so với lời tự thuật của ngài, thấy cũng có điểm giống nhau.

Tôi lên du thuyền để đi thăm Shimonoseki nằm ở phía Tây biển Nhật Bản. Tại Hạ Quan tàu du lịch cập bến tại eo biển Đông Hải.

Ngay trong đêm theo đoàn du khách trở về, lúc về rồi, tôi lại thấy khó ngủ. Thế nên vào lúc hai ba giờ khuya, khi toàn bộ khách trên thuyền đã ngủ hết, một mình tôi vẫn còn lang thang trên boong tàu, đứng tựa vào lan can nhìn ngắm mông lung...

Lúc này mặt biển đầy sương mù, xa xa có những ánh đèn yếu ớt lập lờ, cổng thành phố nằm đối diện ở trên bờ cũng đang chìm trong giấc ngủ.

Cây cầu ở Shimonoseki rất cao, cũng im vắng vì không còn người xe qua lại, cầu trông đẹp hùng vĩ, không hề thua kém cây cầu Golden Gate Bridge vĩ đại của Hoa Kỳ.

Giữa đêm khuya này, mây đen bồng giăng phủ bốn bề, mưa phùn tầm tã, bầu trời giờ không trăng sao, khiến ngọn núi xa

xa trở thành tối đen, bởi sương phủ dày mịn, hiện tại có gì đẹp đâu để mà thưởng ngoạn ngắm cảnh chứ? Vậy mà tôi cứ đi loanh quanh trên boong tàu, không chịu xuống. Đã vậy, trong lòng bỗng trào dâng một cảm giác bi ai, cô đơn, lạnh lẽo, thê lương rất lạ lùng và khó hiểu.

Đột nhiên, tôi thấy từ phía Đông, mặt biển bỗng xuất hiện một phiến lân quang màu lục trông rất buồn thảm, quầng sáng này dần dần phát triển rộng càng lúc càng nhiều, cho đến khi mặt biển toàn là ánh bích quang nhấp nháy... nhìn cảnh trạng giống như... có ánh sáng từ đáy biển tỏa chiếu hắt ngược lên trên vậy.

Toàn biển bây giờ tràn đầy ánh lân quang nhấp nháy, xuyên suốt; chứng kiến cảnh nước biển giống như đang bị nấu trên lò, cứ cuộn cuộn, sôi sục không ngừng, tôi ngạc nhiên vô kể.

Tôi rất muốn vào trong gọi mọi người cùng ra xem, nhưng lạ thay, lúc này toàn thân tôi bỗng cứng đờ như bị tê liệt, không thể bước, cảm giác giống như mình đang bị đóng băng, cứ dính chặt ngay tại chỗ mình đứng. Lúc đó miệng tôi rất muốn kêu lên, nhưng không bật ra được âm thanh nào.

Trong khoảnh khắc, nơi chỗ phát ra ánh sáng lục buồn thảm trên mặt biển, bỗng phát

ra vang vọng tiếng người rên xiết, kêu gào rất thê lương, làm ầm náo cả một vùng: Có tiếng nam nhân quát giết... và tiếng phụ nữ khóc lóc rên rỉ, nghe bi thảm không cùng. Rồi dãy ánh sáng màu lục buồn thảm trên mặt biển chợt lay động, hiện ra một cảnh tượng cực kỳ bi thảm ngoài sức tưởng:

Tôi thấy có vô số thuyền buồm thời cổ đại chở đầy binh lính, đang giao đấu hỗn loạn trên biển. Có hàng ngàn hàng vạn võ sĩ mặc cổ trang, hung hăng chém giết trước thuyền, thương giáo múa sáng lòe, tên bay như mưa; ánh thép của mũi đao vung loạn xạ, tạo nên cảnh máu văng thịt bay... Phụ nữ và trẻ em không một ai thoát nạn: Nếu không thành vong linh dưới cơn mưa đao kiếm, thì cũng phải nhảy xuống biển chết chìm. Ánh lửa tàu cháy sáng rực trời, khói bốc cuộn cuộn mịt mù che cả vàng trắng. Máu loang đầy biển, nhuộm đỏ khắp chốn, cảnh trạng thê thảm khốc liệt này, quả thực vô phương hình dung, vô phương mô tả. Tôi chỉ có thể khẳng định là: Bất kỳ bộ phim chiến tranh bom tấn nào trên thế giới, cũng thua xa thực tế kinh hoàng khủng khiếp mà tôi đang chứng kiến ở đây.

Lúc đó tôi nhìn mà lòng đau đớn vạn phần, lệ rơi đầy mặt, cổ họng nghẹn ngào. Tôi biết đây tuyệt không phải là ảo cảnh,

tôi hiểu những điều mình thấy trước mắt, chính là cảnh tượng hoàn toàn có thật vào thời xa xưa.

Cảnh chém giết bi thảm này tất nhiên là xảy ra vào thời cổ đại, do vong linh thống khổ chưa tan, nên khi gặp được người tâm linh có thể giao cảm với cõi âm, thì cảnh bi thương kia liền tái hiện. Tôi cũng đoán mình không phải là kẻ duy nhất chứng kiến qua cảnh tượng này! Trong tương lai, chắc chắn sẽ có người nhìn thấy hết như tôi đang chứng kiến hiện giờ.

Lúc đó trong lòng tôi vô cùng bi thống, kinh hoàng; may mà tôi còn nhớ niệm Phật, dù tâm đang sợ hãi run rẩy, tôi vẫn chí thành niệm: Nam mô A Di Đà Phật, rồi tụng chú Đại Bi. Tôi tụng liên tục không ngừng, tôi chấp tay trì chú mà mắt cứ dán chặt vào thảm cảnh trên biển, còn nghĩ thầm: Trì vậy chứ không biết có hiệu nghiệm hay không?

Một lúc lâu, thảm trạng trên biển dần tiêu tan, chỉ còn ánh sáng lân tinh trôi nổi...

Tâm tôi bình ổn trở lại, nhưng vẫn trì chú liên tục, lại rất lâu sau đó, những đốm lửa lân tinh trên biển dần tiêu mất, vùng ánh sáng chiếu lấp lánh trên biển, dần dần mờ đi, cuối cùng chỉ còn một vùng đốm lửa yếu ớt lập lờ... kết thành hàng thành đoàn, nhìn giống một đội ngũ dài dằng dặc. Những đốm

lửa này vươn lên nhấp nháy nhiều lần, nhìn giống như trong lửa có gió thổi, nhưng cuối cùng thì tắt cả đột ngột biến mất không còn tung tích. Mặt biển lại phủ đầy sương như cũ, không còn cảnh tượng kỳ lạ nào nữa.

Tôi xem đồng hồ tay, thấy đã gần 3 giờ. Dù mồ hôi đang tuôn nhỏ giọt, nhưng sự kinh hoàng hiện thời đã được trấn tĩnh, tôi lê bước về phòng mình, cởi áo khoác ra đi ngủ.

Ánh đèn điện chiếu sáng yếu ớt, tôi vẫn khẩn thiết niệm Phật, một trận âm hàn từ cơn mưa lạnh bên ngoài tạt vào. Đèn điện bỗng tỏa sáng trở lại, trong phòng các bạn vẫn ngủ say như heo, ngáy ầm ầm như sấm.

Tôi vẫn một bề trì thâm chú Đại Bi, rồi ngủ thiếp đi lúc nào không hay. Sáng ra, tôi không dám nhắc chi đến chuyện này, lẳng lặng đi ra ngoài ngắm mặt biển, thấy không có gì lạ.

Hôm sau, khi đi ngang qua một tiệm sách, tôi ghé vào hỏi thăm có sách lịch sử bản địa hay chẳng, chủ tiệm là một ông già, tiếp đón tôi vô cùng lịch sự lễ phép. Ông hỏi tôi muốn tìm hiểu lịch sử thời đại nào? Tôi bèn hỏi địa danh của eo biển phía đông Shimonoseki (Hạ Quan) này tên gì, có phải tên là cửa biển Chan?

Ông lão đáp:

- Dạ đúng! Dạ đúng! Tiên sinh... đã tới đó rồi ư?

Chiếu ánh mắt tò mò vào tôi, ông hỏi:

- Thế... tiên sinh đã nhìn thấy gì rồi ư?

Tôi thành thật kể ra, ông lão nói:

- Đúng là cửa biển Chan, người bản xứ ai cũng biết hết, bởi cảnh này rất thường xuất hiện!

- Chao ơi, có thật như thế ư?

Lão già kể hồi còn nhỏ ông cũng từng chứng kiến qua một lần, nhưng đó là chuyện thuộc bốn mươi năm về trước.

Ông nói: Nếu ai cố ý tới đó chờ đợi để được xem, thì họ không thấy gì. Đã có rất nhiều người nghe đồn nên tò mò tìm tới, nhưng thấy đều thất vọng quay về.

- Thế... rốt cuộc là có chuyện ma quái gì vậy?

Đó là vào năm Thọ Vĩnh thứ tư (1185), giữa hai gia tộc Bình Thị và Nguyên Thị vì tranh giành địa điểm trọng yếu tại đây nên đã cùng quyết đấu một trận. Thủy quân hai bên hỗn chiến suốt một ngày một đêm, tử vong hơn ba, bốn triệu người. Cuối cùng thì toàn bộ quân Bình Thị bị giết, còn Nguyên Thị thắng trận, chiếm lấy danh vị, trở thành Mộ phủ Tướng quân Nguyên Lại Triều. Đối với những người Bình Thị còn sót lại, ông ra lệnh chặt đầu hoặc đuổi ra biển cho họ chết chìm.

Mẹ Bình Thị ôm ấu chúa tám tuổi nhảy xuống biển vong thân. Ấu chúa tức là An Đức Thiên Hoàng, mẹ Thiên Hoàng 建禮門院君 là Kiên Lễ Môn Viện Quân cũng nhảy biển trầm mình, đây là trận chiến bi thảm nhất giữa hai họ Bình Nguyên. Kể từ đó về sau, tại cửa biển Chan thường có quái cảnh xuất hiện, suốt tám trăm năm nay vẫn nghe nói đến.

- Chà! Té ra là vậy!

Lão chủ tiệm lục tìm ra hai cuốn sách, tên là: (四谷怪談, 源氏物語) “Tứ Cốc Quái Đàm” và “Nguyên Thị Vật Ngữ”, ông lật một đoạn cho tôi xem, tôi xem qua Nhật Văn, Anh Văn và Trung Văn viết trong sách, thì cũng đoán sơ được đại ý. Sách tôi không mua, vì lúc đó chỉ tạm thời tìm hiểu thôi, bây giờ tôi lục trong trí nhớ mà kể ra nên e là cũng có thiếu sót. Tôi xin lược thuật sơ đại ý như thế này:

Thuở xưa, hai họ Bình Nguyên quyết đấu một trận cuối cùng tại cửa biển Chan, toàn bộ quân Bình Thị bị đánh úp, cả dòng tộc diệt vong, An Đức Thiên Hoàng năm đó mới 8 tuổi, cũng bị quân Nguyên Thị đuổi ra biển, mẹ Bình Thị là Thanh Thịnh Trì Chi Ni cũng ấu chúa nhảy xuống biển trầm mình, tất cả chiến thuyền của họ nếu cập bờ, đều bị quân Nguyên Thị chém đầu hết, không tha cho bất cứ ai. Lúc ấy mặt biển máu nhuộm đỏ, thây nổi đầy. Sau đó địa phương thu dọn thây, ngót

cả tháng trời mà vẫn chưa vớt hết. Cửa biển Chan là mồ chôn hơn 40 vạn người, nên đất trời âm u, không gian như có quỷ khóc, đêm đêm thường có ánh lửa ma trôi bay loạn, ai cũng sợ không dám trú ngụ chốn này.

Tại Hạ Quan có một người mù, tên là Bảo Nhất, ông tá túc trong chùa, làm nghề bán lời ca kiếm sống, ông có tài khảy đàn ba dây, thường hát bài ca kể thuật toàn bộ sự việc này rất hay, xa gần đều biết danh.

Do ông mù hai mắt, lại bị mất đôi tai, nên người ta thường gọi ông là “Vô nhĩ Bảo” (tức Bảo không tai).

Còn chuyện vì sao ông bị mất hai lỗ tai, đây thuộc về một uẩn khúc khác.

Bảo Nhất sống cô độc, chỉ biết dùng lời ca hút hồn người để mưu sinh. Khách đến nghe ngày càng đông.

Một tối nọ ông đang ngồi một mình, đột nhiên có hai võ sĩ tới mời thỉnh. Tuy Bảo Nhất không thể nhìn thấy, nhưng rất giỏi phân biệt rõ tiếng đối phương, ông cảm giác là họ rất oai hùng uy vũ, nên thăm đoán: “Chắc là mình đang được quý nhân đến mời, vậy thì thế nào cũng sẽ lãnh thưởng to, nên ông rất mừng, sẵn sàng theo họ ngay.

Hai võ sĩ nọ đưa ông lên kiệu, khiêng đi. Đi được một hồi lâu, ông cảm giác con đường này rất xa và gập gềnh, nhưng chẳng

biết là chỗ nào. Chỉ thấy là đi rất lâu... mới tới nơi.

Đến nơi rồi thì có nô bộc ra dìu ông vào, Bảo Nhất tuy mù, nhưng còn xúc giác, ông cố lắng nghe âm thanh chung quanh: Và nhận ra đây là chốn thâm cung, vì ông nghe tiếng sột soạt của quần áo sang quý như nhung gấm, lụa là, ông cảm giác là mình đang ở trong cung, hình như nơi đây nghi lễ cung cách rất nghiêm.

Võ sĩ ra lệnh Bảo Nhất hãy khấu đầu lạy chào, Bảo Nhất nhận ra nền nhà trơn bóng, có trải nệm để ngồi, nhưng không phải nệm cỏ, mà còn nghe có mùi hương thơm phả ra thoang thoảng... rồi có tiếng mệnh phụ thi lễ vái chào nhau, xen lẫn tiếng quờ la nơi cung cấm... trong lòng ông kinh nghi, tự hỏi chẳng biết mình lạc vào chốn quý tộc hay vương gia nào - mà uy quyền quá đổi?

Chốc lát ông lại nghe một nữ quan truyền lệnh, bảo ông:

- Giờ nhà người biểu diễn được rồi!

Ông hỏi:

- Quý ngài muốn tôi hát bài gì đây?

Lệnh trên phán xuống rằng :

- Ông hãy hát khúc nhạc kể về cửa biển

Chan.

Giọng ra lệnh nghe thật dịu dàng ấm áp, giống như của một quý phu nhân oai quyền, nhưng không rõ đó là ai?

Bảo Nhất tăng háng, khảy đàn rồi cất tiếng ca: Bài hát thuật lại cuộc tử chiến nơi cửa biển Chan. Đàn khảy réo rắt, lời ca thê lương, khi ông ca tới đoạn: Chiến thuyền xông lên quyết đấu, lưới kiếm xoay vun vút, máu văng thịt bay, tiếng kêu than vang dậy, ánh lửa tàu cháy mịt trời, khói bốc cao, thây trôi đầy biển... theo lời ca hút hồn của ông: Thảm cảnh lần lượt được tái hiện.

Khi ông ca đến chỗ Lão Thái Quân nhảy xuống nước, Bình Tướng quân tử nạn, vợ ông ôm ấu chúa bị binh Nguyên Thị bao vây tấn công, khung cảnh thảm khốc, hoảng loạn vô cùng.

Lời ca kể: Lúc này, Bình Thái quân kêu to rằng: Lại Triều Tướng Quân, (ông này tức là con trai Nguyên lão tướng), ngài chẳng thể miễn chết cho tôi cùng ấu chúa sao? Ngài chẳng nghĩ tình ngày xưa tôi đã từng cứu mạng ngài hay sao ?

Đúng là trước đây Nguyên Lại Triều theo cha quyết đấu với Bình Thị bị bại trận, nên cha của ông bị giết, Lại Triều năm ấy mới 14 tuổi, bị bắt làm tù binh. Tất nhiên tướng Bình Thanh đã hạ lệnh đem trả ngay, nhưng may nhờ Thái Quân mẹ của Bình đại tướng quân thương xót can ngăn, cứu mạng... nhờ vậy mà Lại Triều được sống.

Hai mươi năm sau, anh em Nguyên Lại Triều đem binh tới báo thù, quyết tiêu diệt sạch dòng Bình Thị, đuổi cùng đuổi tận giết sạch Bình Thị, lúc này Lại Triều hoàn toàn không nhớ gì đến ân Bình Thái quân đã cứu mạng mình ngày xưa, nhất quyết không tha ân nhân nên ông làm lơ, coi như không nghe, buộc bà phải nhảy xuống biển mà chết, những bi thảm ở nhân gian làm sao hơn cảnh trạng này ?

Trong lúc ông mù cất lời ca du dương thuật lại cảnh: Bình thái quân ôm ấu chúa nhảy xuống biển chết thảm, âm điệu diễn tả rất thâm lương. Mới đầu thính chúng lắng nghe còn im lặng, sau đó thì một loạt tiếng khóc nức nở sục sùi vang lên, chất chứa niềm ai oán không dứt. Bên ngoài cửa, các võ sĩ cũng đều rơi lệ, ghen ngào...

Bấy giờ trong cung lẫn bên ngoài ai cũng đều khóc rất lâu, chập sau, lệnh bề trên phán xuống, giọng vẫn còn tức tưởi ghen ngào:

- Thôi cho ông dừng lại, tối mai hãy đến ca tiếp!

Sau đó ông mù được ban thưởng rất nồng hậu và đưa về tận chùa.

Hôm sau Sư phụ trong chùa thấy ông mù tinh thần ủ rũ, nên ngạc nhiên hỏi thăm. Mới đầu ông không chịu nói, Sư liền bảo :

Tôi xem bộ dạng ông vương âm khí quá nặng, chắc là đã dây dưa dính dáng gì với với chúng quỷ rồi. Nếu ông cứ nín khe, một bề không há miệng chịu khai hết ra, thì chúng tôi sẽ không thể cứu được ông đâu!

Nghe vậy ông mù thất kinh, vội khai ra hết và nói:

- Xin Sư phụ cứu mạng! Bọn họ nói tối nay sẽ tới đón con đi nữa...

Sư bảo :

- Đám người này chắc chắn là oan hồn của dòng Bình Thị rồi, do chỗ ông cư ngụ là chỗ các oan linh cửa biển Chan đóng trú, Còn người được gọi là chúa thượng kia ắt là Bình Thái Quân Trì Thị Ni rồi.

Sư liền ban phù chú cho ông mù, dặn dò ông đêm nay nếu có nghe thấy gì, nhất định cũng không được trả lời, nếu làm được vậy thì sẽ thoát qua nguy ách. Sư còn vẽ phù thư (gồm toàn chữ Phật) lên khắp thân ông mù. Nhưng lại sơ ý quên không viết nơi vành lỗ tai ông.

Đến nửa đêm, hai võ sĩ lại tới mời ông mù, họ tìm khắp nhưng không thấy, bèn gọi lớn tên ông. Ông mù không dám trả lời. Cẩn trọng tuân theo lời sư dặn, nên nín im thin thít. Ông cứ ngồi yên chờ đợi, hai võ sĩ tìm một lúc lâu, đột nhiên họ nhìn thấy hai lỗ tai ông, bèn la lên: Ở đây nè! - Và bảo nhau:

- Hãy lấy vật này mang về trình báo!

Thế là họ cắt phăng hai lỗ tai ông.

Khi đó Bảo Nhất đau đớn vô cùng, nhưng vẫn cắn răng chịu đựng, đợi hai võ sĩ kia đi mất rồi, ông mới dám la lên cầu cứu, Tăng trong chùa vội đốt đèn tới xem, thấy ông mù mắt bị đi đôi tai, đang té nằm trong vũng máu.

Sư phụ vội cấp cứu chữa trị cho, bảo: Đây là lỗi của ta!

Ông mù mắt đôi tai rồi, tiếng tụng càng nổi, người đến nghe ca càng đông, họ đều gọi ông là: Ông Bảo không tai. Những lúc có cảnh lạ xuất hiện nơi cửa biển Chan, dân Hạ Quan đều biết, nhưng không ai dám tới đó.

Loài cua Hạ Quan sinh ra, trên mai hiện rõ mặt người rất dữ, mọi người đồn đó là tinh hồn các võ sĩ...

Đây là tôi dựa theo ký ức viết lại, tất nhiên cùng nguyên văn có khác, tôi chỉ lược ghi đại ý thôi.

Việc này tôi không thể xem như đọc truyện cổ hoặc nói là chuyện xưa tích cũ. Vì xem ra, ở chỗ đó vẫn còn đầy u hồn chưa tan?

Hạ Quan nay đã là thành phố công nghiệp, trên biển có trăm ngàn thuyền tàu nườm nượp ra vào. Tôi cũng vô phương giải thích: Vì sao mình có thể nhìn thấy hiện tượng cảnh lạ kỳ quái kia?

Thí như những cảnh lạ mà tôi nhìn thấy ở Nagasaki (trường kỳ) và 鹿兒島 (Lộc Nhi đảo) Kagoshima là đồng dạng, thì có thể giải thích những hiện tượng kỳ quái tại các nơi khác trên biển.

Tiếc là tôi không có dịp đi quan sát thực tế, mà chỉ xem trên phim chiếu nên cũng khó nhìn ra là nơi trong phim trình chiếu có u linh hay không, tôi thông qua cảnh mình nhìn thấy mà suy đoán thôi.

Kỹ thuật trinh thám hình sự của nước Mỹ và Canada, đã có thể chế tạo và sử dụng camera hồng ngoại đặc biệt, nghĩa là ngay trong đêm tối họ có thể chụp ra hình ảnh mà mắt người không nhìn thấy, cũng có thể chụp ảnh các vụ giết người nơi hiện trường, dù việc đã xảy ra đã mấy tuần, song họ vẫn có thể chụp được và tìm ra, vì nơi trống không cũng xuất hiện hình ảnh người chết. Thậm chí họ còn có thể chụp lại cả tình hình của hung thủ trong lúc đó.

Nhưng hình ảnh xem ra vẫn còn mơ hồ không rõ, nên chỉ giúp cung cấp thông tin tham khảo, chứ chẳng thể lấy để làm chứng cứ dùng cho pháp đình.

Theo khoa học giải thích, thì đây là một loại năng lượng hay nhiệt lượng chưa tan hết, còn đọng lại ở chốn đó. Như vậy thì không thể nói linh hồn là mê tín hay không có thực.

Các hàng quán ở trên phố Hạ Quan (Shimonoseki), hiện có bán loại cua (trên mai hiện mặt người, tướng mạo nhìn rất hung ác). Nghe nói cua mặt người này ăn rất ngon, nên được nhiều người hỏi thăm, lùng kiếm.

Nhưng mà hạng ăn chay trường như tôi thì hoàn toàn cách mặt, không bao giờ dám hỏi tới.

VINH HOA HƯ ẢO

Nhà Phật cấm vọng ngữ, nên tôi không u mê thốt lời dối gạt người, cũng chẳng dám hồ đồ khoe khoang những điều kỳ ảo của bản thân để lèo thiên hạ, lời của tôi luôn chân thực tận đáy lòng.

Hơn mười năm trước, lúc còn trẻ, tôi viết bài may mắn thu được một loạt giải thưởng văn học trong nước lẫn ngoài nước, được nguyên thủ hai quốc gia tiếp kiến, khuyến khích... vinh dự được nhiều nhân sĩ mến mộ, được các đài truyền hình, đài phát thanh xôn xao khen tặng, quảng bá...

Báo chí trong nước ngoài nước cũng thường giới thiệu, nhắc đến tôi. Cố nhiên chưa bàn đến công danh, thành danh gì, bởi so với các tác giả khác việc thành tựu của tôi vẫn còn thua xa, nhưng đối với một kẻ tầm thường ngu si như tôi mà nói, thì đây quả là vinh dự hiếm có từ khi sinh ra tới nay.

Nhận được bao tình cảm yêu mến nồng hậu của mọi người đến kinh ngạc, vậy mà tôi đã rời xa, bỏ đi qua quốc gia lạnh giá, tha hương ẩn cư. Tôi quyết định thà rằng ẩn tính mai danh, đi làm các việc lao công thấp thỏi, chẳng còn muốn bước vào hư vinh chi nữa. Tính đến nay đã hơn mười năm trôi qua, bây giờ tôi mới cầm bút lại để viết một số bài liên quan đến Phật giáo.

Chư bằng hữu thấy tôi vừa bắt đầu có chút danh vọng thì đã vội từ bỏ ở ẩn, thì họ cảm thấy ngạc nhiên khó hiểu, tôi cũng chưa từng giải thích.

Đúng vậy, hồi đó trong hoàn cảnh được mọi người sủng ái yêu quý, mến mộ nhiều, nếu tôi tiếp tục phát triển, có lẽ bây giờ cũng thành một tác gia nổi tiếng hay là danh nhân chi chi rồi, xem như danh lợi song thu! Nhưng tôi đột nhiên lại ném bỏ tất cả mà trốn đi, nguyên nhân không do ai, chỉ vì tôi chán ngán hư vinh mà thôi.

Những truy cầu danh lợi và cảnh giao tế thù tạc giả dối mãi mãi sẽ không bao giờ ngưng. Mà trong trường danh lợi thường có tranh chấp đấu đá, tôi đã bước qua những phồn hoa náo nhiệt đó và khởi ý niệm chán ghét, vì tôi nhận thấy tất cả vinh hoa đều là hư giả, chớp mắt sẽ thành không. Nếu cứ tính toán so đo vì danh, vì lợi mãi... thì những

gì tôi thu được cũng giống như ma túy, chỉ là tự huỷ hoại hoặc dối lừa mình trong nhất thời mà thôi.

Dù danh có nổi đầy khắp thiên hạ, dù giàu sang phú quý hơn người, đi đâu cũng có ký giả bao vây, bị đám đông hiếu kỳ bu theo xin chữ ký... Xin hỏi: Làm người nổi danh liệu có được bao nhiêu khoái lạc? Có được bao nhiêu hạnh phúc? Và có gì được mà không bị mất chẳng? Tối ngày song hành cùng tham vọng bốn ba mưu cầu, nếu có được chẳng thì cũng chỉ là bản thân mình đang bị cái ngã rộng hư của chính mình mê hoặc làm cho chìm đắm. Chi bằng hãy thoát khỏi tất cả phiền não hư vinh, quay về với bản lai diện mục, sống thong dong tự tại.

Trăm vạn tỷ phú, lẽ nào có thể ăn vàng bạc mà sống? Và mớ danh vọng phù hư được cả thế giới biết đến đó, có thể tồn tại mãi chẳng lụi tàn hay sao?

Tất cả... bất quá chỉ là ảo tướng ngắn ngủi, tựa như ánh nháng xẹt của đá lửa mà thôi, tôi cần chi phải vì ảo tướng này mà đắm trước, bám víu vào, rồi khởi niệm mừng vì được, lo âu vì sợ mất... quay cuồng cười khóc với những vô thường?

Vì vậy mà tôi trốn đi ẩn tích mai danh, lại phải dời nhà thêm lần nữa, thà làm một

người lao động phổ thông khiêm tốn, sống tri túc (biết đủ) tự an qua ngày, vinh nhục chẳng để lòng.

Tôi chỉ cần sống ẩn cư phụng dưỡng mẹ, tránh được tâm tướng thay đổi, thế là đủ.

Hôm nay tôi chẳng cần bề ngoài, tha hồ ăn mặc bần hàn vào phố, không một ai quen biết. Tôi độc hành trong hoang dã, đi khắp miền tuyết lạnh. Cố nhiên đối với cảnh tiêu điều, khoảng cách vẫn còn xa, chẳng cần bàn đến hạnh phúc, nhưng tôi đã thấy tự tại rất nhiều.

TIẾNG CHUÔNG NỬA ĐÊM

Từ phía bắc San Francisco (Cụu Kim Sơn) đi đến Seattle (thành phố cảng và là thành phố lớn nhất của bang Oa-sinh-tơn ở Tây Bắc nước Mỹ) có hai tuyến đường cao tốc chính: Một là đường nội địa, hai là đường ven biển. Đường nội địa bằng phẳng rộng rãi, lộ trình mấy mươi dặm không cong queo vòng vèo, hơn nữa còn là đại lộ cao tốc hai chiều. Bên đi bên đến, mỗi bên có bốn làn xe, thập phần tiện lợi. Chỉ khi đến khu vực vùng núi (SARS) Sa Sĩ Sơn mới tạm có khúc quanh. Phía trên đỉnh núi, tuyết phủ rất đẹp, bên dưới hiện cảnh mặt hồ in sắc núi lồng sắc nước.

Từ cao tốc nhìn xuống, nước hồ xanh biếc, đáy nước ánh sắc vàng, con đường lớp lớp phân minh, hình dạng giống như lá Hải đường uốn khúc. Đỉnh núi có tuyết phủ, tạo nên vẻ đẹp hoang vắng mát mẻ. Đi qua khỏi núi thì tiến vào bình nguyên, xuyên qua rừng cây nhà cửa, lộ trình thẳng tắp suốt trăm dặm nên hầu như chẳng cần điều khiển vô lăng, tha hồ để xe chạy thẳng. Nhưng nếu đi đường ven biển, thì không thể chạy thẳng một mạch.

Đi đường nội địa (trong lúc xe chạy đường cao tốc) tôi thường ngủ nhiều, bởi không có gì thú vị. Chỉ đáng tiếc do tôi đã ngủ rồi nên không ngủ thêm được nữa.

Còn đi đường ven biển thì không nhanh bằng đường núi, phải tốn mất năm tiếng. Vì con đường số 101 ven theo bờ biển này đa số đều quanh co uốn khúc và không rộng thênh thang như đường cao tốc. Thế nhưng cảnh duyên hải rất đẹp, đẹp không thể tả! Cho dù bạn mất ngủ ba ngày ba đêm, mệt đến mấy, thì khi đi qua đây sẽ thấy tinh thần được bù đắp trăm phần, sẽ mở to mắt mà nhìn cảnh chẳng rời, sẽ dốc hết toàn tâm toàn ý mà chiêm ngưỡng không chớp mắt.

Rời xa Kim Sơn (Jinshan) thì lên cây cầu (Jinshan bridge) Kim Sơn to rộng nổi tiếng, nhìn xuống phố Kim Sơn, thấy sương giăng mù mịt, nhà cửa đông đúc...

Không hiểu sao, trong lúc ngắm cảnh tôi đột nhiên lại cảm giác có cái gì đó rất đáng sợ... vì cảnh vật mà tôi nhìn thấy chỉ là những thành vách hoang tàn đổ nát... còn giống như một khu nghĩa trang có các ngôi mộ nằm dày đặc chi chít.

Do thấy như vậy nên trong lòng tôi hết sức khó chịu, nhưng tôi nghĩ thầm: Bản thân mình bất quá cũng kết thúc giống vậy thôi, nào có ai thoát khỏi cái chết đâu?

Những tòa lầu tài chính, những ngân hàng, hiện vẫn đang bận bịu tới tấp, vì mọi người đều khổ công kinh doanh, tất cả không ngoài mục đích: Làm nô lệ cho tham vọng của mình! Cho dù giàu nứt vố đổ vách, thì khi ra đi, có ai mang theo được một xu đâu?

Bên dưới Jinshan cảnh vật thấp thoáng ẩn hiện, trên cầu sương phủ dày đặc, phía dưới khoảng mấy trăm thước, ca nô, tàu thủy đang diềm nhiễm lướt sóng... Tôi bỗng thấy có một bóng người thoáng hiện: Là một nhân vật nổi tiếng đang nhảy cầu tự sát. Rõ ràng cái chấm âu phục màu xám đỏ đang rơi thẳng xuống biển, trôi nổi bập bênh...

(Chú thích: Mấy tháng sau, quả thực có một Nghị viên mặc bộ âu phục màu xám nhảy cầu tự tử).

Xe Đến phía Bắc ngọn núi, mặt trời hiện ra chói rọi, ngoái nhìn lại Jinshan, cảnh tượng

vẫn hùng vĩ hoa lệ, khí thế tung bừng, không có chút kỳ hình dị dạng như tôi thỉnh thoảng nhìn thấy. Những tòa nhà chọc trời, những tháp lưu ly cao ngất nổi bật giữa ngàn mây, nhìn giống như cõi tiên thần thoại. Cây cầu nằm trong mây, càng tăng thêm nét tráng lệ...

Tiếp đến, trên đường đi hiện ra những ngọn đồi hoang vắng và đồng cỏ trụi lũ, cả vùng khô vàng, các đàn trâu bò, ngựa già ở khắp nơi. Nhìn chúng gầy gơ xương, trong lòng tôi rất buồn, do California bị hạn hán nên khắp nơi thiếu nước, gia súc chẳng có thức ăn, đáng thương hơn là chúng còn phải chịu cảnh để người vắt sữa và khó tránh bị giết.

Thật chẳng biết những người ta làm sao có thể ăn được bít-tết bò? Đi suốt ven bờ biển phía tây tôi đều thấy đám súc vật gầy ốm tong teo.

Dưới núi đa số đều không nguồn nước, chỉ trông cậy vào mưa. Qua khỏi (Valley Life) Sinh Mệnh Cốc rồi thì cảnh vật mới chuyển tốt hơn. Sau đó xe đi lên một vùng đại sơn, đường càng lúc càng lên cao, quanh co uốn khúc, đến Bắc California thì trời đã tối. Tôi ngủ một giấc, thức dậy thì đã vào thành phố Eureka, phong cảnh lúc này đã thay đổi, toàn là cảnh biển, chỉ thấy trên mặt biển đèn nổi thành hàng, lấp lánh... Ở phía Đông núi trắng mọc nhìn to như

cái mâm bạc, ven bờ biển mây chậm chậm bay, bãi biển đèn sáng lấp lánh.

Từ đây về sau dọc bờ biển toàn là cảnh thiên nhiên hoang dã, không thấy nhà cửa. Hiện thời chính phủ Mỹ không cho tư nhân chiếm hữu phong cảnh biển, không cho xây dựng phòng ốc thắng cảnh tư nhân. Đây là một chính sách mới rất được mọi người hoan hô hưởng ứng.

Để bảo tồn và giữ nguyên phong cảnh thiên nhiên vốn có, chính phủ quy định cho làm công viên quốc gia, nên bãi biển rừng cây đồng được giữ gìn cho mọi người cùng thưởng thức.

Nếu chính phủ không làm vậy thì người giàu sẽ chiếm hết cảnh đẹp nơi bãi biển, người nghèo hết mong đến đó tham quan.

Miền nam California đã bị như thế, do các nơi là bãi biển tư nhân, nên đều treo bảng cấm vào. Có những nơi thậm chí còn thiết lập hàng rào sắt, thuê vệ sĩ trấn thủ. Mùi tiền thật đáng ghét, đáng chán! May là chính phủ Mỹ còn cho bảo lưu cảnh sắc thiên nhiên nơi vùng biển Bắc California và Oregon (Úc Lập Cương)

Con đường giao lộ giữa California và Oregon, Oliver Gang Coast cách bờ biển 200 dặm, đây mới là toàn là thắng cảnh tinh hoa.

Lộ trình dọc theo bờ biển uốn lượn về phía trước, đang cao bỗng xuống thấp, thoát cái lại giống như treo trên không, tôi thoáng nghe tiếng sóng biển vang vọng ầm ầm phía dưới, tiếng sóng vỗ loạn vào đá, bắn cả bọt ra thành thác nước phun hơi lên mây. Bỗng nhiên sóng bay lên cao, cuồng loạn lướt ngoài song, nhìn giống như tảng băng lở, rồi thoát cái tôi bỗng thấy bãi cát bằng, đồi núi chập chùng, trùng điệp, trong biển tú phong tòa tòa, giống như cảnh sơn thủy ở Quế Lâm, cảnh “đỉnh núi cô tùng, nhâm thạch cổ sơ” khoe dáng ngạo nghễ, nước biển luân chuyển... Thoắt cái xe lại cách bờ mấy mươi dặm, sóng biển trăm thước, lớp lớp công phá. Rồi bóng trắng hóa thành vạn điểm, ngàn ánh trôi trên biển, tiếng gió thổi như đang tranh hùng cùng sóng biển, tạo nên cảnh tượng vô cùng hùng vĩ, kỳ thú.

Tôi ngấm nhìn say sưa, lũ khách trên xe buýt lúc này đều ngủ cả, chỉ còn mình tôi thức ngắm cảnh. Càng nhìn càng phấn chấn, tôi ngấm đến độ ngay cả thờ cũng không dám, con đường này trước đây tôi đi qua đều nhắm vào ban ngày, cũng đã suýt xoa không ngớt. Ai mà biết là cảnh ban đêm dưới ánh trăng lại đẹp gấp mười lần kia chứ? Cộng thêm bầu không khí lạnh lẽo mê ly thần bí càng

khiến tôi cảm thấy mình đang chiêm ngưỡng cảnh đẹp hi hữu ở nhân gian.

Đi hết lộ trình ven biển, xe lại rẽ vào con đường nội địa vào sơn lâm, nơi này toàn là hồng mộc (gỗ lim, trắc, tử đàn) cả ngàn năm tuổi, cao ba trăm thước. Con đường đi xuyên qua rừng cây, nên hai bên toàn là thân cây to đến mười người ôm mới hết, ngẩng đầu nhìn lên trời thì tầm nhìn bị cây cao che khuất, khó mà thấy ánh trăng; chỉ thấy con đường uốn lượn xa tít. Hèn gì mà trong sách Sơn Hải đã tả là: nơi này có cây thần cao đến bảy tám chục ngàn mét (Sơn Hải là một bộ kỳ thư, ghi chép cảnh tượng khắp các vùng Bắc Nam nước Mỹ và Nam Dương). Hồi nhỏ tôi từng đọc qua một lần, nhưng không có ấn tượng lắm.

Cho đến khi ra hải ngoại mới tôi công nhận nội dung sách này mô tả quả thực không sai chút nào, tiếc là bây giờ muốn tìm cuốn sách đó cũng tìm không ra. Nếu không tôi đã có thể chú giải rành rọt đây là chỗ nào, nơi nào; tránh khỏi sau này đọc giả cho là tôi viết chuyện thần thoại. Bảo đảm không phải thần thoại đâu, vì Sơn Hải là một cuốn sách Trung Quốc cổ đại, ghi rõ tỉ mỉ địa lý thế giới. Cổ nhân Trung Quốc sớm đã ngao du khắp hải ngoại, lưu dấu chân ở khắp nơi. Đáng tiếc là các ghi ký đó đều không được bảo

quản... (những lời này là tôi bàn ngoài đề, có dịp sẽ bàn tiếp).

Xin nhắc lại: Tôi ngồi ở vị trí đầu tiên trên xe, nên khi chiêm ngưỡng cảnh có cảm giác như được xem màn ảnh rộng, vì mọi cảnh sắc đều thu vào mắt: Tôi nhìn dãy cây rừng gỗ gụ hai bên thấy giống như mấy ông khổng lồ đội trời, hàng hàng đang tuột lui về sau. Lúc này, trong rừng cực kỳ tối, đèn chiếu vào sương mù, phía trước và sau đều không có xe, chỉ nghe tiếng bánh xe chuyển động, ven lộ thỉnh thoảng xuất hiện các con vật nhỏ như: Chó sói, hươu cao cổ... đáng diệu ngập ngừng nhút nhát chưa muốn tiến lên.

Lúc này tôi nhiếp tâm niệm Phật, trong lòng cực kỳ định tĩnh, đầu óc sáng tỏ, tôi bỗng nghe tiếng nhạc chuông, tiếp theo là âm thanh chuông đồng hồ điểm giờ ngân vang báo hiệu đúng 12 giờ khuya, âm thanh này nghe giống như xuất phát từ chuông đồng hồ ở tháp chuông Luân Đôn - Anh quốc, xa vậy nhưng tôi nghe vô cùng rõ và gần như tiếng chuông ở Vancouver. Tôi còn nhìn thấy cảnh tượng mẹ tôi đau lưng đang nằm trên giường, sốt ruột mong ngóng tôi sớm quay về. Vừa thấy cảnh tượng này, tâm tư tôi rất buồn và lo lắng.

Lúc này trong xe không có đèn, bình thường tôi không đeo đồng hồ, nên chưa thể

xác định, tôi bèn cất tiếng hỏi anh tài xế da đen: - Có phải đúng 12 giờ đêm không?

Tài xế bật đèn xem giờ, đáp: Đúng 12 giờ một phút.

Sau đó anh ta hỏi ngược lại tôi: Làm sao mà anh đoán biết giờ chuẩn như thế? -Tôi không thể hỏi đáp.

Nhớ lại ban đêm khi tôi ở nhà tại Vancouver, mỗi khi nghe tháp chuông đồng hồ gõ nhịp báo giờ, hể tôi kiểm tra đều luôn chính xác. Nhà tôi trụ ở chốn dã ngoại, cách tháp chuông Vancouver hơn mười dặm Anh (52.800m). những lúc nghe tháp chuông điểm giờ, thỉnh thoảng tôi có hỏi láng giềng, nhưng không một ai nghe thấy, vì vậy họ đều cho là tôi nói xạo, khi tôi bảo là mình nghe rất rõ.

Tại Vancouver cả đêm lẫn ngày, lúc nào cũng có xe cộ chạy qua không ngớt, hằng trăm tàu thuyền xuất phát, cả trăm phi cơ bay tạo nên tạp âm đầy trời, vậy thì làm sao tôi có thể nghe được tiếng chuông đồng hồ điểm giờ ở cách xa mình gần 53 cây số?

Vậy mà không ngờ, bây giờ là nửa đêm trong rừng cây hồng mộc tại 奥立岡 Úc Lạp Cương này, tôi còn nghe được tiếng chuông điểm, cách mình đến khoảng (8, 9 trăm dặm Anh ⁽¹⁾) hơn bốn ngàn năm trăm cây số? Quả thật là kỳ quái.

(1) 8, 9 trăm dặm Anh (4.224.400m- 4.752.000).

Vì muốn có bằng chứng xác thực, mỗi lúc nghe tiếng chuông điểm, tôi luôn hỏi anh tài xế để kiểm tra, xem như tổng cộng cả năm lần đều không sai. Tôi vô phương giải thích, chỉ có âm thầm tự biết mà thôi.

Tôi chợt nhớ đến mấy câu thơ thời đường của 張繼 Trương Kế: 「

姑蘇城外寒山寺，夜半鐘聲到客船

Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn Tự

Bán dạ chung thanh đảo khách thuyền

(Nghĩa là: Chùa Hàn Sơn ngoài thành Cô Tô. Nửa đêm chuông vọng đến khách thuyền).

Quả rất có lý. Mỗi lần có người nói điều này rất không đúng, vì Hàn Sơn Tự cách thành Cô Tô hơn mấy mươi dặm, làm sao có thể nghe tiếng chuông vọng đến được kia chứ? Nhưng bây giờ tôi đã biết là Trương Kế không hề nói dối. Âm thanh tiếng chuông sản sinh sóng siêu âm, người tâm tĩnh lặng sẽ ngẫu nhiên cảm thọ, khi đó dù xa ngàn dặm cũng sẽ gần như gang tấc mà thôi, điều này nào có lạ chi?

Tôi nuôi một bé chó, mỗi lúc không có gì mà nó bật sữa vang, thì tôi thường định tâm quan sát, mới phát hiện ra bé chó này có thể nghe thấu tiếng kèn xe cảnh sát hay tiếng còi xe cứu hộ ở cách xa ngoài mấy mươi dặm, do vậy mà nó hoảng sợ kêu to,

quỳnh quáng chạy tới nương dựa người. Mỗi khi tôi nghe tiếng chuông báo giờ từ xa vang vọng đến, thì cũng thấy con chó này ngẩng đầu, vểnh tai quay mặt về hướng đó như đang lắng nghe...

Bây giờ nhắc lại chuyện lúc tôi ngồi trên xe nhìn thấy cảnh mẹ mình đau lưng đang nằm trên giường bệnh trần trỗ, tôi không ngăn được lệ rơi, trong lòng bồn thần nôn nóng, hận chiếc xe này chẳng biến thành phi cơ để tôi có thể bay mau về nhà với mẹ...

Tôi vừa khởi niệm thì tâm bị loạn động, lập tức tôi chẳng còn nghe thấy chi, hoàn toàn không còn nghe chút gì nữa. Chỉ thấy rừng cây tối om giống như địa ngục, phía trước thỉnh thoảng có ánh đèn, chiếu đủ sáng cho xe đi qua khu rừng mà tôi vô tình nhìn ngó.

HẠC CƯƠNG HỒN VŨ

Tuy nói tùy theo tập tục, nhưng một khi đã đến (Kamakura) Liêm Thương, lẽ nào tôi lại không tham bái đại Phật ở nơi đây?

Rời hoang kinh Nhật Liên Tự điều tàn, một mình tôi chậm rãi tản bộ. Nơi cổ đô này, tôi không rành đường, mà trên đường cũng không thấy bóng dáng ai, nên cứ tùy hỉ mà đi dạo thôi.

Liên Thương bây giờ đang chìm trong cơn mưa rả rích, khắp nơi đầy sương mù,

lối xưa chật hẹp, cổ kính tịch nhiên, khiến tôi có cảm giác như mình đang đặt chân vào thành phố cổ thời Đường.

Mới đầu mang tâm trạng ly hương ngao du, nên tôi cảm thấy có chút cô đơn lạnh lẽo, rảo bước một hồi, dần dà lại cảm thấy ưa thích khu phố cổ u nhã yên tĩnh này.

Khắp nơi đều có những dòng suối nhỏ, có chiếc cầu nhỏ nước chảy róc rách, hoa thơm tỏa hương quê, hoa leo mọc trên hàng rào, đóa đóa sà xuống thấp, những cánh cổng gỗ cửa cây... khép hờ, không hề có xa mã huyên náo, càng không có các biển quảng cáo hay những ánh đèn rực rỡ sắc màu.

Thỉnh thoảng có vài phụ nữ mặc Kimono, tay cầm dù giấy dầu, chân mang guốc Nhật, đi thoáng qua.

Một mình tôi tản bộ trên đường, giữa cơn mưa bụi, bỗng nghe có tiếng sáo ai thổi vang lên áo não, lời nhạc sầu thương đến lạ, âm thanh day dứt... khiến người buồn đứt ruột, lệ phải tuôn sa... Hóa ra có một người hành khất mù, đang lần mò đi trong cơn mưa, tôi ngắm cây sáo trúc ngắn ngắn, tự hỏi không hiểu sao anh ta lại có thể thổi ra những thanh âm ai oán hay tuyệt, làm chấn động tâm can người nghe như thế?...

Nhớ lại trong sách sử mình đã đọc (伍員) có Ngũ Viên thổi sáo xin ăn, không biết

có phải là hình ảnh này chẳng? Chỉ thấy người hành khất mù nọ vai khoác áo toì, đội mũ rộng vành, đang thổi sáo, đi xa dần...

Đại Phật chẳng biết ở nơi nào. Tôi ngó Đông ngó Tây, cũng không tìm ra bến xe để quay về. Xem như mình bị lạc lối tại miền dã ngoại tịch tĩnh này, nên đành bước đại trên con đường cỏ đầy đá sỏi, lặng lẽ tiến lên giữa trời mưa... Do trên mình chẳng có áo mưa, nên y phục tôi bị ướt cả, cũng chẳng biết mình đi lạc tới đâu và đã đi được bao lâu rồi? Vì không tìm ra đại Phật, mà cũng chẳng quay về trạm xe được, trong lòng tôi không khỏi nôn nóng, có ai ngờ được là hoang kinh Liêm Thương lại vắng vẻ như thế này? Trên đường hiện thời không có một bóng người!

Sau này trở lại Tokyo, hỏi thăm người bạn Nhật, tôi mới biết dân số Liêm Thương chỉ có năm sáu vạn, hơn nửa vùng này không có xưởng công nghiệp sản xuất chi, nên người dân đều phải đến Hoành Tân (Yokohama) và Tokyo để làm việc, sớm đi tối về. Do vậy mà ngày thường khó thấy người đi đường. Liêm Thương tuy là Thánh địa cổ, nhưng du khách đến thăm không nhiều, lại thêm thời tiết chẳng thích hợp, nên càng thêm lạnh lẽo, hoang vắng.

Vừa nghe tôi kể bản thân mình đã đội mưa lãng du đến Liêm Thương, bạn bè đều ngạc nhiên.

Sự thực thì chuyến đi đó tôi không có gì phải hối tiếc, thời điểm này xem như là lúc xuân tàn hoa sắp tàn, nhưng nơi nơi hoa vẫn còn rực rỡ, cánh anh đào rơi lả tả đầy đất, chồn chồn đở hồng, nên dù có đi một mình trong mưa, cũng thấy thú vị lắm lắm.

Khi đó tôi tản bộ được một lúc lâu, thì bỗng thấy trên triền núi, hiện rõ các bậc đá hàng trăm nấc, có cung điện mấy tòa, có thể nói cảnh tượng nơi đây hoàn toàn là: Cổ sắc, cổ hương, tuyệt không hề mang nét tục khí như một số đền thần Nhật Bản, cũng không hoa lệ giống như các chùa miếu Trung Quốc hiện đại, chẳng biết thuộc loại tự viện gì đây?

Tôi tiếp tục tiến lên, thấy bên đường có tám bảng thấp, thuyết minh ghi toàn chữ Nhật, may là chữ ghi rất đẹp và rõ ràng, không hề viết thảo, nên tôi có thể đọc một nửa và phỏng đoán lổm bổm... để hiểu sơ đại ý.

Hóa ra đây là: Cung điện Tsuruoka Hachiman (Hạc Cương Bát Phiên Cung) 鶴岡八幡宮, thuộc gia tộc Mộ phủ Tướng quân Nguyên Thị, cung điện này xây ba năm mới xong (vào khoảng 1192) và được Thiên hoàng phong là 征夷大將軍 Chinh Di Đại Tướng Quân, khai điện Mộ phủ ở Liêm Thương (Kamakura), trong sử gọi là Liêm Thương Mộ Phủ.

Nguyên tướng quân đánh bại gia tộc Bình Thị, dựa thế thiên tử, sử dụng Liêm Thương như là thủ đô của nước, phụng theo Thiên Hoàng (Bạch Hà Pháp Hoàng) nên dời đô đến đây.

Nguyên Thị đầu tiên là Tướng Quân Nghĩa Triều, lúc đi chinh phạt Bình Thị thì thất bại, cho nên bị giết, còn kẻ đánh thắng trận sau này là thuộc dòng Nguyên Thị đời thứ hai.

Trước đây lúc Nguyên Nghĩa Triều đánh trận thất bại bị giết, thì đứa con trai thứ ba của ông là Nguyên Lại Triều năm đó mới 14 tuổi, cũng có mặt trong đoàn quân, trong cơn binh bại bị bắt giam, tướng quân Bình Thanh Thịnh đã truyền lệnh đem Nguyên Lại Triều đi chặt đầu để diệt cỏ tận gốc, nhưng mẹ ông là Thái quân Trì Chi Ni thấy tội nghiệp, đã đứng ra xin tha chết cho Nguyên Lại Triều, Bình Thanh Thịnh vốn là người con chí hiếu, nên đã vâng lời mẹ, ông hạ lệnh đưa thiếu niên Lại Triều ra hải đảo Izu giam cầm trọn đời.

Đồng thời Bình Thanh Thịnh cũng miễn tội chết cho con trai út Nguyên nghĩa Triều, là ấu nhi Nguyên Nghĩa Kinh, tức con vợ người thứ bại tướng Nguyên Thị. Mẹ Nguyên Nghĩa Kinh họ Bàn, nguyên trước đây là thị nữ của hoàng hậu Thiên Hoàng, do Thiên Hoàng đã ban Bàn thị cho Nghĩa Triều nạp làm thiếp,

cô thiếp họ Bàn này đã sinh được ba trai, do trong cơn binh loạn, nàng phải dắt ba con đào nạn, nhưng bị Bình tướng quân truy đuổi quá gắt, nên nàng tự động chường mặt ra đầu thú và khẩn cầu Bình Thanh Thịnh tha tội chết cho. Khi đó nàng mới 23 tuổi, xinh đẹp tuyệt trần, khiến Bình Thanh Thịnh vừa nhìn thấy là điên đảo tâm thần, liền thu nạp làm thiếp và ra lệnh giết chết hai con trai đầu của nàng, chỉ đồng ý tha chết cho con trai út của nàng Nguyên Nghĩa Kinh, năm đó vừa tròn một tuổi.

Bàn Thị nhẫn nhục ráng sống để nuôi dưỡng Nghĩa Kinh thành nhân, sau đó nàng kể cho con nghe câu chuyện quốc phá gia vong đã xảy ra trong quá khứ. Nàng giải thích rõ: Vì muốn bảo tồn dòng dõi Nguyên Thị nên đành phải nuốt nhục, cắn răng chịu làm thiếp cho kẻ thù. Kể xong rồi thì nàng bảo con trai hãy mau mau trốn đi, lo tìm cách dấy binh mà phục thù.

Nghĩa Kinh đang quỳ cúi đầu nghe mẹ dạy, tâm tư chấn động rơi lệ, nhưng khi ngược nhìn lên thì thấy mẹ chàng đã quay vào trong, cắt cổ tự sát, chỉ lưu lại di ngôn ra lệnh, buộc chàng phải: Báo thù!

Nguyên Nghĩa Kinh lúc này 18 tuổi, đành gạt lệ bôn đào, vội chạy vào ẩn trong

núi, lo chiêu tập các tướng cũ của Nguyên Thị, để phát binh tấn công Bình Thanh Thịnh, thề rửa mối thù giết cha.

Trong thời điểm này, thiếu niên (Yoritomo) Nguyên Lại Triều 14 tuổi thuở xưa giờ đã trưởng đại, có vị chừ hầu nhìn thấy ông khôi ngô anh tuấn, tương lai tiền đồ đầy hứa hẹn, nên đã gả con cho và hỗ trợ giúp ông phát binh đánh Bình Thị. Xem như hai anh em dòng tộc Nguyên Thị kẻ Đông người Tây, cùng bắt tay nhau tổng tấn công Bình tướng quân.

Nguyên Lại Triều lớn hơn em út tới 13 tuổi, hai anh em thuở giờ chưa từng gặp mặt nhau. Bởi Lại Triều là con vợ cả, thân thế mẹ của Lại Triều là con gái nhà quý tộc, nên địa vị tương đương một nữ quận chúa. Mà theo chế độ phong kiến của Nhật Bản thời cổ, thì hai dòng con chánh thứ có giai cấp bất đồng sẽ không sống chung với nhau. Mặc dù hai anh em cùng hợp lực tổng tấn công và đánh bại Bình tướng quân, truy sát Bình Thị khiến phải Thái quân phải ôm Thiên hoàng ấu chúa mới 8 tuổi bỏ chạy, vẫn bị anh em Nguyên Thị truy đuổi ráo riết đến miền Tây Nhật Bản (hiện nay là Hạ Quan (chính trong trận chiến cuối cùng này, toàn bộ Hải quân Bình Thị đã chiến bại và bị tiêu diệt hoàn toàn nơi 澶之浦 cửa biển Chan. Ấu chúa Bình Thị được bà

nội là Thái quân Trì Chi Ni ôm nhảy xuống biển tự sát, xem như Bình Thị diệt vong.

Trước đây Nguyên Lại Triều từng thọ ân cứu tử của bà Trì Chi Ni, nhưng bây giờ ông không chịu tha chết cho ân nhân, đủ thấy tính ông rất tàn ác, cũng chứng minh đương thời một khi ông đã ra tay thì không từ bất cứ thủ đoạn đê tiện đáng sợ nào.

Anh em Nguyên Thị đã diệt xong Bình Thị và cướp được chính quyền, tại hoàng đô Liêm Thương họ cho xây cung điện và điện Tsuruhara Hachiman này, là một ngôi kiến trúc trong số các cung điện đó.

Vào thời điểm này anh em Nguyên Thị do không hợp tính nên khó dung nhau. Đã thế Bạch Hà Pháp Hoàng còn làm họ tăng thêm mối hiềm khích. Vì Pháp Hoàng đã cố tình không hỏi ý Lại Triều, điềm nhiên sắc phong cho em út Nghĩa Kinh của ông giữ chức Tả Vệ Môn Bài Vi Sử, (chức này tôi không biết giải thích ra sao).

Bắt đầu từ đó, giữa hai anh em phát sinh tranh giành quyền lợi, dẫn đến binh giáo tương tranh, cốt nhục tương tàn. Do vậy mà tại Liêm Thương đã nổ ra một trận đại chiến. Kết quả: Anh thắng em thua, Nghĩa Kinh do chiến bại nên phải gấp rút chạy trốn bỏ lại cả thê thiếp. Vì vậy tại (Yoshinoyama) Cát Dã Sơn, ông đã rơi

nước mắt khóc biệt ly cùng ái thiếp Tĩnh Thị, rồi một mình chạy đến Oasis, nhưng cuối cùng cũng bị anh Hai bắt về chém đầu, lúc này Nghĩã Kinh mới tròn ba mươi tuổi.

Nguyên Lại Triều, trước đây từng đã giết ân nhân là Trì Chi Ni, còn giết cả thứ mẫu, huynh đệ... nên có thể nói ông là một người tàn độc ngoài sức tưởng. Nhưng theo truyền thuyết kể thì Nguyên Lại Triều có thói phong lưu, tính ưa thưởng thức âm nhạc ca vũ, lại rất ưa chuộng văn học, nên đối với văn hóa thời đó cũng có nhiều đóng góp xây dựng.

Nguyên Lại Triều chém đầu em út rồi, thì bắt ái thiếp Tĩnh Thị của em nạp làm thiếp. Làm anh mà đoạt vợ của em, thì hành vi này có khác gì cầm thú? Do Tĩnh Thị nhan sắc xinh đẹp vô song, lại xuất thân là ca kỹ Geisha, từng nổi tiếng ca hay múa giỏi, khi nàng bị anh chồng bắt làm thiếp, thì thống khổ trong lòng mọi người có thể hiểu được, nhưng sức nữ nhi yếu đuối, không đủ lực phản kháng.

Tướng quân Lại Triều lúc này vô cùng đắc ý, ông ra lệnh cho Tĩnh Thị ở trong “Hạc cương Bát Phiên Cung” (chính là một tòa biệt điện trong các dãy cung điện cổ trên núi này) ông buộc nàng phải ca múa phục vụ giải trí.

Tĩnh Thị chẳng dám từ chối, nàng vâng lệnh phát tay áo múa hát, để giúp vui cho bạo

quân. Ca vũ một hồi, nàng nhớ đến người chồng Nghĩa Kinh anh tuấn đa tình, càng thêm đau đớn tâm can vì phu quân mình đã bị tên bạo ác này chém đầu, càng thêm tủi hổ cho hoàn cảnh hiện tại của mình, bất giác lệ tuôn như mưa, tiếng ca nghẹn ngào, nổi bi thống, phần uất khó cầm. Vũ điệu kết thúc, nàng xoay người vào trong, tay ngọc cầm đoản đao, nhanh như cắt đưa lên đâm thẳng vào tim mình, rồi ngã xuống lìa đời.

Hóa ra “Hạc cương Bát Phiên Cung” đây chính là nơi mà giai nhân bạc mệnh ngày xưa, sau màn vũ múa bi thương, do quá thống khổ đã đâm tim mình tự sát, thực là thâm biết bao nhiêu!

Tôi ngược nhìn cổ cung, không ngần được lệ rơi cảm thông, bùi ngùi bước lên hết trăm bậc thang... Tôi đứng trước cổ cung, chẳng biết nơi nào là lầu đài ca vũ của giai nhân bạc mệnh?

Có phải “Hạc cương Bát Phiên Cung” cũng giống như biệt điện mỹ nhân vang tiếng nhạc? Nơi mà ngày xưa Ngô Phù Sai từng xây lên cho Tây Thi trú ngụ? Có phải u hồn ca vũ ở Hạc Cương còn ôm mãi mối hận ngàn năm? Chẳng biết đến bây giờ, nỗi niềm ấy đã được giải hay chưa?

Nhìn khắp bốn phương, trên đồi dưới lũng, nơi nào cũng có sương khói bao phủ

mịt mù, khiến cảnh trời biển khó phân. Tôi lắng nghe tiếng sóng biển vỗ xa xa tựa như tiếng khóc than, càng làm tăng thêm nét bi thảm tịch liêu của cổ cung nơi đây, khiến người ngao du tiêu hết niềm phấn chấn, ngán sợ nét ảm đạm, nên khi quay bước trở về, cũng chẳng muốn quay đầu nhìn lại để chứng kiến thêm gì nữa...

Xem ra Nguyên Thị còn chưa xây Phật điện, chỉ lo dựng cung thất tông triều thôi. Nhìn hành vi ưa sát hại, thẳng tay cốt nhục tương tàn của ông, đủ để đoán được tâm địa này không phải là của người Phật tử. Nếu là đồ đệ Phật, thì nhất quyết không thể có hành vi bạo sát như thế!

Cho dù một đời Nguyên Thị là anh dũng, nhưng thực tế ông đã chiếm hữu và sở đắc được bao nhiêu? Con cháu ông sau cũng bị người tàn sát, truy cùng giết tận như thế thôi. Rốt cuộc thì vẫn là xương khô mộ hoang, nằm sau Nhật Liên Tự.

Vậy thì giang sơn, tiền vàng, mỹ nhân, quyền lợi... liệu có thể đem theo được, nhét hết vào trong... hũ cốt hay không?

TAM THẬP TAM GIAN ĐƯỜNG

Tạp chí Nội Minh từng đăng cảnh Kyoto Nhật Bản có Tam Thập Tam Gian Đường, đây là Ngôi Chùa Thờ ngàn lẻ một (1001)

pho tượng Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát của Phật Giáo Nhật Bản.

Lúc đó tôi rất muốn đem những tư liệu liên quan đến Tam Thập Tam Gian Đường này ra nghiên cứu, nhưng do bận rộn nên tìm không ra cuộn phim tôi chụp tại Kyoto hồi đó, đành tự nhủ: Thôi thì cứ đợi vậy, bao giờ tìm được rồi hẵng tính.

Đợi đến nửa năm, dò nhà mấy lần, đồ đạc chất lộn xộn, làm thế nào cũng tìm không ra.

Tôi hiểu tư liệu Tam Thập Tam Gian Đường có thể mọi người đều biết, nhưng tôi vẫn muốn lược lặt thu thập, bàn luận thêm.

Đến Kyoto, không ai mà không tới chiêm ngưỡng Tam Thập Tam Gian Đường, nó cùng với các thắng cảnh nổi danh như: Kim Các Tự, Ngân Các Tự, Nhị Điều Thành, Bình An Thần Cung, Tây Bản Nguyên Tự, Đông Bản Nguyên Tự, Thi Sơn Đường v.v... của Kyoto đều đã vang danh quốc tế.

Nếu nói phong cảnh, đương nhiên có nhiều nơi rất tuyệt, nhưng tôi đặc biệt ưa thích Tam Thập Tam Gian Đường, vì nơi này trưng bày ngàn tượng điêu khắc Bồ tát Quán Âm, nhìn rất mỹ thuật phi phàm, hơn nữa tôi thấy đây là ngôi chùa Phật giáo cực kỳ phong phú đặc biệt, ít mang hơi hướm Đông Dương Thần Xã (những ngôi kiến trúc thờ Thần ở Đông Dương)

Tại Kyoto, tôi lên xe điện không lâu thì xe dừng trước Tam Thập Tam Gian Đường, nghe trên xe quảng cáo: Đến Tam Thập Tam Gian Đường rồi, hoan nghênh quý khách đến tham quan.

Tôi không rành Nhật ngữ, nhưng cũng nghe được và nhận ra mấy từ Tam Thập Tam Gian Đường. Đây là biệt viện của Diệu Pháp Viện, thuộc Tông Thiên Đài Phật Giáo Nhật Bản. Tam Thập Tam Gian Đường còn gọi là Liên Hoa vương Viện, nhưng do nó xây theo kiểu hành lang dài chứa Tam Thập Tam Gian Đường, nên lâu dần tục danh lẫn át chân danh... thực ra Tam Thập Tam Gian Đường có bao nhiêu tượng điêu khắc Quan Âm thì ngay chính người dân ở Kyoto cũng còn không rõ nữa. Bọn họ sẽ nói với bạn: Tổng cộng có ba vạn, ba ngàn, ba trăm, ba mươi ba tượng...

Nhưng khi tôi vừa tiến vào sơn môn, thì trong lòng bỗng vang lên âm thanh xác nhận: Tổng cộng có một ngàn lẻ một pho tượng Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát!

Tôi tiến vào gian chính, thấy có tượng Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát cực lớn ngồi xếp bằng trên hoa sen, hai bên có năm trăm tượng lớn nhỏ tạc kim thân Quan Âm đứng, bốn đường này ngang dài khoảng

150 mét, (khoảng 500 thước anh), Phật tượng dung nhan trang nghiêm từ hòa, tôi lập tức quỳ xuống chân thành thỉnh lễ khẩn nguyện, sau đó mới ngẩng lên chiêm ngưỡng.

Tất cả gồm có 33 gian, mỗi gian có mấy hàng tượng Quan Âm kim sắc đứng, cảnh tượng hùng vĩ, thực là chưa từng thấy qua. Đáng tiếc là ở trước tượng đều có làm thêm hàng rào song sắt, khiến giảm bớt nét mỹ quan.

Mỗi tượng có mười một mặt, tay cầm đủ pháp vật.

Lúc này có một âm thanh vang lên trong tôi: Mỗi tôn tượng có 42 tay, tổng là cộng 42.042 tay, cả thảy có 10.010 đầu Phật, mà những con số này tôi cũng không biết dựa vào đâu để khảo chứng, chỉ đành đợi chư vị đại đức hữu tâm kiểm tra vậy.

Tam Thập Tam Gian Đường, là 33 gian điện thờ to lớn hùng vĩ, dựa theo kinh Pháp Hoa nói: “Bồ tát Quan Thế Âm hóa hiện ba mươi hai thân độ thế”... mà tôn tạo.

Đang lúc tham bái, tôi cảm thấy như có luồng linh lực rưới xuống mình, bèn ngẩng đầu lên, thì có cảm giác như đôi mắt của từng tượng Quan Âm đang chuyển động, ngàn tay động đậy, có thể giải thích đây là linh cảm, cũng có thể nói là tượng nhìn sống động như thực.

Đồng thời tôi còn cảm nhận là có hai vị đế vương và hai vị đại tướng quân, cùng nhiều tướng quân đại thần thời cổ đang tồn tại. Bọn họ đều quỳ trên đất lễ bái qui y, dập đầu sát đất. Khi tôi mở mắt ra thì tất cả đều tan biến hết, chỉ có tượng Phật gỗ tĩnh lặng bất động, lại thêm một đoàn du khách nữa đến tham quan, đang ở bên ngoài⁽²⁾... Đợi ông người Nhật hướng dẫn khách du lịch đến, tôi tranh thủ hỏi ông ta: Ngôi Phật tự này có phải do hai vị Thiên Hoàng và hai vị đại tướng quân nối tiếp nhau kinh doanh?

Đúng vậy! - Ông ta đáp - Dường như tiên sinh biết rất rành lịch sử Nhật Bản? Ngôi Phật tự này được xây dựng vào năm 1132, do Điều Vũ Thiên Hoàng sắc cho Bình Trung Thịnh tướng quân xây lần đầu tiên. Còn có tên khác là Trường Thọ Viện. Sau đó Bạch Hà Pháp Hoàng kế vị, do kính tin Phật giáo, nên ông đổi tên Thiên hoàng thành Pháp hoàng và tiếp nối di nguyện phụ vương, cho xây mở rộng thêm. Con của tướng quân Bình Trung Thịnh là Bình Thanh kế vị, hỗ trợ Bạch Hà Pháp Hoàng xây thêm Liên Hoa Vương Viện.

- Sau đó công trình này hình như đã bị một trận hỏa hoạn thiêu rụi? Có việc này hay không vậy?

(2) Giải thích: Cảnh tượng Phùng Phùng nhìn thấy có thể là nhìn xuyên qua thời quá khứ.

(Tôi hỏi vậy vì trong tâm trí mình bỗng hiện ra một cảnh tượng đầy lửa cháy... thế nên tôi mới khởi niệm thắc mắc và đoán rằng ngôi kiến trúc này đã được xây lại).

- Vâng! Quả đúng thế! Vào năm 1249, Tam Thập Tam Gian Đường bị lửa thiêu hủy, phải mất 37 năm mới trùng kiến lại thành ngôi điện thờ như bây giờ.

- Thế thì ai đã thiết kế, phác họa cho tượng Phật được điêu khắc tinh xảo, trang nghiêm... mang tính mỹ thuật cao siêu như thế này? (Tôi hỏi vì thấy mỗi tôn tượng đều có phong cách đường nét khác nhau, hình như là được cùng một vị Sư hướng dẫn cho đoàn thợ điêu khắc hoàn thành).

Ông người Nhật đáp:

- Tiên sinh nói rất đúng, những tượng Quan Âm này là do tuyệt thủ của Đại sư Vận Khánh, ngài chủ trì phác họa hướng dẫn và cũng đích thân làm. Ngoài ra, con trai ông là Trạm Khánh cũng hợp cùng các môn đồ điêu khắc, làm ngót 17 năm mới hoàn thành. Hiện nay đã được chính phủ Nhật xếp vào hàng văn hóa quốc bảo!

Vì đoàn khách đến tham quan tiếp theo là người Tây Âu, do không hiểu chúng tôi đang trao đổi, bàn luận gì với nhau, nên họ lộ vẻ không hứng thú và tỏ ra mất kiên nhẫn vì

phải chờ đợi... Vì vậy tôi không tiện hỏi nhiều thêm nữa, đành tự chiêm ngưỡng một mình.

Cha con Bình Trung Thịnh và Bình Thanh, tức là Mộ phủ (Mộ phủ tướng quân là cơ quan quân phiệt cầm đầu trước thời Minh Trị ở Nhật Bản, thực tế họ là người thống trị, còn gọi là Bình Thị Mộ phủ),

Lẽ ra, Bình Thị kính tin Phật giáo như thế, thì đời ông không thể nào có kết cục bi thảm được. Tôi suy nghĩ mãi cũng không hiểu tại sao, bèn nhắm mắt quán sát... thì chợt hiểu rõ hết.

Té ra hai đời của tướng quân Bình Thị, từng Đông chinh Tây phạt, đã giết hại rất nhiều và tạo ra oan nghiệt quá lớn! Hơn nữa Bình Thị không hề thành tâm tin Phật, mà chỉ lợi dụng ngôi kiến trúc hoành tráng này để mua chuộc nhân tâm và có ý thông qua đây để có được nhiều ủng hộ của các nhân sĩ Phật giáo.

Tôi không phải là ông ta, nhưng ngay trong lúc dùng tâm linh quán sát (quay về thời quá khứ) thì đột nhiên tôi hiểu rõ, phát hiện ra: Nếu như ông thực sự thành tín, tuân thờ theo Phật dạy, thì tại sao lại ra tay giết người quá nhiều? Chỉ thương cho hàng con cháu quyền thuộc không may của Bình Thị, đồng phải lãnh chung cộng nghiệp báo ứng sát sinh của tổ tiên mà thôi.

Tam Thập Tam Gian Đường vốn là công cụ chính trị để các thế lực “Mộ phủ” thời cổ đại tranh giành quyền lực với nhau. Chùa Phật ở Nhật Bản vào thời cổ đại hầu như nhiều ít gì cũng có liên quan đến các Mộ phủ Tướng quân và hàng võ sĩ kiếm khách.

Tam Thập Tam Gian Đường này cũng không ngoại lệ, vì biết rõ nên tôi cảm thấy thật quá điểm nhục cho chốn Phật môn tôn nghiêm này, nếu như thờ Phật mà không có được năng lực kiến thức trí huệ, thì Phật tượng cũng giống như máy thu thanh hay truyền hình, hay chỉ là gỗ tạc mà thôi. Nếu như bạn không chịu bất công tắc trong tâm để mở khai thần trí (nhờ thực hành theo giáo pháp Ngài), thì đền đài Phật tượng, cho dù có rộng lớn nguy nga, lộng lẫy bao nhiêu, cũng chỉ là một hình thức kinh doanh, tranh quyền đoạt lợi mà thôi!

LINH NĂNG CÙNG TÁI THỂ

Phật giáo tin nhân quả, giảng luân hồi, có nhiều câu chuyện về vấn đề này được Phật giáo giải thích; đa số mọi người đều biết, nên tôi không cần bàn. Hiện tại tôi chỉ thu thập một số khảo cứu mới nhất của Tây phương để chia sẻ thôi.

Chuyện đầu tiên, có một nữ tiến sĩ Thụy Sĩ tên là Elisabeth Kübler Ross, tháng 7 năm

nay bà đã đến Vancouver, diễn giảng tại đại hí viện trứ danh Orpheum Canada suốt 6 tiếng.

Thính chúng bỏ ra 35 đô Canada mua vé để nghe bà giảng về “Sự sống sau khi chết”, nhiều báo đài tranh nhau phỏng vấn bà, đây là tin tức chấn động thời đó. Nữ Tiến sĩ Kübler Ross là một học giả có hai bằng cấp: Tiến sĩ Vật lý và Bác sĩ, nổi danh toàn cầu. Luận về bản thân, bà vốn là một người không dễ tin, nay lại chuyển thành một học giả nổi danh, nồng nhiệt ủng hộ thuyết “Có sự sống sau khi chết”. Bà sáng lập một Viện nghiên cứu, thu hút nhiều học giả Âu Mỹ tham gia. Bà và các bạn bè trong Viện nghiên cứu này đã thu thập gần 5 ngàn sự kiện về “Luân hồi và tái sinh” ở khắp mọi miền trên thế giới, các nhân vật này thấy đều có địa chỉ, họ tên... đủ làm bằng chứng.

Lần này đến Canada diễn giảng, dù giá vé tới 35 đô, thậm chí còn cao hơn giá vé của vũ đoàn Ba lê lúc qua Nga diễn xuất, mà dù vé vào để nghe bà giảng có giá cao ngất ngưỡng như thế, song vẫn bị cháy vé, xem như toàn đại hí viện chật ních không còn chỗ. Mấy ngàn thính giả sau khi nghe bà kể các câu chuyện có thực về luân hồi rồi, họ xúc động lệ rơi như mưa, tất cả đều nói rằng: Giá vé 35 đô không hề cao, nếu so với những bài

học quý họ vừa thu thập được về chân đế nhân sinh, thì việc bỏ ra một số tiền để đóng góp, ủng hộ duy trì Viện nghiên cứu là việc rất xứng đáng, nên làm.

Nữ Tiến sĩ không nhận mình là Phật giáo đồ, nhưng những gì bà giảng tôi nghe cảm thấy rất gần với tư tưởng Phật giáo, có thể đoán bà chịu ảnh hưởng tư tưởng Phật giáo rất sâu, hoặc có thể nói thế này: Cho dù bà không phải là Phật giáo đồ, nhưng vì tư tưởng Phật giáo là chân lý vũ trụ, quy kết “Tất cả duy tâm”, mà nhân quả và luân hồi thực ra vốn là chân lý vĩnh hằng trong vũ trụ.

Nữ Tiến sĩ nhờ truy cầu chân lý chí thành, mà vô tình đến gần Phật lý.

Sự thực, giới trí thức Thụy Sĩ trong những năm gần đây, họ đối với Phật giáo đã bỏ công nghiên cứu càng lúc càng nhiều. Xa hơn nữa là nhà văn nổi tiếng: Cố tác giả Herman Hesse từng đoạt giải thưởng Nobel văn học.

Thụy Sĩ có Viện nghiên cứu tích cực về Phật giáo, nhưng chẳng biết nữ sĩ có là một thành viên trong đó hay không? Hay bà chỉ chịu ảnh hưởng thôi? Chẳng qua, bà có thanh minh là: Ngay điểm khởi đầu không hề liên quan đến tôn giáo Tây phương.

Nữ Tiến sĩ trích dẫn từ các đoạn trong di cảo của Einstein (cố Vật lý gia kiêm nhà

Toán học vĩ đại), chứng minh rằng ông có liên quan đến thuyết nhân quả, vì ông tin là “Có sự sống sau khi chết”. Tiếc là bà nói quá nhanh, mà thổ âm tiếng Đức quá nặng, khiến tôi hơi khó hiểu nên không nhớ kịp các đoạn trích dẫn của bà. Bà nói năm nay sẽ cho ra một cuốn sách chuyên viết về đề tài “Sinh mệnh sau khi chết và luân hồi”, hi vọng sau khi phát hành mọi người sẽ tìm đọc, tôi rất quan tâm điều này.

Nếu những chuyện thực bà nêu lên kể ra, mà tôi chưa kịp hiểu hết, thì đành phải chờ khi bà xuất bản sách mà tìm đọc thôi.

Quan sát hàng ngàn thánh chúng đang chăm chú nghe giảng, tôi phát hiện: Đại đa số đều là phần tử trí thức, không ít vị là kiến trúc sư, kỹ sư, bác sĩ, luật sư, học giả, giảng sư đại học... mà tôi quen biết; những vị khác đa phần là sinh viên, một số ít là nhân vật có tiếng tăm trong xã hội.

Nhìn khán phòng không còn chỗ trống, đủ hiểu phần tử trí thức Tây phương ưa chuộng triết học nông hậu.

Tình hình này so với những nghĩ tưởng của một số người ở Hương Cảng, Đài Loan hoàn toàn bất đồng. Đa số người cho rằng xã hội phương Tây chịu ảnh hưởng tôn giáo phương Tây, mà chẳng hề biết giới trí thức Tây phương đã được đánh thức và tỉnh giác,

nên dần dần họ đã tách khỏi tư tưởng duy vật lẫn quan niệm thần quyền, vì hai thuyết này không thỏa mãn khát vọng tìm hiểu triết học của họ nên họ đã chuyển sang tìm kiếm chân lý, chân tri, chân thật.

Rõ ràng là ngày càng có nhiều thanh niên trí thức Tây phương tìm đến, tiếp cận, tham khảo tư tưởng Phật giáo, hễ sách Anh văn nào mà có liên quan đến Thiền tông, dù là sâu hay cạn, xuất bản tại Hoa Kỳ, Canada... thấy đều trở thành loại sách bán chạy nhất.

Tiểu là các nhân sĩ Phật giáo tu luyện, cày cấy, gieo trồng hạt giống Phật tại Hoa Kỳ, Canada... vẫn chưa đủ, nên chưa thể phổ biến giúp họ thâm nhập sâu rộng, trong đây đương nhiên bao gồm khả năng kinh tế, cộng thêm nhiều yếu tố khác, mà tôi chẳng tiện nêu lên thảo luận trong bài viết này.

Tóm lại, một số tư tưởng xã hội Tây phương bị rơi vào vào mù mịt hoang mang, trong trạng thái tinh thần cảm thấy trống vắng, người ta dễ ngã vào sa đọa ăn chơi, hoặc chạy theo trào lưu híp-pi, hay tiêm nhiễm thói bạo lực, phóng túng tình dục si cuồng! Nếu như giáo lý từ bi hòa bình của Phật có thể phổ biến đầy đủ và kịp thời để họ hiểu về nếp sống chuẩn mực trong xã hội, thì tệ trạng tất nhiên sẽ đổi tốt, rất mong chư đại

đức nhân sĩ Phật giáo nên phát tâm truyền bá đạo pháp nhiều hơn!

Nữ Tiến sĩ đề cập đến định luật “Vật chất bất diệt”, cô nói vật chất trong vũ trụ tuyệt không tiêu diệt thực sự, mà chỉ là chuyển đổi sang hình thái và đặc tính bất đồng. Điểm này thì tôi hiểu rõ.

Thí như nói: Sau khi đốt xăng sẽ sản xuất nhiệt và CO₂, thì xăng không phải tiêu diệt, chỉ là tan khắp trong không khí, qua một dạng hình thái khác. Giống như một tờ giấy sau khi đốt đi rồi, cũng sản sinh ra nhiệt năng và carbon, hình thức giấy ta thấy có tiêu mất, nhưng nhiệt năng phát tán carbon dioxide vẫn tồn tại. Chẳng qua giấy đã biến thành trạng thái du ly (phân ly tự do) thôi.

Bất kể vật chất nào cũng thế, chúng chỉ chuyển vị, chứ tuyệt không tiêu diệt, đây là vật lý mà bất kỳ ai cũng biết.

Sinh mệnh sinh vật cũng do các nguyên tố thô tạo thành, trong nước có H₂O và oxy, trong máu có chất sắt, trong xương có chất vôi, canxi, phốt-pho...

Còn có các nguyên tố khác như, Magnesium, đồng... và hàng chục, hàng trăm, nghĩa là vô số chủng loại tồn tại trong thiên nhiên. Đã biết nguyên tố tuyệt không bất đồng. Những nguyên tố này, từ vô cơ hóa làm hữu cơ, cấu thành sinh mạng; sau

đó lại phân hủy, quay về tự nhiên, thành là nguyên tố vô cơ của cõi tự nhiên.

Sinh mệnh tiếp tục được hấp thu, trực tiếp hoặc gián tiếp, tái lập lại thành tân sinh mệnh, chúng tuần hoàn bất tuyệt. Chỉ là tỷ lệ cùng trạng thái có khác, nên có thể gọi là chuyển vị, chứ không thể gọi là tiêu diệt. Đây chính là khoa học thường thức, vô cùng khách quan.

Chẳng qua các loại nguyên tố thiên nhiên hợp thành sinh mệnh hữu cơ rồi, sẽ sản sinh cảm giác và tri giác mẫn cảm, chính là một loại năng lực và nhiệt cùng tĩnh điện, cuộc sống sản sinh so với nguyên tố vô cơ mẫn cảm hơn. Vật vô cơ cũng có cảm tri, chỉ có chúng ta cho rằng chúng không có đủ. Nguyên tố nếu vô tri vô cảm, sao lại có vận động của chất proton? Nếu gọi là đặc tính vật chất, thì đặc tính cũng là phản ứng của tri giác. Tóm lại, bất kể là hữu tình sinh hoặc vô tình sinh, đều là nghĩa rộng của sinh mệnh, đều hữu tri hữu cảm, có khác biệt chẳng là là trình độ tri cảm mà thôi.

Khi chúng ta đồn chặt một cây, đều cho là cây không than đau, thực sự nó không có kêu đau ư? Hãy quán sát tỉ mỉ mà xem! Dùng kính hiển vi thôi cũng có thể nhìn thấy cơ thể của nó đang run rẩy trong thống khổ, cũng nhìn thấy huyết dịch nó đang tuôn trào,

tuy màu không đỏ như máu nóng, nhưng hiện nay các nhà Thực vật học đã phát hiện ra: Thực vật cũng có tình cảm và phản ứng phát ra âm thanh. Khi chúng ta cắt hay đập vỡ một khối nham thạch, nếu dùng kính hiển vi điện tử, thì sẽ thấy các nguyên tử của nó trong lúc bị chia cắt cũng có phản ứng kịch liệt, chỉ là chúng ta không hiểu được biểu lộ thống khổ của nó mà thôi!

Vì vậy tôi tuyệt không muốn làm tổn thương một mạng hay một vật nào. Phật đã dạy chúng ta: Không nên sát sinh. Theo cảm thọ của tôi mà nói, là bao gồm cả hai loại sinh mệnh: Hữu tình lẫn Vô tình! Tôi tôn trọng những sinh mệnh đã có lâu đời hơn chúng ta, tôi cũng cảm nhận được sự thống khổ từ cây, đá phát ra.

Bất kể mẹ tôi ăn thứ gì, bà đều hết sức quý tiếc và lưu tâm bảo tồn hạt giống, luôn tận dụng hết sức để tìm cơ hội tạo sinh mệnh giúp cho chúng.

Sinh mệnh do nguyên tố hợp thành, sản sinh năng lượng, cũng tuần hoàn chuyển hóa trong hư không vũ trụ. Năng lượng cùng vật chất đồng bất diệt giống nhau, chỉ là chuyển vị thôi. Theo nhãn quang hạn hẹp của ta thì cho rằng chỉ địa cầu này mới có sinh mệnh và nghĩ là chỉ có hô hấp hít thở không khí thì mới có mạng sống. Thực ra thì tại địa

cầu riêng lẻ này mà nói, đã có rất nhiều sinh mệnh lại hô hấp thán khí carbon, mà có rất nhiều thực vật cũng vậy.

Chúng ta nghĩ rằng trong vũ trụ hư không nếu thiếu khí oxy thì không có sinh mệnh ư? Các nhà Thiên văn học Anh Quốc gần đây đã tuyên bố: Họ phát hiện các tinh tú trong vũ trụ đa số đều chứa khí hydro và carbon, hợp thành sinh mệnh hữu cơ A-mi-nô; NH_2 . Chúng đều có cảm giác, động thái.

Các sinh mệnh có đầy trong vũ trụ, thì sao có thể bảo là sinh mệnh chỉ hạn cuộc nơi địa cầu này được chứ? Xác thân chúng ta tuy chẳng thể lìa không khí và thực vật để sinh tồn, nhưng là loại “năng” ít chịu hạn chế không gian, “năng” là một phần của mạng sống chúng ta, tri giác là một loại “năng”.

Bất kể chúng ta phạm phu tục tử, tầm thường như thế nào, trong cơ thể mọi người đều sản sinh “nhiệt” và “năng”. Mới hôm qua tôi còn nghe một nhà khoa học Canada thuyết giảng trên truyền hình rằng: Mỗi người chúng ta đều có (Micro-Wave) phóng xạ vi ba, phân lượng có lớn nhỏ, một số người tính trung bình là một phần ngàn watt.

Có một nhà khoa học Liên Xô đã công bố qua phim ảnh như sau: Dùng hồng ngoại tuyến chụp ảnh ngón tay người, thấy phún ra điện quang nửa thốn.

Phật tử Hà Quân ở Vancouver hai tay phóng ra tĩnh điện, trị bệnh cho Phật tử, khiến các học giả tại đại học Harvard Mỹ quốc đã tìm đến chụp hình tình huống thực tế kia. Những loại “năng” này đều có thể truyền, phát ra, hơn nữa năng lượng không diệt, chỉ là chuyển vị thôi! Có thể tập trung hoặc phân tán, ở trong vũ trụ xoay vần không ngừng, sinh sinh bất tuyệt!

Căn cứ vào những hiểu biết thô thiển này, tôi rất dễ dàng tiếp thu giải thích của nữ tiến sĩ, bà nói “sinh mệnh chết rồi”, chẳng qua là ta tuyên bố theo nghĩa hạn hẹp, nhưng thực sự thì sinh mệnh đang chuyển vị hoặc đang thay đổi cải tổ lại. Nguyên tố của sinh mệnh trở về tự nhiên, nhưng “năng” của sinh mệnh lại tiến vào một hình thái khác. **Tri giác cùng tính cách cũng tùy theo “năng” mà không diệt.** Bà đưa ra rất nhiều thí dụ, kể rõ rằng: Nếu như không dành 20 năm nghiên cứu để phát hiện cho đến cùng, thì lẽ nào tôi dám hi sinh danh dự học thuật quốc tế của mình để tùy tiện tuyên bố rằng “Sinh mệnh vẫn tồn tại sau khi chết!”...

Bà nói rằng “tri” và “năng” có thể rời thể xác, gọi là linh hồn xuất khiếu. Rất nhiều người đã có trạng thái “tợ mộng mà không phải mộng”, khi nhìn thấy mình thoát ra khỏi nhục thể bay đi hay trôi lơ lửng trên ngọn cây,

phiêu du nơi khu vực lạ... Cho đến một ngày, bỗng nhiên họ nhớ lại kinh nghiệm từng trải qua. Đây chính là hiện tượng linh hồn thoát ly thể xác.

Bà nói: Lúc sinh thời hồn vẫn có thể lìa xác, và khi nhục thể chết thì đương nhiên hồn càng “năng” ly thể.

Các Luận giả nói: Do tế bào não toàn nương vào không khí để sinh tồn, nên khi nhục thể tử vong thì sự hô hấp cũng đình chỉ, vì khí oxy ngừng cung ứng, xem như chưa đến năm phút, tế bào não đã tử vong. Vậy “năng lực” ở đâu?

Luận giả nói không sai, thế nhưng họ không hiểu một điểm: Tế bào não đã sớm sản sinh năng lực không thể tiêu diệt, “năng” chỉ “chuyển vị” rời đi, phiêu lãng trong vũ trụ. Cho nên nhà Phật khuyên người ta không nên khóc lóc trong lúc thân quyến hấp hối, làm kinh động họ... điều này quả rất có lý! Vì vậy mà Phật khuyên mọi người nên động viên, trấn tĩnh kẻ hấp hối; giúp họ an định tâm trí bằng cách tụng kinh, nhằm hỗ trợ họ tập trung, định tĩnh não lực để thoát ly thể xác trong giờ phút tối hậu. Nếu thân nhân cứ khóc gào thống khổ, (vi phạm các điều cấm kị) dễ di động, quấy nhiễu, làm cho não lực người sắp chết vô phương tập trung, khiến

“năng” bị phân tán. Tuy năng không bị tiêu diệt, nhưng người thân đã vô tình khiến kẻ lâm chung bị mất đi tri giác sung mãn, trong phút giây họ phải rời xác ra đi phiêu lãng (du ly), do bất tri nên họ có thể vì bị mê muội mà gá vào thân xác súc sinh, đầu thai chỗ xấu.

Nữ tiến sĩ bày tỏ: **Xin mọi người chớ dùng sự bi thống gây kinh động, quấy nhiễu thân hữu trong giờ phút hấp hối, hầu có thể giúp họ nhẹ nhàng thoát ly thân xác.**

Bà kể trong lúc bà phỏng vấn và tìm hiểu mấy ngàn câu chuyện có thực, đã thu được kết quả: Những ai qua đời trong trạng thái bình tĩnh đều có cảm giác nhìn thấy ánh sáng kim sắc nhạt. Thế nhưng những người qua đời trong trạng huống bất an, ắt sẽ nhìn thấy hắc ám!

Cũng có một người đồng đến diễn giảng cùng bà, đó là một Tiến sĩ hóa học từng trải qua kinh nghiệm “Chết rồi hồi sinh”, (tên ông là gì hiện thời tôi không nhớ). Ông này chết bảy ngày rồi sống lại trong hòm, may mà chưa bị đem chôn, nhờ vậy mà ông gõ quan tài, lên tiếng cầu cứu... và được nhân viên nhà tử tế cứu ra. Tin tức này đã gây chấn động toàn nước Mỹ. Ông kể rằng: Lúc tôi chết rồi, nhìn thấy một làn kim sắc mỏng mờ, tôi rất mừng nên bay đến đó...

Ông cũng tường thuật lại những kinh nghiệm mình trải qua sau khi chết như đã nhìn thấy nhiều cảnh tượng kỳ lạ, quái dị như: Núi băng, lửa cháy... và đao sơn, rất giống cảnh địa ngục mà các kinh Phật thường thuyết.

Giới y học xem chuyện của ông là kỳ tích, một số Linh mục thì cho đây là lừa gạt và phủ nhận sự thực này!

Ông kể sau khi hồi dương, sống lại rồi, hiện tại đối với Phật giáo cảm thấy rất hứng thú muốn nghiên cứu tìm hiểu, tâm trạng này trước đây ông không hề có. Vì lý do này mà ông đã từ bỏ tôn giáo cổ hữu của mình.

Đương nhiên tôi chưa rảnh để truy tìm đào sâu tận ngọn nguồn câu chuyện của ông, nhưng hiện giờ ông đang giữ chức vị rất cao: Bản thân là Giáo sư đại học, luôn đứng lớp diễn giảng, ông không ham tiền, không cầu danh lợi, cũng chẳng có ý truyền giáo, ông chỉ muốn báo cáo những gì mình đã đích thân trải qua và muốn thúc đẩy, hỗ trợ xã hội nghiên cứu về cuộc sống, tôi thấy ông rất thành thực, không có bất kỳ sự gian dối nào.

Gần đây Nữ tiến sĩ Elisabeth Kübler Ross cùng hơn 70 học giả là các nhân sĩ trong giới học thuật nổi danh đến từ các nước, họ là những Bác sĩ, các nhà Tâm lý học, Hóa học, Các nhà Vật lí, Điện tử, Quang

học v.v... đồng tổ chức hội thảo tại New York, nơi trường đại học... (hình như là đại học Colombia tôi nhớ không rõ!).

Mọi người thảo luận về linh hồn, cũng chính là “tri” và “năng” dưới sự giám sát của hơn bảy mươi học giả có tiếng tăm.

Sau khi nữ Tiến sĩ được kiểm tra nghiêm ngặt toàn thân xong, thì bà tiến vào một phòng thí nghiệm thủy tinh đóng kín, trong đây không có bất kỳ dụng cụ máy móc nào, chỉ đặt một cái ghế dài cho bà nằm nghỉ. Lúc này có hơn 70 học giả vây quanh bên ngoài phòng pha lê quan sát...

Dưới ánh đèn sáng, nữ Tiến sĩ bắt đầu tĩnh tọa nhắm mắt, không lâu bà mở mắt, ra hiệu với người bên ngoài yêu cầu đàm thoại. Bà nói với hơn 70 học giả đang mục kích rằng: Vừa rồi bà đã hồn lìa khỏi xác, đi đến căn hộ của nữ sĩ A ở San Francisco, thấy cô ta đang làm việc nhà, bà mô tả các loại thức ăn nằm trên bàn và món gì đang nấu trên bếp. Bà kể tường tận tỉ mỉ những gì mình trông thấy...

Lúc này, ngay lập tức cô B là bạn thân của nữ sĩ A hiện đang có mặt bên ngoài phòng thí nghiệm, vốn không hề quen biết gì với nữ Tiến sĩ, cô B liền gọi điện về hỏi thăm cô A để kiểm chứng, và sau đó xác nhận là nữ tiến sĩ đã mô tả hoàn toàn đúng thật, không sai mảy may.

Nữ tiến sĩ nói mình là phàm phu, tuyệt không có công phu tu gì, nhưng bà vẫn có thể phóng thích “năng lực” ra khỏi thể xác xa hơn 5 cây số, thì hướng chi những người có công phu tu cao...

Bà nói rằng ai cũng có năng lực bẩm sinh này, nhưng chẳng qua do họ bị vật dục và nhục dục che mờ tâm trí, làm ngăn ngại, chưa kể họ còn bị nhiều ưu tư não phiền phong bế.

Lúc này Ký giả Bancan của đài truyền hình Canada đã hỏi bà:

- Thưa Tiến sĩ, bà thực sự đích thân đến San Francisco ư?

- Không phải thân tôi đi - Mà là “năng” đến đó.

- Thế “Năng” là cái gì?

- Giống như sóng vi ba vậy, năng có thể rời khỏi nhục thể đến bất cứ nơi nào trong vũ trụ.

Ký giả bán tín bán nghi, hỏi:

- Vậy bà có thể điều khiển “năng” của mình phi du đến bất kỳ chỗ nào ư?

- Có thể, nhưng mà năng lực của tôi còn rất yếu kém, chưa thể hoàn toàn tùy theo tâm muốn...

- Vậy lúc bà đến thăm căn hộ của nữ sĩ A, bà có làm xê dịch vật gì không?

- Tôi chưa sở hữu được khả năng đó - Bà đáp. Nhưng tôi biết có một số người đã luyện tập được khả năng di chuyển vật.

Là chuyện thần thoại ư? Là lời nói dối ư? Hơn bảy mươi nhà học giả quốc tế đồng làm chứng đây không phải lời dối trá!

Riêng tôi thì tin sâu không nghi, bởi vì tôi cũng tình cờ thần du, năng du. Tôi từng thần du đến Diệu Pháp Tự là chỗ mà xác thân mình chưa từng đến đó bao giờ.

Tôi đã viết một bài tự thuật về chuyện này, liên quan đến sự linh dị của tiểu tượng Quan Âm nơi Diệu Pháp Tự.

Nhưng vị biên tập tạp chí Nội Minh nói rằng: Ông sợ xảy ra tị hiềm vì tuyên dương Diệu Pháp Tự, nên không cho đăng bài này.

Tôi cũng từng thần du trong vũ trụ thái hư, nhìn thấy sự tối tăm vô biên tràn ngập đầy Ngân hà với vũ trụ ngàn sao khác, tôi thấy ngoài vũ trụ cũng có vô tận vũ trụ, vô tận tinh tú, vô số sinh mệnh, thế nhưng tôi lại không biết rõ những việc vụn vặt chung quanh mình, vô phương xử lý sinh hoạt của mình, đêm ngày phải vì cuộc sống, vì hoàn cảnh mà bồn ba phiền não, ngu dại biết bao!

(Ngày 28 tháng 10 báo Tân Văn số 775 phát hành từ Toronto ghi: Linh hồn là có thực, quỷ thần là có thực. Hồn phụ thể, hồn ly thể là có thực!)

Giáo sư Xã hội học của đại học U of Guelph là tiến sĩ Dr. Ian Currie đã xuất bản tác phẩm (You Cannot Die) “Bạn không hề chết”, nêu lên các chuyện ông thu thập nghiên cứu hơn mười năm, chứng thực là có linh hồn.

Ông Currie là học giả, là tiến sĩ trứ danh tại đại học nổi tiếng Canada, mới đầu ông không hề tin có linh hồn, mười năm trước chỉ vì hiếu kỳ mà ông điều tra thu thập chứng cứ cùng khắp, nhằm phản đối thuyết chứng minh linh hồn không hợp khoa học, nào ngờ sau khi thu thập càng rộng, ông hiểu rõ càng sâu, cuối cùng thì công việc này đã biến ông thành kẻ ủng hộ học thuyết linh hồn.

Trên đài truyền hình Canada, tiến sĩ Currie cho biết cuốn sách mới của ông đưa ra bốn kết luận:

- 1 Người chết rồi thực có một loại hình thái sinh mệnh khác (tạm gọi là linh hồn).

2. Linh hồn sau khi chết, tiếp tục tồn tại trong vũ trụ không gian, trình độ tri giác cá biệt cùng năng lực sáng tạo mỗi mỗi không đồng.

3. Linh hồn sau khi chết chính xác có tái sinh và luân hồi.

4. Luân hồi không ngừng diễn tiến, nhưng không do ngẫu nhiên, mà tùy thuộc nhân quả, mỗi lần luân hồi đều có liên quan đến kiếp trước và sau đó.

Tiến sĩ Curie là một nhà nghiên cứu khoa học, trước đây ông theo một tôn giáo nọ, nhưng hiện nay đã thay đổi tư tưởng tôn giáo, ông vẫn chưa nói là có hướng theo Phật giáo hay không, nhưng rất hiển nhiên những phát hiện của ông tuy khác đường mà vô tình lại về chung hướng cùng Phật giáo, khách quan gián tiếp chứng minh chân tri (thấy biết chân thực) của Phật đã thuyết hơn mấy ngàn năm nay.

Năm 40 tuổi, ông đã tung ra luận thuyết luân hồi này rồi, tất nhiên ông đã gây nên chấn động dậy sóng và bị nhiều Linh mục Canada phê bình đả kích, phản đối. Tôi nghĩ mình không cần bàn nhiều về chuyện này.

Trên đài truyền hình, ông Curie tường thuật:

Mười năm trước ông qua Detroit, Michigan nước Mỹ, phỏng vấn Nữ giáo sư tiến sĩ Helen Wambach (đương thời bà là chủ nhiệm Sở y tế và Viện nghiên cứu Đại học Tâm lý học). Tiến sĩ Wambach lúc đó đang là chuyên gia nghiên cứu kiếp trước danh vang cái thế, bà dùng nhãn quang tâm lý học để nghiên cứu mấy ngàn nhân sĩ có khả năng biết tiền kiếp.

Ông Currie nói: Dưới sự hướng dẫn hỗ trợ của tiến sĩ Wambach, ông tập trung tinh thần truy tìm về kiếp trước và “thấy” mình

nằm trong một lều vải nơi sa mạc, phía sau ngôi biệt thự.

Ông kể: Lúc đó Tiến sĩ Wambach ra lệnh cho tôi nhìn vào hai chân mình, tôi vâng lời và cúi đầu nhìn xuống, thì thấy đôi chân gầy nhỏ: chính xác là đôi chân của phụ nữ! Hai tay tôi sờ vào thân thể thì phát hiện mình là một cô gái xinh đẹp tuổi khoảng 18, trên đầu có mái tóc óng mượt mỹ miều, xỏa dài đến eo.

Và ông phát hiện ra kiếp trước mình mang hình hài một thiếu nữ Pháp, là tình nương của một sĩ quan thời La Mã cổ trước công nguyên. Sau đó ông nhìn sâu thêm vào kiếp trước đó nữa, thì thấy mình là một tên lính vào thời thế chiến đệ nhất, ông bị địch đâm chết tại chiến trường, ông còn có cảm giác mũi nhọn của lưỡi gươm đâm vào dạ dày rất đau, ông nhìn thấy thi thể mình ngã xuống, ông thấy mình vùng vẫy vô cùng khó khăn... mới có thể thoát ra khỏi thân xác.

Sau khi ông trở về Toronto, dưới sự giúp đỡ của một vị học giả tâm linh trứ danh, ông lần lượt truy tìm về kiếp trước và nhớ được hơn sáu kiếp đã qua của mình. Tất cả việc quá khứ dù lớn hay nhỏ, không gì mà không lưu, ông đã ghi lại từng câu chuyện của mình. Một số nhà tâm lý học chỉ trích

gắt gao, còn nói ông là hạng phân liệt nhân cách, thần kinh bất thường... Trước những gièm chê báng bổ đó, ông chỉ cười mà thôi.

Ông nói mình biết rõ sự thật đến mức không còn gì có thể thật hơn nữa! Từ đây ông càng nỗ lực truy tìm bằng chứng và thu thập được hơn ngàn chuyện tái sinh luân hồi có thực, tôi cũng rất mong chờ để xem cuốn sách mới này.

Tiến sĩ Curie cam tâm chấp nhận mọi điều khó kham khi bị giới học thuật cùng xã hội phê bình đả kích, phản đối, báng bổ... Ông vẫn điềm tĩnh công bố, báo cáo những gì mình đã nghiên cứu và trải qua, tôi tin ông hoàn toàn không nói dối.

Ông Currie nói: Luân hồi có chuyển thể làm người, có dầu thai làm vật, tùy theo nghiệp lực thiện ác mỗi người đã tạo.

Ông nói: Phần đông người ta khi chuyển sinh đều quên ký ức bản lai, nhưng vẫn có nhiều người sinh ra vẫn còn nhớ tiền thân và các sự việc đã trải qua. Có kẻ chuyển sinh thân người, có khi mang giới tính khác hẳn kiếp trước, có đời làm nữ, có đời làm nam!

Ông nói: Việc vong quỷ gá vào thể xác cũng là chuyện trăm phần trăm có thật.

Ông kể rằng: Tại một Đại học Canada nọ, có một nam sinh viên đã thuật lại cho ông nghe: Anh ta bị một nữ quỷ dựa xác, ép anh đi

tìm nam tử, phát sinh hành vi “tình dục đồng tính”, con quỷ cái này dựa xác anh cảm thấy rất hài lòng, song bản thân anh sinh viên nọ thì cảm thấy rất nhục nhã, nhưng lại vô phương thoát khỏi con quỷ cái kia.

Nhưng khổ cái là khi nghe anh sinh viên này kể ra câu chuyện của mình, thì các nhà tinh thần học lại phê phán gắt gao, bảo là: Anh bị chứng phân liệt nhân cách.

Thực tế thì tinh thần anh sinh viên này rất bình thường, còn có chỉ số IQ cực cao. Chuyện này chỉ có trong lòng anh là hiểu rõ nhất.

Ông Currie nói: Chúng tôi thường gặp vong quỷ, đa phần liên hệ tới những vong không nhận ra mình đã chết. Hoặc là những vong không cam tâm chịu nhận là mình chết. Hay do vì còn quá lưu luyến, quá nuối tiếc mà chưa buông bỏ được thân nhân. Có nhiều vong vẫn còn đeo bám tại nhân gian, sống vất vưởng bơ vơ, hoàn toàn không biết rõ “hậu nhục thể” vẫn có cuộc sống mang hình thái sinh mệnh khác... Cũng có một số vong hồn trong lòng hiểu rõ mình bạch, còn quay lại an ủi thân nhân, khuyên người đừng sợ hãi khi xác thân tử vong.

Một Bác sĩ khác tên Stevenson, ông kể đã có dịp tiếp xúc với một cô gái Miến Điện khi sinh ra bàn tay mặt bị cụt cả năm ngón.

Cô gái này đã nhớ rõ tiền kiếp mình: “lúc ấy cháu là một người đàn ông đã gây đau khổ nhiều cho vợ khiến người vợ phải tự vẫn. Mẹ vợ căm thù nên đã thuê một kẻ giết mướn đâm chết người con rể và chặt đứt lìa năm ngón tay y. Hình ảnh 5 ngón tay bị đứt ra xem như là dấu tích luân hồi. Khi hỏi cảm tưởng thì cô gái cho biết là cô không căm giận người mẹ vợ ấy, trái lại cô muốn sống một cuộc đời hiền lương trọn kiếp này để chuộc những tội lỗi đã gây ra từ kiếp trước.

Trở lại hồi đầu, nữ tiến sĩ Kubler-Ross đã kể ra một câu chuyện có thực như sau: Có một cô gái Ấn sống ở Mỹ, bị xe tông trên đường cao tốc, lúc lâm chung may được một nam thanh niên xa lạ chở đi cấp cứu và cô đã ký thác di ngôn: Nhờ anh này mang lời nhắn gửi của mình chuyển đến mẫu thân cô giùm. Thiếu nữ nói:

- Xin anh khuyên mẹ tôi đừng bi ai, sầu khổ... bởi vì phụ thân tôi đã đến tương hội cùng tôi!

Anh thanh niên kia lái xe đi ngàn dặm để tìm cho ra địa chỉ nhà mẫu thân cô gái bất hạnh và chuyển giao lời nhắn gửi. Lúc này người mẹ vui mừng bảo anh ta rằng: Phụ thân con bé đã chết rồi. Tính theo chứng cứ thời gian, thì cha cô gái này đã tắt thở trước con gái họ khoảng một tiếng.

Nữ tiến sĩ nói, quả thực có kỳ nhân, kỳ sự... việc này đủ chứng minh linh hồn con người thực sự tồn tại và có thể lia khỏi thể xác.

Ngôi sao điện ảnh trứ danh Glenn Ford gần đây đã thoái hưu, ở tuổi già, ông công bố bản thân mình có thể nhớ sáu tiền kiếp đã qua.

Có một kiếp vào năm 1.800, khi đó ông làm chủ Nông trường, đến ba mươi tuổi thì bị người bắn chết. Kiếp kế nữa thuộc năm 1840, ông là nghệ sĩ Piano, bị bệnh phổi chết đi lúc 38 tuổi. Kiếp khác nữa ông là sĩ quan Ngự lâm quân nước Pháp. Tới năm 24 tuổi vì tranh giành mỹ nữ nên đã quyết đấu cùng người và bị giết chết. Kiếp khác nữa ông là thủy thủ Anh quốc, chết năm 1666. Kiếp kế nữa thuộc thế kỷ thứ ba, lúc đó ông là tín đồ Cơ đốc giáo thời La Mã cổ đại bị ném vào đấu trường cho sư tử ăn...

Nữ minh tinh Also Feierdina năm ngoái được giải Kim Tượng trên đài truyền hình, đã công khai thừa nhận mình nhớ được kiếp trước. Tiền thân cô là nam tử, một nhà soạn kịch vào thế kỷ 17, do vậy mà đến 32 tuổi thì cô đột nhiên có thể viết kịch bản bằng tiếng Anh cổ.

Những danh nhân này đều đã công thành danh toại, họ không cần phải diễn trò huyền hoặc làm chi. Họ chấp nhận bị búa rìu dư luận gièm chê, báng bổ.... và dám đem

danh dự bản thân bảo đảm, dám công khai tuyên bố là mình nhớ đời trước. Tôi tin là họ rất chân thật.

Những chuyện lẻ tẻ vụn vặt có rất nhiều, chẳng qua tôi chỉ muốn cung cấp một số bằng chứng cụ thể, chia sẻ cho mọi người cùng hiểu mà thôi.

THIÊN NHÃN SỞ KIẾN

Khoảng cuối tháng 5 mùa hạ năm 1983, tôi đang ở tại nhà mình nơi Vancouver. Khi gặp anh L, tôi có thể nhìn thấy ba anh đang ở nhà ông, sức khỏe không tốt, tôi bảo anh L:

- Lệnh tôn bình thường ưa uống rượu, mỗi ngày nốc cả bình, hiện tại gan bị ung bướu.

Anh L kinh ngạc không tin, còn nói: Ba tôi không mê tín, nên sẽ không thêm tin câu đâu.

- Tôi thừa biết ông không tin tôi, mà cũng chẳng bắt ông ấy phải tin. Thế nhưng, lệnh tôn xưa đã có làm một việc đại thiện tích thành âm đức, nhờ vậy mà chư Phật, Bồ tát khiến tôi nhìn thấy, biết hết thiện hạnh của ông và bảo tôi cứu ông. Nếu các vị chẳng tin tôi, sao không thử đưa lệnh tôn đi khám bệnh? Sau khi chẩn đoán xong, các vị tìm tôi cũng được mà.

Anh L hỏi: Gia phụ đã hành thiện việc gì? Việc gia phụ làm chưa từng kể chúng tôi nghe, nên chúng tôi không biết được. Nếu cậu đã nói thế, thì hãy vui lòng kể rõ cho chúng tôi nghe có được chăng?

Tôi đáp: Tôi không báo cho anh biết, nhưng tôi có thể viết mấy chữ, anh cứ cầm về đưa lệnh tôn là được. Ông ta chỉ cần xem qua là sẽ hiểu ngay tôi muốn nói gì!

Thế là tôi viết trong mẫu giấy: “Khoảng 37 năm trước, nhị lão bá, đang làm tại pháp đình, đã vì một nữ tử tù chịu án oan mà ra tay rửa oan cho họ, khiến bà này có cơ may lật lại vụ án, được xử vô tội và phóng thích. Hạnh nhân nghĩa này của lão bá, đã cứu được cả nhà chín mạng người!

Anh L không tin, nói: Chúng tôi chưa từng nghe gia phụ kể vụ này!

Tôi bảo: Thì hãy cứ cầm về cho cha anh xem đi!

Mấy ngày sau, anh L gọi điện tới, giọng đầy xúc động lẫn kinh ngạc, bảo tôi:

- Bồi Đức! Sao cậu biết được vậy? Cha tôi cực kỳ ngạc nhiên, ông nói việc này chưa kể cho bất kỳ ai nghe! Vì sao cậu lại biết? Đây thực quá kỳ quái!

Tôi nói:

- Không có gì kỳ quái cả! Mình làm thiện hay ác đều có người biết hết! Tục ngữ nói:

Trên đầu ba thước có thần minh, nên bất kỳ ai tạo ác hay tạo thiện đều có Bồ tát biết! Khi lĩnh tôn làm việc thiện này, tuy người ngoại cuộc không ai biết, lĩnh tôn cũng chẳng hề kể công hay khoe khoang, nhưng chư Phật, Bồ tát biết rất rõ, đã khiến tôi dùng thiên nhãn xem. Hiện tại lĩnh tôn đang bị bệnh gan. Nếu ông không tích đức hành thiện thì sớm đã không trị được rồi.

Anh L bảo: Gia phụ nói việc này thậm chí cũng chưa từng kể mẹ tôi nghe. Chúng tôi là con, lại càng khó thể biết, hiện tại nhờ cậu viết ra, nên gia phụ mới thuật lại vụ này cho mọi người nghe, khiến cả nhà chúng tôi cực kỳ phấn chấn và xúc động!

Tôi hỏi: Thế lĩnh tôn hiện tại có tin chư Phật và Bồ tát chưa?

- Tin rồi! Tin dữ lắm rồi! Ông xưa nay vốn chẳng tin gì hết. Bây giờ thì đã chịu tin!

- Vậy anh mau đưa ông đến bệnh viện kiểm tra gan đi.

Một tuần sau anh L gọi điện nói:

Bồi Đức, bác sĩ chuyên khoa kiểm tra, xác nhận gia phụ bị bệnh gan, gia phụ muốn gặp cậu nói chuyện.

Tôi chắc chắn sẽ dốc sức giúp lĩnh tôn. Nhưng trước tiên, tôi có một yêu cầu: Xin ông nên cai hẳn thuốc và rượu!

Thế là bác V (cha anh L) hoàn toàn tín nhiệm tôi. Nhiều năm nay, bác sĩ kêu ông bỏ hút thuốc, bỏ uống rượu mà ông không nghe, bây giờ tôi khuyên, lập tức ông bỏ ngay. Ông còn thệ nguyện trường trai, giữ ngũ giới, quy y Tam bảo, thành là đệ tử ngoan của Phật.

Cả nhà anh L sau đó đến gặp tôi. Tôi khuyên Bác V hiện tại cần chú ý bảo dưỡng. Ông mạnh khỏe dần và gan cũng hết đau. Tôi dùng thiên nhãn xem, thấy tế bào ung thư gan đã ngưng phát. Đây thực là kỳ tích! Phật pháp quá nhiệm mầu.

Chuyện lạ này nhiều người ở Vancouver đều biết. từ đó gia đình Bác V trở thành bạn thân của tôi.

Bác V đến thăm, kể ra sự thực cho mười mấy khách tại hiện trường nghe. Ông nói hồi đó có một phụ nữ bị kết tội bán ma túy và bị tuyên án cực nặng. Sau khi ông điều tra kỹ, phát hiện bà này bị người đổ oan, bắt làm “dê tế thần” gánh tội thay cho họ, vì vậy ông đã dốc sức lật lại vụ án, xét xử công minh, cuối cùng thì tìm ra đúng phạm nhân và rửa sạch án oan cho người vô tội.

Bác V nói: Tôi cho rằng việc này là điều tất nhiên mình phải làm, không hề nghĩ đó là nghĩa cử hay chuyện đáng khoe, nên chưa từng kể ra cho bất kỳ ai nghe. Ngay cả vợ tôi cũng không biết đến việc này! Vụ án này

ngay chính các thành viên trong đoàn cũng rất ít người biết, nhưng không hiểu sao cậu lại tỏ tường như vậy?

Tôi cười đáp: Nhờ chư Phật, Bồ tát kêu tôi dùng thiên nhãn nhìn, thấy rõ bác năm đó tại pháp đình xét lại vụ án, rửa oan cho người...

Tôi thuật lại tỉ mỉ tình huống xảy ra 40 năm trước, rõ ràng như mình tận mắt chứng kiến, khiến Bác V kinh ngạc vạn phần, ông nói:

- Trời ơi! Chuyện này là đóng cửa thăm vấn đó! Nhưng sao cậu lại thấy được hết cả?

Ông công nhận là tôi mô tả hoàn toàn chính xác, rất đúng sự thực.

Ông hỏi: Nhưng có điều tôi không minh bạch, là tôi chỉ cứu một người, tại sao cậu lại nói là chín mạng?

Tôi đáp: Phụ nhân kia trong bụng đang mang thai, nếu bà chết tức nhiên tiêu hai mạng, chồng bà trong cơn buồn khổ cũng đã có dự tính: Sẽ thuốc chết hết toàn bộ 6 người trong nhà, rồi tự sát. Nếu như vụ án này không được ông ra tay rửa oan, thì có phải là chết hết chín mạng người hay không?

Bác V nói: Tôi có nghe nói là cả nhà bà sẽ tự sát, nhưng không hề biết là có tới chín mạng...

Ông lại nói tiếp: Việc này thật vô cùng kỳ quái! Là bí mật riêng của cá nhân tôi, không hiểu sao toàn bộ bị cậu nhìn thấy hết?

Tôi cười: Thiện ác gì cũng đều có chư Phật, Bồ tát, thần linh... nhìn thấu và cũng có phạm nhân biết đến nữa! Bác hãy yên tâm. Chư Phật, Bồ tát biết bác đã tạo âm đức lớn nên mới kêu tôi cứu bác, vì vậy chuyện bác bị bệnh không đáng ngại, bởi vì bác đã trồng thiện nhân, nên nhất định phải được thiện báo! Nhưng từ rày bác phải bỏ rượu, bỏ hút thuốc và phát thệ ăn chay trường giữ ngũ giới... thì thiện kia càng tăng và bệnh càng hồi phục tốt.

- Vâng! Tôi sẽ làm y như cậu khuyên! –
Bác V nói.

Mười mấy người tại hiện trường đều xúc động niệm Phật không ngừng. Tôi giải thích: Thiện ác đều có báo ứng, đây là một phần trong quy luật vũ trụ. Thông qua câu chuyện này, tôi khuyên mọi người nên tin nhân quả, nên hành thiện thật nhiều. Không những tự mình hành thiện mà còn phải khuyên người tin nhân quả. Đừng ỷ mình nổi danh hoặc có học vấn cao rồi ngã mạn tự kiêu, cho nhân quả là mê tín. Như trước đây có một đại minh tinh kia, tự cho mình là hạng trí thức khoa học, nông cuồng lợi dụng truyền thông, truyền hình điện ảnh, tuyên bố bác nhân quả luân hồi và nói:

- Chỉ có hạng ngu khờ mới tin thuyết thiện ác báo ứng! Lời tuyên bố như thế không những tự hại mình, còn làm hại đến bao người, khiến họ bị tiêm nhiễm tà kiến, sống lầm lạc theo, đây là đại tội rất nặng!

Bà K bị bệnh nặng, sau đó, con trai bà nhờ tôi dùng thiên nhãn xem bệnh cho bà. Khi tìm ra căn nguyên bệnh, tôi hướng dẫn cách điều trị và khuyên bà nên niệm “Nam mô Quan Thế Âm Bồ tát”, cầu Ngài gia trì, bởi bệnh của bà không nhẹ, có thể nguy hiểm tính mạng.

Nhưng may mà bình sinh bà K có làm một việc thiện, nhờ nhân lành đó mà có thể cứu bà. Nếu không e bà đã sớm ly trần rồi.

Tôi nói: Việc thiện này chỉ có người chồng đã mất và bà biết. Tôi nhìn thấy rõ cảnh bà cầm tiền giúp cho dì A đang mắc bệnh nặng được đến bệnh viện chữa trị. Do dì A bị bệnh mà gia cảnh quá nghèo, nếu không được bà K tặng tiền cho thì dì A sẽ bị đói và chết vì bệnh. Nhờ bà K kịp thời xuất tiền giúp đỡ nên đã cứu mạng được ba mẹ con! Sau đó bà còn chu cấp cho cả nhà dì A, khiến họ thoát cảnh bị chết đói nơi đầu đường xó chợ và cũng không bị chết nơi vùng có lính Nhật chiếm đóng!

Khi nghe tôi kể bí mật này, bà K đã kinh ngạc, xúc động đến rơi nước mắt, bà nói:

- Bồi Đức! Cậu nói hoàn toàn đúng! Việc này xảy ra khi Nhật chiếm Hương Cảng, thế nhưng lúc đó cậu còn chưa chào đời, mà cậu cũng đâu có quen tôi, vì sao lại biết rành rọt như vậy? Cậu đúng là có đại thần thông!

Tôi cười: Một niệm thiện cảm động trời đất, do bà trồng thiện nhân nên nay được thiện quả!

(Thực ra có rất nhiều chuyện chứng minh nhân quả báo ứng vận hành rất chuẩn; cũng có nhiều chuyện những người làm ác gặp báo ứng xấu. Nhưng tôi không kể chuyện người xấu ra đây làm chi. Tôi chỉ kể vài chuyện của người tốt để chứng minh thiện ác đều có quả báo mà thôi).

Mong quý vị chú ý nên xem thường những chuyện tôi kể, ***xin hãy lưu tâm dứt ác hành thiện, luật nhân quả vận hành trong vũ trụ chính là để duy trì nếp sống hòa bình trật tự, bảo tồn tâm lý gìn giữ đạo đức chuẩn mực cực mạnh cho nhân loại, đem lại hạnh phúc cho mình và người.***

Hãy nghĩ xem, tất cả việc thiện ác quý vị làm, ngay cả tôi là phàm phu mà còn nhìn thấy, vậy thì vô số thần giám sát và ma quỷ cũng nhìn thấy, nói gì đến chư Phật, Bồ tát? Các ngài đều thấy rõ mồn một.

PHẬT DƯỢC SƯ LINH DIỆU THẦN KỲ

Vào năm 1983, tôi không còn bị dị ứng phấn hoa và thoát khỏi các chứng dễ mẫn cảm lâu năm! Tôi có thể đi lang thang trong vườn hoa nở đầy màu sắc mà không bị hắt hơi hay chảy nước mũi, nước mắt, dầu có hái hoa gửi cũng không sao!

Thông thường vào mùa xuân, hạ... tôi vốn dị ứng phấn hoa nghiêm trọng nên hay bị khó thở, hắt hơi cả ngày, nước mắt nước mũi chảy đầm đìa, các bác sĩ nói vô phương giúp tôi chữa trị tận gốc, bởi dầu tôi có dùng thuốc thì cũng chỉ hết tạm thời thôi rồi sau đó bệnh lại nặng hơn! Và lại tôi còn bị lờn thuốc, phải uống tăng “đô” lên, nếu không thì chả có hiệu lực.

Tôi biết rằng đây không phải là cách trị lâu dài, tôi cũng lo là thuốc sẽ có tác dụng phụ, gây ra bệnh tim, nên quyết định áp dụng cách khác: Đó là cầu cứu Phật Dược Sư! Tôi cũng giống như mọi người: Bình thường không siêng lễ bái, chỉ khi gặp chuyện nguy cấp mới chịu chạy đến ôm chân Phật (nghĩa là đợi đến khi bệnh nặng phát tác, thì đến lễ cầu Ngài).

Phật Dược Sư có tên đầy đủ là: “Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai” Trong kinh ghi

rằng: “Về phía Đông cách đây hơn mười hà sa côi Phật, có thể giới nổi tiếng tên Tịnh Lưu Ly, Phật côi đó tên Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai ... lúc hành đạo Bồ Tát Ngài đã phát ra mười hai đại nguyện, khiến các loài chúng sinh đều được cứu...”

Trong kinh Dược Sư, có nhiều điều đáng chú ý:

Thứ nhất, nếu người phạm giới, nghe tên Dược Sư thì được thanh tịnh.

Thứ hai, người cầu sinh Tây phương Cực Lạc thế giới, nếu được nghe và chí thành niệm Phật Dược Sư Như Lai, thì lúc lâm chung sẽ có tám vị Bồ tát dẫn dắt chỉ đường, liền sinh trong hoa sen côi ấy.

Hiện đời dù gặp có đủ ách nạn, nếu chí thành niệm, tụng Ngài ắt sẽ được tiêu trừ, vì vậy mà tôi thường khuyên người nên tụng kinh, chú Dược Sư và trì niệm danh hiệu Ngài.

Trong côi của Phật Dược Sư không có hoạn tử, không có chư quỷ thần ác đoạt tinh khí.

Nếu có người đem đủ thức vi diệu cung kính cúng dường Dược Sư Như Lai, thì các tướng ác mộng bất tường, đều biến mất và dù mắc bệnh nan y hay bị đao độc, nước lửa, bị ác cảnh khủng bố... thấy đều được thoát. Nếu có nữ nhân lúc sắp sinh, thọ đủ khổ đau, nếu có thể chí tâm niệm danh lễ

tán, cung kính cúng dường Phật Dược Sư thì các khổ đều trừ, đứa con sinh ra tướng mạo đầy đủ, hình dung xinh đẹp.

Nếu muốn thoát bệnh, khổ, thì nên trong bảy ngày đêm, thọ trì trai giới, lễ bái cúng dường Dược Sư Như Lai, tụng đọc kinh này 49 biến, có thể thoát ách nạn, không bị chư ác quỷ quấy phá.

Nếu người bị bệnh dù nhẹ, nhưng do không chữa trị, uống thuốc, nên lẽ ra không đáng chết mà bị chết oan, hoặc do họ có thú vui ưa săn bắn, mê dâm, ham nhậu, phóng dật vô độ... mà bị hoạn tử, nên cần phải phóng sinh, trì niệm Dược Sư Như Lai, và tụng 49 biến kinh sẽ được thoát nguy.

Tôi thừa biết Dược Sư Như Lai thần uy linh diệu, giống như Bồ Tát Quán Thế Âm có nguyện phổ độ cứu khổ, nhưng tôi thường viện cớ bận rộn, ít lễ bái Phật Dược Sư.

Hơn một năm nay, tôi chuyên trì niệm danh hiệu Dược Sư Như Lai và tụng kinh Dược Sư mỗi ngày bảy biến. Qua sáu tháng, nhiều lần tôi được đức Dược Sư Như Lai khai thị và biết chọn thức ăn để tự chữa lành cho mình.

Đến mùa xuân này, tôi đã dần hồi phục, hiện thời không còn bị dị ứng, hơn nữa thân thể mạnh khỏe giống như luôn được một ngọn lửa sáng lấp lánh chiếu rọi,

cơ thể thường ấm, dù ở nơi có tuyết rơi dày đặc

Một số nhà tâm linh có thể nhìn thấy phía sau não và toàn thân tôi phát ra ánh lửa và nhiệt năng. Khách đến thăm, thường than nhà tôi quá Lạnh (vì không mở lò sưởi), trong khi khách thấy lạnh đến mặc mấy lớp áo len, áo khoác da, mà vẫn còn run lẩy bẩy thì tôi thì vẫn tỉnh bơ như không có gì xảy ra, đôi khi tôi còn cảm thấy toàn thân “quá nóng”, nhìn mọi người phát run và rên hừ hừ lạnh, tôi chỉ thấy mình nóng tới đổ mồ hôi!

Lúc tôi tĩnh tọa, thường thấy thân phát nhiệt, chiếu ánh lửa, soi sáng cả thất, tôi không có học công phu tĩnh tọa của Đạo gia, cũng chưa từng cầu thông khí đả mạch chi, cũng không màng đến luyện hỏa hầu gì, tôi cũng không quán tâm, không đếm hơi thở, cũng không đoạn tưởng tuyệt niệm, cũng không cưỡng ép phải ngồi lâu, muốn tĩnh thì nhiếp tâm, ngay cả trong khi tản bộ, thì trong nháy mắt đã nhập định, có thể cùng người trò chuyện, vừa nhập định, tuy vẫn cùng người giao thiệp... công phu tĩnh tọa của tôi là vô sở cầu, tất cả thuận theo tự nhiên, nên gọi tắt cả tùy duyên, đây là tọa pháp của tôi.

Vâng, tôi không vọng cầu, cũng không tham vọng thành đạo hay làm Bồ Tát gì cả. Tôi ngồi, đứng hay đi bộ, đều có thể nhập

định. Chỉ là bản thân tự thông dong thôi, tôi chưa từng cố cưỡng ép hay mong cầu mình phải có ngũ thông, tôi cảm thấy mình làm một người bình thường đã nguyện rồi, được biết đến và kính tin Phật pháp, biết tu hành thì đã là hạnh phúc lắm rồi, tôi đâu cần phải cầu chi nhiều?

Lúc niệm Phật tôi cũng không đếm chuỗi, càng không quan tâm mình đã niệm được mấy vạn? Tôi thường nói với bạn bè: Niệm Phật, trì danh Đức Phật thì tâm nghĩ Phật là chính, nếu quá chú trọng đến số hạt, chẳng phải là đã tự bỏ gốc theo ngọn hay sao? Đếm chuỗi là phân tâm, khiến ta không thể chuyên chú niệm Phật, trừ phi bạn có thể niệm Phật mà tâm bất tại trên châu.

Tôi là thiền hoang dã, tự nhiên, không cần lên các thiền phòng tao nhã, tôi không sợ lạnh, toàn thân thường nóng, hỏa quang tự xuất hiện, luôn cảm nhận mình được chư Phật, Bồ tát gia bị. Có Đức Dược Sư Như Lai chúc phúc cho tôi, cũng là rất tuyệt rồi.

Trải qua hơn sáu tháng công phu, tôi càng tin sâu vào hiệu quả thần kỳ của kinh Dược Sư, càng chí thành bái tụng Dược Sư Như Lai.

Có một số bạn bè Phật giáo, Ki tô giáo và Đạo giáo đến thăm, trong đây có vài người bị bệnh, đã yêu cầu tôi dùng nhiệt

năng của mình trị bệnh (họ cảm thấy ngón tay của tôi phóng ra nhiệt năng), nhưng tôi vẫn không dám vọng dùng vì bản thân chưa hiểu rõ những tia xạ tuyến nhiệt năng này, nên tôi sợ sẽ không trị lành bệnh mà thành đốt cháy họ, vì vậy đến nay tôi vẫn từ chối, không dám sử dụng tia nhiệt phóng xạ này để điều trị cho người (loại nhiệt này tất cả mọi người đều có, khác chăng là mạnh hay yếu mà thôi).

Hiện tại tôi thường khuyên người bệnh nên niệm Dược Sư Như Lai và tụng kinh Dược Sư. Tôi chỉ có thể vì họ trì niệm chân ngôn Dược Sư trong lòng mà hỗ trợ ngầm thôi. Tôi thường nói: “Bạn muốn mời tôi chữa bệnh, chi bằng hãy trì niệm Dược Sư Như Lai, vì ngài có đủ sức mạnh vĩ đại để chữa bệnh cho bạn!”

Tôi có thể nhìn xuyên thấu vào nội tạng xương cốt người, nhưng tôi không thể chữa bệnh. Hiện nay tại khắp Hong Kong và Đài Loan luôn có người tìm đến yêu cầu tôi điều trị bệnh, sự chân thành của họ làm tôi cảm thấy xấu hổ, khá nhiều thư gửi đến, tôi cũng không thể hồi đáp hết. Tôi không thể từ sáng đến tối cứ viết thư hồi âm bất tận, trong khi tôi chỉ là một tác giả nghèo, một du dân vô nghề, không có thư ký viết thay.

Hiện tại nhà tôi đêm ngày đều có người đến nhờ khám bệnh, nửa đêm cũng có nhiều cuộc gọi từ nước ngoài đánh thức tôi, thăm vấn cát hung, phòng chẩn khám nhà tôi đến nửa đêm khách vẫn còn đông nghẹt chờ đợi tại sảnh, họ ngồi chờ bốn năm tiếng, là chuyện rất thường.

Tôi chỉ có một kiến thức dinh dưỡng rất nhỏ để giúp mọi người chăm sóc sức khỏe, chứ không có khả năng chữa ung thư! Cũng không thể chữa bệnh tâm thần, nhất là không thể giúp những người bị quan yếm thế, suốt ngày nuôi ý muốn tự sát! Vấn đề của họ, phải do chính họ tự chấn chỉnh để giải cứu bản thân! Nếu họ không cố gắng phấn đấu, thì kể cả Đức Phật cũng không thể cứu họ. Nếu họ chịu trì niệm danh hiệu Dược Sư và chí thành tụng kinh Dược Sư. Tôi tin chắc chắn sẽ có hiệu lực!

Rất nhiều người ở Hồng Kông Đài Loan, Canada, Hoa Kỳ nhờ chịu nghe theo lời tôi khuyên chí thành trì niệm danh Dược Sư Như Lai, họ đã gửi thư tới báo tin là mình dần dần cải thiện được tình hình! Cũng khoe là đã hồi phục khang kiện!

Bản thân tôi cũng nhờ Phật Dược Sư Như Lai gia hộ, mà trị lành chứng dị ứng mẫn cảm.

Một đại đức ở Hồng Kông, cũng nhờ trì niệm danh hiệu Dược Sư Như Lai mà dần khỏi bệnh.

Ngoài ra có hai bệnh nhân tâm thần khác, nhưng cũng nhờ trì niệm danh hiệu Dược Sư Như Lai mà tình huống chuyển tốt. Có một bệnh nhân ở Vancouver bị bưôu não, đã nghe những lời khuyên của tôi, nên chí thành trì niệm danh hiệu Dược Sư Như Lai. Mấy tháng sau đó, khối u não đã biến mất.

Có một người Tây phương bị bệnh phổi thời kỳ đầu, tôi khuyên ông nên tụng kinh Dược Sư. Sáu tháng sau bệnh không còn nữa...

Nếu tôi nêu lên từng người trong bài viết này thì vô phương kể hết. Tóm lại, là tôi có nhiều bằng chứng nhiều đến không thể tường thuật lại, nhưng đủ để tin chắc là uy lực chữa bệnh của Đức Dược Sư Như Lai rất hiệu nghiệm, thần kỳ vĩ đại!

Vì vậy, tôi chân thành xin khuyên chư độc giả:

Nếu có nguy ách khổ nạn chi, thì niệm Bồ Tát Quán Âm, còn bị bệnh hoạn và đau đớn, cũng có thể cầu Bồ tát Quan Thế Âm hay Phật Dược Sư.

Bạn phải chịu khó cầu chư Phật, Bồ tát, thì mới được lợi ích. Đã bị bệnh, tất nhiên

là phải thỉnh lương y điều trị, cũng cần niệm Dược Sư Như Lai gia hộ cho. Cho dù bạn bình thường không bị bệnh, song cũng nên siêng trì niệm Dược Sư Như Lai, cầu Ngài gia trì thân tâm bạn khang kiện bình an. Kinh Dược Sư cũng chẳng dài và không khó tụng, vì sao bạn chẳng chịu tụng cho nhiều?

DANH Y VÀ TÔI

Tôi quen nhiều bác sĩ, Tây lẫn Đông y, không phải do tôi hay đến bệnh viện khám mà do các bác sĩ thường xuyên đến thăm rồi trở thành bạn tôi.

Do có nhiều bác sĩ tìm đến giao lưu trò chuyện, nên tệ xá của tôi ngoài việc được xem như là “Câu lạc bộ Phật giáo” ra, còn có thêm tên gọi khác là “Câu lạc bộ bác sĩ”. Tên này nghe có vẻ khoa trương đấy, nhưng nếu tôi nói là: Các bác sĩ đến mục đích là để nhờ tôi giúp để họ có thể chẩn khám bệnh tốt hơn, thì lại càng khiến người khó tin hơn nữa.

Nhưng quả thực là thế đấy, các bác sĩ siêng năng viếng nhà tôi, một số thì gặp tôi để bàn về Y học, Khoa học hay Phật học, còn số khác thì nhờ tôi phụ chẩn đoán giúp họ những chứng bệnh lạ lẫn các bệnh linh tinh, cũng có những bác sĩ khác đến mục đích là xin tôi chẩn bệnh cho họ.

Nhà tôi bác sĩ ghé nhiều tới nỗi mỗi lần có người muốn gặp tôi đã lo gọi điện trước cho tôi và hỏi:

- Bác sĩ Phùng có nhà không ạ? Tôi có thể xin cuộc hẹn với ngài không?

Tình huống này đương nhiên không nhiều, chỉ xảy ra vài lần. Tuy bị người hiểu nhầm thân phận, nhưng tôi không phiền, trái lại, còn cảm thấy được ưu ái quá mức. Hãy nghĩ xem, tôi chưa chưa thọ qua đại học chánh quy nào, chưa trải qua bảy năm Y khoa, mà vẫn được gọi là bác sĩ, há chẳng phải là được người tôn cao quá sao? Cái kiểu hiểu nhầm này, so với việc nhầm tôi là lang băm, thầy bói hay là thuật sĩ giang hồ quả có khác xa lắm.

Tất nhiên, tôi không hề mạo nhận mình là bác sĩ. Khi bị người gọi nhầm, tôi luôn đính chính mình không phải là bác sĩ. Những lúc đó người nghe thường tỏ vẻ rất kinh ngạc, hỏi lại: Sao hả? Ngài không phải là bác sĩ ư? Nhưng ai cũng nói ngài là “Thần y ba mắt”, đến nỗi ngay cả bác sĩ cũng phải đến nhờ ngài khám bệnh cho nữa kia mà?

Đây đúng là lời khen quá mức, tôi không học qua Y khoa cũng không hiểu Y thuật, sao dám nhận danh là Thần y?

Vâng, đúng là có một số bệnh nhân đến tìm tôi, tôi vì họ cầu Bỏ Tát Quán Âm

và được Bồ Tát gia hộ, khiến họ được khỏe mạnh. Những bệnh nhân được cứu này có rất nhiều, bao gồm những người bị ung thư và bệnh tim, tóm lại là những người mắc đủ các chứng bệnh. Nhưng đây không toàn là công lao của tôi, mà cũng nhờ bệnh nhân có lòng tin và kiên trì chịu niệm cầu Bồ Tát Quán Thế Âm gia hộ nữa, nên họ mới được cảm ứng. Nếu không thì những lời khuyên về dinh dưỡng của tôi vẫn chưa đủ để chữa lành bệnh họ đâu.

Nhắc đến ba mắt, có người sẽ tưởng tượng rằng: Tôi giống như Nhị Lang Thần? Không phải vậy đâu! Quả thực tôi có sử dụng ba loại mắt là: Thiên nhãn, Pháp nhãn và Huệ nhãn để quan sát, nhưng đó không phải là ba con mắt giống như Nhị Lang Thần mà người ngoài có thể nhìn thấy. Đây chỉ có thể giải thích là: Siêu cảm! Siêu cảm này xuất phát từ giới định huệ nhà Phật mới có được.

Người thế tục có một số tuyên bố là: Nếu luyện tập theo thầy Khí công thì có thể khai mở thiên nhãn, một số khác thì khoe: Đạo thuật của họ có thể khai mở thiên nhãn...

Lại có người nói: Thôi miên cũng mở được thiên nhãn! Nhưng những "loại thiên nhãn ngoại đạo" này đều không phải là sở tri của tôi, bởi tôi chưa từng học gì từ nơi ngoại

đạo. Con mắt thứ ba của tôi, là xuất phát từ giới, định, huệ của nhà Phật.

Có rất nhiều người năn nỉ, yêu cầu tôi hãy truyền dạy thiên nhãn cho họ. Nhưng tôi không nghĩ thiên nhãn có thể học được! Bởi Thiên nhãn của Phật giáo tuyệt không thể truyền thọ hay học, vì Pháp nhãn, Huệ nhãn, Thiên nhãn cùng Phật nhãn tối cao của nhà Phật đều từ giới định huệ mà có.

Nhưng dầu tôi có nói gì, mọi người cũng không chịu tin, ngược lại còn hiểu nhầm, cho rằng tôi ích kỷ giấu bí pháp nên chẳng chịu truyền dạy, tôi đành phải khuyên họ nên đọc nhiều kinh điển Phật giáo, rồi sẽ hiểu.

Còn chuyện xem bệnh cho các bác sĩ thì điều này quả là có thực.

Vào năm 1983, có một vị bác sĩ nhãn khoa quốc tế nổi danh khắp thế giới từ Hồng Kông gửi thư qua, xin tôi khám mắt cho bản thân ông và hỏi ý tôi về cách điều trị. Vị danh y này rất khiêm tốn, không hề sợ mất thể diện khi hỏi. Lời lẽ trong thư ông viết rất nhã nhặn, không vì mình là bác sĩ nổi danh mà tự kiêu tự mãn, ông còn xưng là fan, là độc giả trung thành của tôi. Đủ thấy ông thuộc loại người “càng học cao càng khiêm tốn”. Ông khiến tôi phải khâm phục và tự cảm thấy xấu hổ. Tôi không bao giờ tưởng được là có một vị bác sĩ nhãn khoa lừng danh quốc tế

lại năn nỉ cầu xin tôi khám mắt cho ông. Tôi cũng thấy rất hổ thẹn nên cung kính viết thư hồi âm cho ông, nhiệt tình cung cấp ý kiến, mong có thể giúp ông phần nào.

Năm nọ, có ông Y là một bác sĩ người Tây phương nổi danh khác, ông ở Hồng Kông, đã tìm đến tận nhà, nhờ tôi dùng thiên nhãn để “thấu thị” giúp tình hình nội tạng của ông. Vị danh y này là Viện trưởng một bệnh viện, cũng từng hành nghề tại Canada, mặc dù chưa gặp nhau bao giờ, nhưng tôi đã nghe rất nhiều về đại danh vang dội của ông. Ông khiêm cung như thế, đã đích thân tìm đến nhờ tôi dùng khả năng thấu thị giúp cho, tôi vui vì thấy mình được ái mộ quá mức, nên đã chăm chú thấu thị giúp ông. Khi tôi đóng nhục nhãn lại, mở thiên nhãn ra thì tôi nhìn thấy cơ thể của bác sĩ Y rõ ràng giống như nhìn qua kính lưu ly, tôi không cần hỏi ông câu nào mà vẫn có thể mô tả tỉ mỉ những gì đã thấy cho ông biết.

Bác sĩ Y rất ngạc nhiên, ông im lặng lắng nghe tôi nói một hơi đến hết rồi bảo:

- Cậu định bịnh hoàn toàn chính xác, hoàn toàn giống như các báo cáo kiểm tra sức khỏe gần đây của tôi! Quả thực đáng kinh ngạc và kỳ diệu không thể nghĩ lường! Làm thế nào mà cậu học được diệu môn thần kỳ như thế?

Tôi đáp:

- Không phải học đâu ạ! Đây chỉ là khả năng bẩm sinh, nhờ vào giới định của Phật giáo mà có được.

Và tôi giới thiệu Phật pháp với ông ta.

Bác sĩ Y không phải là Phật giáo đồ, ông theo đạo Cơ Đốc và xuất thân từ một trường đại học Y khoa nổi tiếng của Mỹ. Nhưng ông không hề có thành kiến xấu và hoàn toàn chấp nhận cuộc thấu thị chẩn đoán, cũng như việc giới thiệu Phật pháp của tôi.

Sau đó, ông còn đưa vợ và ba cô con gái cùng cậu con trai đến gặp tôi, nhờ tôi thấu thị cho họ. Tôi không có thời gian để hỏi gì, chỉ nhắm mắt hành sự và miêu tả tỉ mỉ bệnh tật của từng người. Tôi không thể tiết lộ những điều riêng tư của họ nơi bài viết này, nên không ghi bệnh trạng của họ ra đây.

Sau khi thấu thị xong. Bác sĩ Y rất hài lòng về tôi, ông tán thán không ngớt lời, thái độ hết sức chân thành, không có vẻ gì là khách sáo đầu môi. Vợ ông nói: Chồng tôi thuở giờ chưa từng khen ai, ông không phê bình hay chê trách là may lắm rồi! Nhưng hôm nay phải nhìn nhận là ông ấy quá ngưỡng mộ cậu!

Con trai bác sĩ Y là anh A, mười chín tuổi, dáng người cao, dung mạo tuấn tú khôi ngô, thuộc hạng tuổi trẻ tài ba. Lúc tôi thấu thị cho anh ta, thấy anh không có bệnh chi, nhưng tôi vừa nhìn xuyên qua lớp cổ áo sơ mi thì phát hiện phía sau gáy anh có một khối u nhỏ nằm chìm trong da. Tôi đoán là từ hồi anh chào đời đã có khối u bẩm sinh lành tính này rồi và tôi tả rõ điều đó.

Bác sĩ Y nói: Hoàn toàn chính xác! Nó sinh ra đã có khối u nhỏ này rồi, do tôi thấy lành tính nên mới không phẫu thuật cắt bỏ chi.

Anh A phát biểu: Khối u này nằm chìm trong da, không hề nhô lên vậy mà ngài cũng nhìn thấy được, quả là thần kỳ, đáng để thọ giáo đó!

Tôi trả lời: Không có gì thần kỳ cả, Trong Phật pháp, đây chỉ là một kỹ năng nhỏ bé mà thôi, còn có nhiều điều hay lớn lao hơn, rất đáng cho chúng ta học.

Tôi giới thiệu một số sách nhập môn Phật giáo cho cả nhà họ xem và đích thân nấu các món chay thết đãi. Trong tiệc chúng tôi bàn nhiều Phật lý, tôi còn mách họ là Chủ Nhật này tại chùa Phật Ân có giảng kinh.

Gia đình bác sĩ Y bèn đến chùa Phật Ân theo tôi, tôi mời họ ngồi ở hàng ghế đầu, trước lúc khai giảng, tôi trân trọng giới thiệu những vị khách quý này cùng mọi người.

Thính chúng đều vỗ tay, nhiệt liệt hoan nghênh chào đón họ!

Cả nhà bác sĩ Y liền đứng lên, đồng mỉm cười cúi đầu chào đáp lễ trước tiếng vỗ tay của hơn hai trăm người. Rồi họ ngồi đó, chăm chú nghe tôi giảng kinh A Di Đà, tôi dùng khoa học vũ trụ hiện đại để giải thích kinh điển Phật giáo, tôi cố tình chọn bản kinh này cho cả nhà bác sĩ nạp thọ đầu tiên, vì đây là một bản kinh Phật thường bị cho là rất mê tín. Nhưng bằng khả năng thiên nhãn của mình, tôi thấy rất chính xác, thực tế và hoàn toàn không có gì huyền bí.

Một số người mới biết sơ về khoa học lạc hậu thì vội vã đoán và đưa ra tuyên bố phủ định tất cả hiện tượng siêu nhiên, tùy tiện phủ nhận tất cả.

Một số Phật tử cũng hiểu sai về ý “bất chuộng thần thông” mà Phật thuyết và cho rằng không thể giảng thần thông, họ còn quan niệm rằng: Không giảng về siêu nhiên mới là hoằng dương Phật giáo...

Đây toàn là uốn thẳng thành cong. Vì mục đích Phật pháp là tế khổ độ nguy, nếu như chúng ta có thể từ giới định của Phật giáo, sở đắc chút trí huệ nhỏ rồi dùng đó chẩn đoán căn nguyên nhân quả bệnh tật cho người, giúp người thoát khổ nạn, thì rất dễ dàng hướng

dẫn họ đến với tín ngưỡng Phật giáo, thực hành từ bi, điều này có gì không đúng?

Một số người không ngừng đả kích, phê bình tôi là hạng tác yêu tác ma! Nhưng ngẫm lại họ đã đem lợi ích gì cho nhân thế? Chẳng phải họ đang tạt đổ với những cống hiến nhỏ nhoi của hạng tu hành thấp bé như tôi hay sao? Nếu không thì họ cần chi phải tốn nhiều nước bọt, dùng toàn lời ác ý không lành phê bình công kích tôi ?

Suốt ngày họ dựa vào học vấn và cho mình làm vậy là cứu toàn thế giới ư? Họ dựa vào những việc giảng triết luận huyền, toàn thuyết triết học bí ẩn, mà kể cả những điều họ đang rao giảng thậm chí chính họ cũng không thể hiểu nhưng lại kết luận đó là pháp hay độ thế nhân. Thế nhưng người thời nay khó mà tiếp nhận những kiểu giáo hóa này!

Tôi sẽ không vì những người trách mắng bài xích này mà chịu khuất phục. Bởi Phật pháp có tám mươi bốn ngàn pháp môn, mỗi người có nhân duyên và phương tiện tiếp dẫn riêng, họ làm cách của họ, tôi áp dụng kiểu riêng tôi, đâu liên can nhau! Tôi không tuyên bố phương pháp giáo hóa của mình là tốt nhất và cũng không hề phản đối cách của người, tôi chỉ nêu quan điểm của riêng tôi thôi.

Giống như bác sĩ Y nói trên, khi ông nài xin tôi thấu thị, rồi thông qua việc này mà chịu nghe lời khuyên của tôi để bước vào học Phật, chăm chú nghe giảng Kinh, chịu khó nghiên cứu kinh điển Phật giáo rồi sau đó ông phát nguyện làm rất nhiều việc từ thiện khám chữa miễn phí, bố thí giúp đỡ cho vô số bệnh nhân nghèo. Điều này, khiến tôi cảm thấy mình đã không hề làm sai.

Bác sĩ Y và vợ con ông thuộc thành phần trí thức cao cấp, nếu không nhìn thấy hiệu quả vi diệu từ giới, định, huệ của Phật pháp, thì chắc chắn sẽ không dễ dàng tiếp nhận và chịu nghiên cứu Phật lý, cho dù các giảng sư Đại học Phật giáo có thuyết phục bằng vô số triết lý, cũng chưa chắc ông chịu nghe.

Có một nữ bác sĩ khác, đã vượt đường xa vạn dặm từ New York đến thăm tôi, trước đó tôi không hề biết cô ta là bác sĩ.

Nguyên là vào mùa hè năm 1984, Tổng biên tập Nguyệt san Nội Minh tại Hồng Kông là bác Trầm Cư Thành đã viết thư cho tôi, kể rằng có người bạn thân là ông Frank, muốn cầu tôi giúp cho hai việc là: Một, xem giùm tình trạng bệnh của vợ và bạn thân ông ta. Cả hai bệnh nhân này đều đang sống ở Hồng Kông. Trong thư bác Trầm có ghi đủ địa chỉ và họ tên, song không kể rõ chi tiết tỉ

mỉ mà cũng không hề đính kèm bức ảnh nào của họ cho tôi xem để dễ dàng làm việc.

Tôi biết bác Trầm chẳng có ý muốn thử tôi, chỉ vì bác không có ảnh hoặc tư liệu của hai bệnh nhân này. Nhưng vô tình đã làm tôi cảm thấy rất khó khăn, hầu như hoàn toàn vô phương quan sát.

Theo thông lệ, nếu ai muốn nhờ tôi xem bệnh từ xa, thì ít nhất họ phải gửi ảnh kèm theo, như vậy tôi mới dễ làm việc. Tôi sẽ nhìn tình trạng cuộc sống họ thông qua bức ảnh chụp toàn thân gần nhất, tôi không ưa họ gửi các tấm ảnh chỉ chụp cái đầu, nhất là những ảnh cũ kỹ ố vàng chụp từ mấy mươi năm trước, vì sẽ khiến tôi rất khó nhìn, khó phân biệt rõ tình trạng sống chết, do thời gian họ chụp cách hiện tại quá xa nên phán đoán sẽ khó chính xác.

Lần này họ nhờ khám bệnh từ xa mà ngay cả hình cũng không có, mà tôi đâu có rành gì Hương Cảng? Bởi tôi đã rời khỏi nơi đó hơn ba mươi năm rồi. Hiện thời Hương Cảng đã thay đổi rất nhiều, bảo tôi đi đâu mà tìm họ đây?

Bác Trầm là người lấy bài tôi đăng đã nhiều năm, có thể nói bác chính là người đề bạt, nâng đỡ tôi; nên hẳn là việc bác giao phó, tôi luôn dốc sức tận lực. Tôi biết bác không bao giờ tùy tiện giới thiệu hay gởi đại người, vì vậy bây giờ tôi chỉ còn nước đành phải thử

một phen, cố lần mò quan sát từ những gì mình có được vậy.

Tôi vừa nhận được thư xong, thì tối đó từ nước ngoài bác Trầm gọi đến. Tôi và bác thuở giờ chưa từng gặp mặt, hơn mười năm nay chỉ có giao lưu qua văn thư. Đây là lần thứ hai bác nói chuyện điện thoại với tôi. Nghe qua điện thoại giọng bác hào sảng mạnh mẽ, tôi nhìn thấy thần sắc bác đang khang kiện, trong lòng tôi rất vui.

Tôi nói: A lô! Xin chào bác Trầm!

- Bồi Đức huynh! (Bác Trầm rất lịch sự nên gọi tôi như thế). Thư tôi gửi huynh nhận được chưa? Ông F bạn tôi muốn nhờ huynh giúp đỡ... xem giùm tình huống hai người kia.

- Dạ tôi nhận được thư rồi, hiện đang xem xét, do không có hình gửi kèm nên việc quán sát thấu thị cũng rất khó khăn...

- Vậy hả? Để tôi bảo họ gửi ảnh qua...

- Không cần nữa, vì bưu điện chậm chạp lắm. thôi thì tạm thời tôi phải cố thử xem mình có thể xuất thần tìm đến chỗ người bệnh không, có địa chỉ thì cũng đỡ rồi.

Vậy phiền anh nhé.

-Tôi chỉ thử thôi, nên không chắc chắn lắm đâu, nếu tìm ra được tôi sẽ hồi âm cho bác. A! tôi đã nhìn thấy rồi, trong lúc tôi đang điện đàm thì nhìn thấy hai bệnh nhân này. Thế là tôi mô tả liền:

- Bệnh nhân nữ thì đang bị ung bướu, nhìn giống như bà ta đã phẫu thuật rồi và hiện thời tính mạng không còn nguy hiểm nữa. Do gia đình bà đã tích đức tạo thiện rất nhiều, chính nhờ vậy mà được chư Phật, Bồ tát gia trì bình an. Còn tiên sinh K tôi thấy ông khoảng hơn bốn mươi tuổi, chứng ung thư đã phát tán toàn thân, xâm nhập lên não rồi. tôi thấy rõ ông K này bị trả quả kiếp trước chứ không phải lãnh báo của đời này, tôi e là ông K khó qua khỏi năm nay!

Bác Trầm nói: Tôi cũng không biết họ bị bệnh gì, bởi chưa từng gặp qua họ. Nhưng theo anh xem xét thì tính mạng ông K sẽ bị nguy hiểm? Vậy có cách gì cứu được ông ấy không?

- Tôi sẽ viết thư kể chi tiết cho bác sau. Đừng tốn phí quá nhiều cho cuộc gọi ngoài nước như thế này. Tôi sẽ dốc sức làm hết những gì mình biết và góp ý để họ tham khảo.

Để phòng ngừa tôi chẩn đoán sai, bác Trầm đã yêu cầu ông F phải gửi gấp hai bức ảnh của bệnh nhân đến chỗ tôi. Tôi vừa nhìn hình, thì thấy quả đúng như vậy. Chính là hai người này! Tôi bèn viết thư hỏi âm ghi rõ chi tiết.

Sau đó, ông F đánh điện tín cảm ơn tôi.

Nửa năm sau, ông từ New York đến thăm, dẫn theo vợ và con gái.

Tôi mời những vị khách sơ ngộ này dùng chay. Tuy họ là bạn thân bác Trầm, nhưng ông F và tôi vừa gặp nhau thì cũng có cảm giác như đã quen lâu.

Ông nói với tôi: Cậu chẩn đoán như thần! Hoàn toàn chính xác, bà vợ của tôi thì đã dần hồi phục, còn ông K đã chết.

Ông F lại nhờ tôi thấu thị sức khỏe của ông, tôi rất vui được phục vụ. Tôi ngạc nhiên khi thấy cơ thể của ông khang kiện, huyết áp không cao, tim khỏe, mọi thứ đều tốt.

Tôi cười nói: Ông tuyệt không có bệnh, nếu so với thanh niên thì ông còn khỏe hơn họ nữa! Đây là kết quả tốt của việc bơi lội mỗi ngày trải qua nhiều năm và cũng nhờ vào chế độ ăn uống tốt nữa đó.

Ông F ngạc nhiên hỏi: Cậu biết tôi bơi lội mỗi ngày ư?

- Vâng, tôi nhìn thấy hết! Ông hỏi trẻ vốn là vận động viên bơi lội, từng tham gia hội thể thao, hiện nay ông vẫn bơi mỗi ngày, nhà ông có hồ bơi!

- Đúng là không có gì giấu được mắt cậu! Ông F cười nói.

Con gái ông là cô T cũng yêu cầu tôi thấu thị cho.

Tôi nói ngay: Thận bên phải của cô vì sao không còn?

Cô kêu lên: Ôi trời ơi! Bây giờ thì tôi tin là ông có siêu năng (khả năng siêu xuất) rồi! Đúng vậy! Thận phải của tôi bị bệnh phải cắt bỏ vào năm ngoái. Thực kỳ lạ! Làm sao ông có thể nhìn thấu cơ thể con người kia chứ?

Tôi cười đáp: Cơ thể người dày bao nhiêu chứ ạ? Chẳng lẽ dày trăm mét như một bức tường đồng?

Cô T cũng bật cười và hỏi tôi có thể đoán ra cô ấy làm nghề gì không?

Tôi không trả lời ngay, vì lúc đó tôi chưa nhìn ra. Mãi đến khi cô tiến vào bếp giúp tôi rửa chén, thì tôi đột nhiên nhìn thấy biết hết... nên tôi vội ngăn lại, bởi tôi thấy rõ cô là một nha sĩ.

- Bác sĩ T! Cô không phải đến đây để giúp tôi rửa chén đâu! Tôi cười nói: Tay cô mà rửa chén thì sẽ không tiện cho việc xử dụng các y cụ nha khoa nhé!

Ông F là Phật tử thuần thành, phát tâm rất mạnh, thường góp nhiều tiền ủng hộ cho các ấn phẩm và các việc phúc thiện Phật giáo. Ông tham gia hội nghiên cứu Phật học, là một người phúc huệ song tu chân chính. Tính tình ông hài hòa, dễ gần. Ông và tôi cùng luận bàn về Phật giáo, cảm thấy rất hợp và vui.

Năm 1986, con gái ông lại đến thăm tôi, cô T phát biểu là mỗi năm nếu qua Mỹ và Canada thì sẽ đến thăm tôi.

Các bác sĩ đến thăm tôi quả thực rất đông và nhiều, hầu như mỗi bác sĩ đến thăm, đều làm tôi căng thẳng. Vì cảm giác giống như mình đến lúc phải thi khảo nghiệm vậy!

Do các bác sĩ là chuyên gia Y khoa nên rất tinh thông về y thuật. Còn tôi ở trước họ, thì là gì đây? Tôi mà nhận công việc thấu thị thân người thay cho họ thì há chẳng phải là múa rìu qua mắt thợ hay sao?

Bác sĩ W là một trong các bác sĩ nổi danh khắp thế giới, được công nhận là bác sĩ chuyên khoa não uy tín toàn cầu, ông và vợ cùng ghé hàn xá tôi, việc họ đến nhà, đã khiến tôi bồn khoăn.

Bác sĩ W vốn nổi tiếng khắp Hồng Kông và vùng viễn Đông, khi hội nghị hàng năm các chuyên gia não quốc tế trên toàn thế giới đều mời ông đến diễn giảng. Vào mùa thu năm 1985, Tiến sĩ W được mời đến dự Hội Não Khoa ở Edinburgh (Thủ phủ nằm ở miền đông Scotland).

Sau hội nghị, ông gặp con gái tại Tô Cách Lan (cũng là bác sĩ khu vực đó), họ cùng bay qua Canada để thăm bố vợ. Rồi ngài bố vợ lại dẫn toàn gia ông W đến gặp tôi.

Tôi tuy có chút danh, nhưng chưa đến độ ai cũng biết tiếng và cũng chẳng nổi đến mức phải làm kinh động các bác sĩ lừng

danh trên thế giới. Vậy thì tại sao bác sĩ W lại biết tôi ?

Lý do dễ hiểu thôi, vì nhạc phụ của ông là cư sĩ Phùng Công Hạ, vốn là người tôi quen thân và kính trọng nên tôi thường gọi ông Phùng là bá phụ. Bác Phùng rất yêu thương quan tâm tôi, ông hiểu Phật pháp uyên thâm, thường cùng tôi luận đạo qua điện thoại, thỉnh thoảng ông hay ghé thăm. Tuy bác cao niên, đã hơn tám mươi tuổi, song trông rất khang kiện, bác bước đi như bay, có lực tu dưỡng thâm hậu, lại ăn trường trai, trình độ học vấn rất cao, bác cư xử vô cùng nhân hậu, rất sốt sắng dìu dắt người vào học Phật, có rất đông người tìm đến chùa Phật Ân thuộc Hội Phật giáo thế giới để nghe bác Phùng giảng kinh. Thường thì thánh chúng đông hai, ba trăm người, nhưng vào những ngày lễ thì tăng nhiều đến hàng ngàn người.

Mười năm trước lần đầu gặp nhau, lúc đó tôi chưa quen bác Phùng nên chưa đủ duyên thỉnh giáo chi.

Vào năm 1980, khi Pháp sư Tảo Trần từ Hồng Kông đến Vancouver, mở tiệc nhỏ tại khách sạn Peninsula để quyên góp xây dựng chùa Quan Âm, tôi cũng đến tham dự. Lúc này bác La Ngộ Đường ngồi cùng bàn đã mời bác Phùng qua để giới thiệu hai chúng

tôi với nhau. Sau đó, chúng tôi thường giao lưu, khiến tôi càng ngày càng khâm phục bác Phùng, nên đã nhận bác làm tôn thân. Bác xem tôi như cháu ruột khiến tôi trong hoàn cảnh chỉ có hai mẹ con nương nhau, cùng sống bơ vơ không có người thân nào tại nước ngoài, bỗng nhận được tình gia đình ấm áp. Trong lòng tôi, bác Phùng và bác La đều giống như bá phụ, hai vị này đối với tôi rất tốt, họ thường cổ vũ giúp đỡ tôi, khiến tôi được nhiều lợi ích. Nhưng nếu tôi mong có được được nội lực tu dưỡng và học vấn uyên thâm giống như họ, thì quả là rất khó.

Tại sao bác Phùng lại đưa bác sĩ W đến gặp tôi? Điều này phải kể sơ nguyên do.

Ngay từ năm 1980, người em út của ông Hùng (chủ một cửa hàng người Hoa ở trung tâm Vancouver) là Phúc, đột nhiên ngã bệnh, được đưa đến Bệnh viện đa khoa. Gia đình này và tôi không hề quen biết nhau, cũng chưa gặp mặt bao giờ. Đêm đó bác Phùng gọi điện tới, bảo tôi thử dùng thiên nhãn quan sát bệnh tình của anh thanh niên tên Phúc. Bác Phùng cũng không biết anh Phúc bệnh gì, chỉ biết rằng anh được chuyển gấp tới Phòng cấp cứu của Bệnh viện, mà bác Phùng cũng chưa gặp qua anh Phúc, chỉ kể là gia đình ông Hùng gọi điện tới năn nỉ xin bác nhờ tôi quan sát giùm.

Dù họ có cho địa điểm, với tôi công việc cũng không dễ dàng hơn chút nào, bởi khi tôi vận dụng khả năng thiên nhãn tìm kiếm phòng cấp cứu Bệnh viện cách xa chỗ mình hơn mười sáu cây số để kiếm anh Phúc: Đó là một thanh niên khoảng hai mươi bốn tuổi, trông rất thanh tú, có đôi mắt giống như con gái. Tôi phải mò mẫm tìm theo lời tả của bác Phùng, (mà bác thì chưa gặp chàng trai này). Nhưng Phùng bá mẫu xác nhận là tôi nói đúng.

Tôi kể họ nghe: Não anh Phúc bị bướt nước, gây nhức đầu kịch liệt dẫn đến hôn mê. Tôi thuyết phục bác Phùng bảo gia đình ông Hùng phải mau chuyển anh Phúc tới khoa cấp cứu chuyên về não ngay.

Ba tuần sau, Bệnh viện Chuyên Khoa Não sau khi kiểm tra với đủ các thiết bị, đã xác nhận Phúc bị khối u nước (giống như tôi đã nhìn thấy) và bác sĩ liền góp ý phải phẫu thuật cắt bỏ khối u gấp, nếu không sẽ chẳng còn có hy vọng sống.

Bác Phùng liền gọi điện báo cho tôi biết là các bác sĩ đã khám và cho ra kết quả giống y như tôi chẩn đoán, nhưng cả nhà ông Hùng đều rất lo lắng. Họ hỏi tôi có nên cho bác sĩ phẫu thuật hay không?

Tôi đáp: Nếu phẫu thuật thì sẽ chết chắc không nghi, mà chưa mổ thì chưa thể chết

ngay liền. Nếu như dùng cách khác, thì cũng có thể tiêu trừ bước nước, giúp bệnh nhân sống. Tất nhiên, điều này phải tùy thuộc cha mẹ anh Phúc quyết định. Bác Phùng hỏi tôi:

- Cháu có cách nào cứu bệnh nhân không?

Tôi đáp: Cách thì có, nhưng con không chắc lắm! Con có thể đề ra phương pháp, tận lực cứu anh Phúc, vì xét thấy ác nghiệp anh không nhiều. Nhưng có cứu được hay không, điều này con không dám nói. Con nghĩ: Tốt nhất toàn gia nên khấn cầu Bồ tát Quan Thế Âm gia hộ, như thế mới có hi vọng.

Cả nhà ông Hùng đều đến gặp tôi, các anh của bệnh nhân quỳ xuống cầu xin tôi cứu em họ. Họ đã quyết định không để bác sĩ phẫu thuật.

Tôi nói: Thế thì điều cần làm nhất là chư vị hãy thỉnh lễ cầu Bồ tát Quan Thế Âm, đừng bái tôi. Tôi chỉ là một người bình thường.

Tôi đã hướng dẫn cả nhà họ quỳ xuống, bái lễ thánh tượng Bồ Tát Quán Thế Âm, tôi chúc phúc cho họ và bảo họ phải hứa và phát thệ: Sau này làm nguyện làm nhiều việc thiện để cứu tế những người hoạn nạn đói khổ. Bọn họ đồng nguyện y như vậy. Tôi cũng bảo họ hàng ngày nên chí thành lễ cầu Bồ tát Quan Thế Âm.

Tiếp đến tôi dặn dò họ nên cho em mình dùng thức ăn nào và nói rằng khoảng sáu tháng nữa thì cậu ấy sẽ lành bệnh.

Sau đó anh Phúc được đón về nhà dưỡng bệnh và dùng chay theo cách của tôi bày. Chưa đến nửa năm, thì chứng đau đầu không còn tái phát. Khi Phúc vào bệnh viện kiểm tra lại, thì thấy khối u nước đã biến mất, anh Phúc về sau còn có thể kết hôn, sinh được một con gái.

Cả nhà ông Hùng đều đến thăm tôi, anh Phúc cũng đến. Mọi người vừa quý vừa bái khiến tôi lúng túng khó xử, quýnh quáng hồi lễ không kịp! Từ đó tôi trở thành bạn thân của họ. Một đêm nọ, ông Hùng đột nhiên tìm tới, kể rằng một người anh cột chèo là ông Dũng đang cấp cứu tại Bệnh viện California Hoa Kỳ, không biết có nguy hiểm gì chẳng, ông Hùng nói do lúc gọi sang nước ngoài tín hiệu không rõ, nên rất lo lắng, bắt buộc dĩ đành phải hỏi tôi.

Tôi liền quán sát và kể ra tình huống mà tôi thấy: Ông Dũng bị nghẽn động mạch tim, đang nằm nơi ải quan sống chết, tôi thấy ông Dũng cần phải phẫu thuật, nếu không sẽ mất mạng.

Ông Hùng nghe xong thất kinh, vội yêu cầu tôi cứu anh rể mình.

Tôi nói: Lần này thì tôi không có cách rồi. Do ông Dũng ngày thường hay có sở thích rất ưa ăn thịt heo, tích tụ chất béo quá nhiều, khiến huyết quản chứa đầy cholesterol, bệnh đến mức này rồi, thì tôi không còn cách để cứu.

Ông Hùng xác nhận: Cậu nói đúng, anh Dũng làm cho công ty sản xuất thịt heo. Ngày nào anh cũng đem phần thịt mỡ thừa nơi công ty về ăn, nhưng anh chỉ mới ăn có hai, ba năm; làm sao lại bị bệnh nặng như vậy?

Tôi nói: Ngày nào cũng ăn thịt béo kho chiên, lại dùng tới ba năm? Chỉ cần ba tháng thôi cũng đủ làm nghẽn tim, tắc mạch máu rồi ông ơi!

- Phùng cư sĩ! Xin hãy làm ơn cứu anh ấy!

- Tôi cứu không được! Ông Dũng bắt buộc phải nhờ bác sĩ phẫu thuật, tôi chỉ có thể cầu Bồ tát Quan Thế Âm gia trì cho ca mổ thành công bình an thôi. Nhưng này, sau khi phẫu thuật thành công rồi, thì ông ấy phải từ bỏ ăn thịt vĩnh viễn và phát thệ ăn chay trường đúng như tôi yêu cầu, thì mới giữ được mạng và sống bình an lâu dài. Nếu ông ta cố cãi lời ăn mặn, thì chứng nghẽn mạch máu sẽ tái phát và dù có tái

phẫu thuật nữa thì cũng không cứu được mạng ông đâu nghe!

Ông Hùng nói: Cầu xin Bồ tát Quan Thế Âm và Phùng cư sĩ từ bi giúp đỡ cho.

Tôi vì họ lễ bái cầu Bồ Tát Quán Âm và bảo họ hằng ngày cũng phải niệm cầu Bồ tát Quan Thế Âm!

Ông Dũng được đưa đến phòng mổ tại California, suốt quá trình phẫu thuật, dù ở Vancouver tôi luôn theo dõi và nhìn thấy rõ hết nên có gọi điện báo cho ông Hùng hay là ca mổ đã thành công, trong khi đó ông Hùng còn mù tịt chưa hay tin là anh rể mình đã phẫu thuật.

Ông Hùng nói: Tôi vẫn chưa nhận được điện thoại báo tin gì từ bên Mỹ cả.

Vài giờ sau, bên California gọi đến, xác nhận tình hình giống như tôi đã mô tả, ông Hùng rất ngạc nhiên, ông gọi điện nói: Phùng cư sĩ! Cậu thực quá tài! Bên Mỹ vừa gọi điện xác nhận là ca mổ đã thành công!

Tôi nói: Đây không phải do tôi tài, mà là kết quả gia trì của Bồ tát Quan Thế Âm. Các bạn nhớ từ rày phải tin sâu Phật pháp, trường trai và dứt ác hành thiện cho nhiều nhé!

Sau hai vụ này rồi, Phật giáo đoàn tại Vancouver hầu như ai cũng biết đến tôi. Quan hệ giữa bác Phùng và tôi ngày càng

thân thiết, sau đó bác giới thiệu nhiều bệnh nhân đến gặp tôi, trong đây có mấy vị bác sĩ chuyên khoa não. Việc thấu thị của tôi cũng phù hợp với kết quả kiểm tra nơi bệnh viện, vì vậy bác Phùng rất tin vào khả năng thiên nhãn của tôi.

Năm 1984, bác Phùng và bác La gọi điện tới, nhờ tôi giúp đỡ cho bé Sương, đưa con gái bốn tuổi của bạn họ trong hội Phật giáo. Bởi vì các bác sĩ tuyên bố khám không ra bệnh và bảo người cha đem con bé về nhà.

Lúc này tôi đang nhập thất không tiếp khách. Tôi thường bế quan mỗi lần nửa tháng. Nếu tôi không tuyên bố bế quan, thì sẽ không có thời gian để làm việc của mình, do ngày đêm đều có khách đến tìm, mà ai muốn gặp cũng không hề hẹn trước, nên bất cứ lúc nào cũng có người đến cầu, năn nỉ tôi xem bát tự, hỏi tùm lum về hôn nhân, sự nghiệp, tình yêu, gia đình... Họ làm phiền đến tôi mất an ninh. Dù từ lâu tôi đã nói rõ, luôn tuyên bố là mình không hề xem mấy cái vụ này, toi tuyệt không xem bói hay đoán kiết hung, cũng không bàn hôn nhân, nghề nghiệp, tôi nhất quyết không nói về các chuyện liên quan thế tục. Tôi chỉ có xem bệnh cứu người khổ nạn thôi, tôi không phải là chiêm tinh gia

hay thuật sĩ giang hồ... Thế nhưng rất nhiều người chẳng thèm đếm xỉa tới lời tôi, vẫn chai lì tìm hỏi toàn mấy điều vớ vẩn này, một số còn đem vàng ra nài mòi...

Những hành động này khiến tôi rất bức mình không vui, vì tôi tuyệt không muốn dùng khả năng đặc biệt khó có được này để đổi lấy bạc vàng! Tôi nghĩ rằng, chư Phật, Bồ tát đã cho ban cho tôi khả năng thần thông siêu nhiên, tuy là tiểu đạo, song vẫn có thể thông qua đó giúp hoằng dương Phật pháp, từ bi độ đời. tôi không thể dùng khả năng này để kiếm ăn như các nhà bói toán hay bọn thuật sĩ giang hồ. Nếu tôi dùng khả năng này để mưu cầu tiền tài phú quý, thì rất phản bội với tôn chỉ cao khiết của Phật pháp!

Vậy mà cũng có một phụ nữ mò tới yêu cầu tôi dùng khả năng thiên nhãn để lòng tìm đối tượng ngoại tình của chồng bà, khiến tôi cảm thấy bị sỉ nhục, bị xúc phạm dữ dội. Một bà vợ tại Hồng Kông đã gọi điện tới yêu cầu như vậy và hứa chi trả rất cao. Tôi liền nghiêm khắc từ chối, thậm chí còn quở trách bà ta nặng nề!

Trong thời gian bế quan, tôi chỉ cho phép hai người là bác Phùng và bác La cùng một số ít người được gặp mình và tôi chỉ tiếp họ khi có trường hợp bệnh cấp bách.

Lúc này bác Phùng gọi điện tới thông báo, còn bác La thì đích thân mang ảnh bệnh nhân đến cho tôi xem trước, bởi họ biết tôi không chịu tiếp khách.

Trong ảnh là một bé gái rất xinh đẹp, nhìn hình và sắc thái của bé Sương, khoảng chừng hai tuổi rưỡi. Bé rất khả ái, đáng thương. Thật quá tội nghiệp đi! Mắt tôi rơi lệ vì thấy xót xa.

Tôi nói với bác La: Em bé này không còn sống bao lâu nữa đâu! Não bé giờ giống như đậu hũ vì đang bị chấn thương nặng, tội nghiệp quá!

Bác La là người rất từ bi, ông cầu xin tôi: Bồi Đức! Xin hãy cứu con bé! Cha nó từ Đại Lục di cư sang đây không lâu. Hoàn cảnh rất khó khăn, ông ta đến hội Phật giáo nhờ ta năn nỉ con.

Tôi nói: Bác La! Không phải con không chịu cứu bé. Nhưng chuyện này thuộc về nhân quả, con bé này đến là để đòi nợ thôi, thu xong nợ thì đi. Bé Sương sắp đi rồi, con không thể phá nhân quả được đâu.

Bác La rất buồn, một lát sau ông nói: Phật tử chúng ta, luôn dốc sức cứu mạng người. Bồi Đức! Con xem thử có phương cách gì, chẳng hạn như kêu nhà họ tạo thêm công đức có được không?

Tôi nói: Dù bây giờ ông ta có tạo công đức thì cũng không kịp đền bù. Huống chi ông ta làm công đức là trồng nhân thiện mới, thì tương lai mới thu thiện quả, tuyệt không thể làm tiêu nhân xưa nghiệp cũ được.

- Vậy mình phải nói thế nào với gia đình này?

- Con chỉ có thể giúp bé Sương kéo dài tuổi thọ thêm thời gian ngắn thôi, chứ con không có khả năng tài giỏi để cứu mạng bé, con sẽ lựa lời mà khuyên cha bé.

Tôi gọi điện cho ông Hải cha bé và nói:

- Não con gái ông từng bị một trận va chạm gây nên chấn động lớn, khiến dịch não hỗn loạn, hiện thời bé không thể ăn uống, không thể động đậy, không thể nói, có phải thế không?

Ông Hải xác nhận: Cậu phán rất đúng. Nhưng các bác sĩ không cho tôi biết là não bé bị chấn thương, họ có rút dịch não của bé kiểm tra nhưng lại bảo là đoán không ra bệnh. Y viện cũng không chịu thu nhận bé, họ kêu tôi hãy mang nó về nhà, cho đến nay vẫn nói không biết rõ nguyên nhân.

- Nay tiên sinh, ông phải chuẩn bị tinh thần, con gái ông trong vòng hai ba tháng nữa sẽ ra đi, tôi không thể dối ông, tôi rất xin lỗi vì tôi thực sự không có khả năng cứu con bé.

Ông Hải bật khóc: Phùng cư sĩ! Xin hãy cứu nó! Xin hãy từ bi cứu mạng con tôi!

- Tôi chỉ có thể giúp ông cố gắng kéo dài mạng sống con bé thêm chút thôi, tôi chỉ kéo thêm được ba tháng hoặc nhiều lắm là sáu tháng.

Ông Hải mếu máo nói: Sống thêm một ngày thì cũng là tốt mà. Tôi cũng biết con tôi không thể sống lâu, vì nó không thể ăn uống gì, bây giờ chỉ có dùng ống dẫn đưa chất lỏng dinh dưỡng vào cơ thể thôi.

Tôi chỉ ông Hải cách dinh dưỡng tốt nhất cho bé, chúng tôi nói chuyện nhiều lần, mỗi lần đều bàn rất lâu. Ông Hải không biết con gái mình đã bị chấn thương đầu vào lúc nào, ở đâu?

Ông cố nhớ rồi nói: Thuở giờ nhà chúng tôi luôn cẩn thận trông chừng con bé, nên khó thể xảy ra tai nạn này!

Nhưng tôi đã nhìn ra và mô tả rõ: Tôi thấy con bé bị thanh của xe đẩy hành lý tông vào đầu. Tôi nhìn không ra thời gian nhưng địa điểm chính là sân bay, ở lối hành khách đi ra cửa.

Ông Hải nói: Ôi chao! Vậy thì có chuyện này. Tháng giêng năm nay chúng tôi có người thân từ Hồng Kông đến, cả nhà ra sân bay để đón, có dẫn con gái theo. Nhưng tính bé Sương rất nghịch ngợm, liến thoắng, nó không chịu

đứng yên, nên cứ chạy đông rảo tây. Chỗ hành khách đi ra người đông nghịt, có một xe hành lý bất ngờ tông vào bé Sương khiến nó ngã lăn ra đất, chúng tôi vội chạy tới bế nó lên, lúc đó không thấy có thương tích gì nghiêm trọng, chỉ thấy đầu bé sưng chút ít thôi, nên chúng tôi không chú ý. Sau khi về nhà, chưa được mấy ngày, thì bé Sương bắt đầu bỏ ăn, dần dần hết nói năng rồi bệnh ngày càng nặng!

Tôi la lên:

- Chính là cú va chạm này đã gây ra đại họa khiến não nó bị nát đó!

- Nhưng tại sao các bác sĩ khám lại không nhìn ra?

- Làm sao họ không nhận chứ hả? - Tôi đáp. Họ là bác sĩ có nhiều thiết bị tinh xảo, mà ông lại nói họ không nhìn ra ư? Rõ ràng là họ biết đứa bé này không còn hy vọng sống, nên chẳng muốn nói cho ông biết sự thật đó thôi, vì sợ ông đau lòng!

Ông Hải lại khóc: Thế bây giờ tôi phải làm sao đây? Tôi không có tiền để tìm bác sĩ giỏi chữa bệnh cho con, tôi chỉ là một công nhân làm ca đêm trong nhà máy.

- Dù có tìm bác sĩ giỏi cũng vô ích thôi! Chi bằng ông hãy dốc sức làm con bé vui. Hãy để bé hoan hỉ vượt qua những ngày này!

Ông Hải như sực nhớ ra, mách với tôi:

- Phùng cư sĩ! Có người vừa gởi tặng cho tôi mớ bạch dược Vân Nam và nói rằng thuốc này có công năng cứu mệnh hoàn hồn, vậy tôi có thể cho bé dùng không?

- Công hiệu bạch dược Vân Nam là giúp cầm máu cứu thương vì trúng đạn, trúng dao, trúng súng. Còn khả năng cứu mệnh hoàn hồn thì tôi chưa từng nghe. Tôi nghĩ ông không nên cho bé dùng, nếu không, sẽ hại bé ra đi sớm hơn đây.

Nghe tôi khẳng định vậy ai cũng lo lắng gọi điện nhắc ông Hải tuyệt đối không được cho bé Sương dùng bạch dược Vân Nam.

Thật xui, dù ông Hải nghe lời nhưng do một tối nọ ông bận đi làm, người nhà đã lấy bạch dược Vân Nam rưới vào miệng con bé, đến nửa đêm thì bé tắt hơi. Ông Hải nhận được hung tin, cấp tốc chạy về đưa con đi bệnh viện, nhưng vô phương cứu sống.

Từ bệnh viện ông Hải gọi điện đến cho tôi, đau đớn khóc kể:

- Phùng cư sĩ ơi! Con gái tôi chết rồi! Tôi luôn một bề vâng theo hướng dẫn của ông, thấy con bé đã dần hồi phục sức khỏe và còn có thể gọi ba. Ai ngờ tối nay, người nhà tôi đã cho con bé dùng bạch dược Vân Nam, nên chỉ vài giờ sau, thì bé đã chết!

Bạch dược Vân Nam tất nhiên là thuốc hay nổi danh, nhưng có nhiều người quá mê tín đến thành sùng bái nó, nghĩ nó là tiên đan! Nhưng loại thuốc này chủ trị ngoại thương, chỉ dùng thoa bên ngoài, đâu thể biến thành thuốc uống, họ xài ẩu vậy là rất nguy hiểm!

Thành phần bạch dược Vân Nam, chưa từng được công khai hay có báo cáo đầy đủ. Hơn nữa, trên đời đâu có loại thuốc tiên có thể chữa vạn bệnh? Giống như mấy mươi năm trước có những loại dầu hay cao đơn từng được nói là có thể chữa khỏi bách bệnh, nhưng khi bóc ra xem thì thấy bên trong chỉ là bạc hà, dầu đậu khấu, dầu long não mà thôi...

Người chế ra cao đơn này cũng đã đã kiếm được một món tiền lớn, xây lên biệt thự lâu đài đình đám, đến giờ chỗ đó đã trở thành thắng cảnh du lịch, con cháu của họ cũng hưởng không hết phúc trạch tổ tiên. Song những dầu thuốc này, thành phần của nó không thể chữa bách bệnh, vậy mà mọi người vẫn mê, tin đến nỗi bệnh gì cũng lấy ra dùng, thật đáng thương! Nhưng mà thuốc này thành phần của nó tương đối hiền hơn bạch dược Vân Nam. Vì nếu tôi đoán không sai thì trong bạch dược Vân Nam có một phần thạch tín, thứ này tuyệt đối không thể uống?

Tôi đã cảnh báo gia đình ông Hải, nhưng họ quá sùng bái bạch dược Vân Nam, cuối cùng hại bé Sương chết sớm. Nhưng đây cũng là số mệnh bé, dù tôi có muốn giúp cũng chỉ có thể kéo dài mạng sống bé thêm chút ít thôi.

Việc tôi thấu thị bệnh não, bác Phùng rất lưu tâm. Vì vậy bác đã dẫn con rể là bác sĩ W, vốn bác sĩ chuyên khoa não trứ danh thế giới, đến gặp tôi.

Trường nữ của bác Phùng là Vợ bác sĩ W, cũng làm bác sĩ, con gái đầu của họ cũng cũng làm bác sĩ. Con trai họ đang học y khoa, còn cô con gái út chưa xong trung học.

Khi cả nhà bác sĩ W vừa tiến vào cửa, tôi đã đưa cho họ xem bức tranh tôi vừa phác họa về chân dung họ trước đó. Tôi thường nương theo những gì mình thấy trước vẽ ra chân dung khách sắp đến thăm. Tôi thường làm điều này, tuyệt không có ý khoe khoang, chỉ là muốn thử xem năng lực thấy trước của mình có thực sự chuẩn xác hay không mà thôi.

Thông thường khi khách vừa tiến vào cửa, thì tôi hay đem bức họa vẽ cảnh mình thấy trước về họ để biếu tặng, tất nhiên khách rất kinh ngạc. Cả nhà Bác sĩ W xem xong bức tốc họa của tôi đều tỏ vẻ thích thú.

Ngay cả bác Phùng cũng rất ngạc nhiên, ông nhận xét không ngờ tôi có thể vẽ như vậy, mọi người đều khen tôi vẽ rất giống!

Tôi mỉm cười nói: Lúc tôi học trung học, thành tích học tập bình thường, Nhưng, về mỹ thuật thì năm nào tôi luôn cũng đứng đầu toàn trường. dù tôi vẽ tranh sơn dầu, tranh bột, hay vẽ bằng than chì hay sơn nước, loại nào cũng thành công. Tôi có mở phòng triển lãm nhỏ, nhưng mấy năm nay do quá bận, nên không còn vẽ vời chi. Còn đây chỉ là bức tốc họa, nên không thể tính là vẽ nghiêm túc đường hoàng, vì vậy mới nhìn qua sẽ thấy rất buồn cười và chưa đạt lắm.

Bác sĩ W vượt quãng đường dài từ Edinburgh đến Vancouver gặp tôi, vậy mà còn mang một theo chai mật ong Scotland nổi tiếng để biếu tặng, hành vi “vượt ngàn dặm tặng mật ong”, đã thể hiện thịnh tình rất đáng quý. Loại mật này tự nhiên, thơm mát. Điều khiến tôi cảm kích là do họ đi máy bay, phải đổi chuyến nhiều lần lại phải mang theo hành lý nặng, vậy mà họ vẫn khéo léo cất giấu để bảo toàn được chai mật ong. Bởi phong tục Canada không cho phép khách mang thực phẩm đi, do mật không bị kiểm thấy nên không bị tịch thu.

Do tôi hơi căng thẳng nên không dám nói gì, khách và chủ đều có chút bối rối.

Tôi hỏi bác sĩ W một số câu về khoa não rồi im lặng.

Bác Phùng liền bảo: Hai bên đối nhau sao quá khiêm nhường và khách sáo, không nên như vậy nữa! Bồi Đức à, bác sĩ W rất bận rộn, con rể tôi đã vượt đường xa đến đây gặp cháu, ngày mai họ sẽ bay trở lại Hồng Kông. Cháu đừng khiêm tốn khách sáo như vậy nữa, mà hãy thấu thị giúp cho cả nhà họ xem tình trạng sức khỏe thế nào!

Tôi e ngại nói:

- Bác bảo cháu thấu thị cho các bác sĩ cực kỳ nổi danh này ư? Vậy chẳng phải là múa rìu qua mắt thợ sao? Cháu không dám đâu!

- Đừng ngại, cháu cứ nói tùy thích. Hãy thấu thị cho họ đi, nếu không là đã phụ thành ý của Bác sĩ W một dạ chân thành đến đây gặp cháu. Đừng sợ, bác sĩ W rất cởi mở và không hề có ý thử thách hay khảo nghiệm gì cháu đâu, cũng không phải do hiếu kỳ, mà nó thực tâm muốn biết phương pháp của cháu.

- Nếu bác nói thế, thì cháu xin vâng lời. Giả như có gì không đúng, xin mọi người vui lòng lượng thứ cho ạ.

Bác sĩ W mỉm cười: Đừng khách sáo, chúng ta đều là nhà nghiên cứu cả, nên cậu cứ tự nhiên đi.

- Được rồi, bây giờ tôi sẽ thử thị ai đây?

Bác sĩ W nói. Xem cho mẹ tôi trước...

Con trai ông cũng tán thành: Phải rồi, xem cho Bà nội trước đi.

Bác sĩ W mỉm cười nói: Con trai chúng tôi đối với cậu rất ngưỡng mộ, trên đường nó cứ thúc hối phải mau đi gặp cậu.

Nhưng mẹ ông W nói: Tôi không bị bệnh, không cần xem cho tôi!

Mẹ ông W không muốn xem, nên tôi không ép. Thế là tôi bắt đầu từ vợ ông W, nhưng mới miêu tả mấy câu, thì có một đoàn khách bảy tám người bất ngờ đến, làm gián đoạn cuộc chẩn khám của tôi. Do tôi bận phải rón tiếp khách nên gia đình bác sĩ W cảm thấy bất tiện, họ vội đứng dậy cáo từ, tôi làm thế nào cũng không giữ được họ.

Lúc chia tay, tôi mời cả nhà Bác sĩ W đến một nhà hàng, vội vàng làm một cuộc thử thị ngắn mười phút và mô tả sơ cho họ nghe, họ liên tục gật đầu và mỉm cười.

Tôi áy náy nói: Đợi tôi viết thư sẽ tả kỹ hơn. Hôm nay tôi thật ngại vì bất tiện quá.

Sau khi cả nhà Bác sĩ W đi về rồi, tôi lại bận rón thử thị cho khách. Hôm đó tôi rất mệt, đây là một ngày bận rộn điển hình, vì vậy nếu tôi không tuyên bố bế quan, thì mỗi ngày sẽ có rất nhiều khách tìm đến theo kiểu đó và tôi hết còn thì giờ để xem kinh và viết

bài. Thực ra, do có quá đông người tìm, mà tôi lại không đủ sức để phục vụ tất cả, bởi sức khỏe tôi hữu hạn, nên tôi rất cần phải bế quan tu dưỡng, để có thời gian đọc kinh và ghi chép về các nghiên cứu khoa học.

Sau đó tôi đã viết một lá thư dài bằng tiếng Anh, tường thuật tỉ mỉ những cảm nhận thấu thị về toàn gia bác sĩ W và nhờ bác Phùng gửi đến họ. Tất nhiên, tôi gặp họ chỉ trong thời gian ngắn hơn nửa giờ, nhưng tôi đã kịp nhìn thấu nội bộ thân thể mỗi người bọn họ.

Bác Phùng bảo tôi: Bác sĩ W có ấn tượng rất tốt về con, nó nói cần phải quan tâm bồi dưỡng người có thiên tài xuất chúng như con, những mô tả khi con thấu thị cho cả nhà nó đều chính xác, đúng trăm phần trăm! Nó nói cách chẩn đoán siêu cảm như thế này quả là một phương pháp mới mẻ chưa từng thấy, rất đáng được nghiên cứu học hỏi, con rề bác không tiếc lời tán dương, khen rằng: Con là bậc nhân tài rất hiếm có!

Bác Phùng còn nói: Sắp tới bác sẽ đến Hồng Kông bàn chuyện cùng Sư X để mời Sư hợp sức thiết lập Viện nghiên cứu “Huyền năng tâm linh siêu Cảm”, để nuôi dưỡng và đào tạo khả năng này cho mọi người. Như vậy khoa học sẽ có một bước đột phá lớn qua sự đóng góp từ thiên định của Phật giáo, giúp mang lại khả năng siêu nhiên cho giác quan. Vì đây không phải là mê tín, việc giải

phóng tiềm năng trong cơ thể con người, là điều rất đáng học tập và đào tạo.

Một số vị sư lớn không chuộng thần thông, không cho giảng thần thông, vậy là nghiêm khắc quá mức. Bác nghĩ Phật giáo cần nghiên cứu phát triển thần thông để tạo phúc cho nhân loại mới đúng.

Bây giờ khoa học tiên tiến đang nghiên cứu về “Tiềm năng siêu nhiên của giác quan”, đủ chứng minh “Khả năng ngoại cảm siêu nhiên” có tồn tại. Bác cho rằng Phật giáo nên nghiên cứu sự phát triển của thiên nhãn, huyền năng v.v... Do Sư X có thừa kinh tế tài trợ, có thể góp phần thành lập Viện nghiên cứu nhỏ, nếu bác thuyết phục thành công, bác sẽ đề nghị mời con làm Chủ tịch Viện Nghiên Cứu, Bác sĩ W và bạn bè thầy tuyên bố sẵn sàng ủng hộ.

- Bá phụ ơi, bác có thiện ý nhưng Sư X chẳng chấp nhận đâu. Bác đừng rủ rê chi cho uổng công!

- Bác cũng nghĩ là không dễ, nhưng bác phải thử một chuyến...

Tôi biết chắc là bác Phùng sẽ cực nhọc phí công. Đúng như tôi dự đoán, bác không được Sư X ủng hộ. Tuy Sư X có ghé hàn xá yêu cầu tôi thấu thị cho và nhiệt liệt tán dương tôi không tiếc lời, thế nhưng nếu bảo Sư chính thức ra mặt lập một “Viện nghiên

cứu Tiềm năng tâm linh siêu cảm”, thì Sư rất e ngại giới Phật giáo sẽ không thuận tình.

Điều này tôi đã lường trước được. Thực tình tôi cũng rất bận rộn và cũng không biết làm sao để truyền thiên nhãn thông cho người. Vì vậy khi bác Phùng đề nghị thành lập Viện nghiên cứu, tôi không sốt sắng. Bởi năng lực siêu nhiên này là bẩm sinh, do nhiều đời tu giới định mà có. Căn bản nó không phải là một môn học. Trừ câu khuyên người giữ giới tu định ra, tôi thực sự không có gì để dạy người.

Các bác sĩ đến thăm tôi nườm nượp, trong nước lẫn ngoài nước, người Hoa lẫn người Tây phương. Người thì đến nhờ tôi thấu thị giúp bệnh nhân họ để họ dễ chẩn đoán. Một số nhờ tôi thấu thị cho bản thân họ. Tôi không làm việc chăm chỉ, cũng không dám nói mình đã cống hiến tốt cho họ. Tuy tôi giống như nhân vật, hiện tượng lạ để họ khảo nghiệm; thực tế, kẻ được lợi vẫn là tôi, bởi vì mỗi lần cùng các bác sĩ giao lưu, tôi thu nạp rất nhiều kiến thức y khoa từ họ, giúp ích nhiều cho việc thấu thị của tôi. Bởi vì, nếu bạn có khả năng thấu thị mà thiếu kiến thức y khoa, thì sẽ không xác định đúng nguyên nhân của bệnh được.

Trên thế giới này không phải chỉ mình tôi có thiên nhãn. Ngoài tôi ra, có rất nhiều người sở hữu khả năng thấu thị, huyền năng này còn mạnh hơn tôi, đặc biệt là những

đứa trẻ. Thế nhưng, do chúng không hiểu gì về Giải phẫu học, cũng không rành về Y học, nên không thể biết rõ gì là nguyên nhân nguồn gốc của căn bệnh.

Do Tôi thường chịu khó tự học, bỏ công nghiên cứu y khoa, nên đã am tường và quen với Giải phẫu học, Ung thư học; cũng biết sơ về các vi khuẩn gây bệnh, nên khi thấu thị tôi dễ dàng nhận ra ung bướu và các bệnh chứng của cơ thể, nhờ vậy có thể xác định tinh vi về khối u và các bệnh trạng.

Hơn nữa, do tôi đã giao lưu với quá nhiều bác sĩ, tìm xem nghiên cứu đủ các sách y khoa mới lẫn cũ. Điều này rất cần và quan trọng, bởi dù bạn có thiên nhãn hay khả năng huyền năng siêu cảm, bạn vẫn cần có kiến thức khoa học uyên thâm hỗ trợ. Hơn nữa, quan trọng nhất là cần phải hiểu sâu giáo Phật lý để có định huệ hướng dẫn dắt chuẩn xác. Nếu không có pháp nhãn và huệ nhãn mà chỉ có thiên nhãn thôi thì chẳng có ích gì, cao lắm là bạn chỉ dễ dàng nhìn thấy quỷ thần thôi, mà nếu không có Phật pháp hướng dẫn soi đường thì bạn sẽ rất dễ lạc vào ma.

Các bác sĩ tôi tiếp xúc nhiều vô số, kể không hết. Trong bài viết giới hạn, tôi chỉ nêu lên một ít thôi, tôi rất sợ người rảnh việc, vì hiếu kỳ mò đến hỏi chuyện. Tôi chỉ thích

những vị khách đến trao đổi kiến thức giáo dục lợi ích. Các bác sĩ và những nhà khoa học đến thăm, tôi rất hoan nghênh, vì tôi luôn thu được nhiều kiến thức hay mới từ họ, mà... tri thức là nền tảng của trí tuệ!

1/3/1988

Giải thích thêm: Khả năng của Phùng Phùng rất được các bác sĩ và nhà khoa học trên thế giới tìm đến giao lưu. Ông cũng hợp tác cùng các bác sĩ danh tiếng khám bệnh cho người. Thông thường ông không bao giờ lấy tiền hay nhận thù lao, chỉ đơn thuần vì muốn giúp người giải khổ.

Tuy nhiên ông cũng có khám bệnh tại phòng mạch của bệnh viện và thu tiền như các bác sĩ và số tiền này được dùng để xây nên “Bệnh Viện Từ Tế” chuyên chẩn khám miễn phí cho các bệnh nhân nghèo, do ông và đoàn bác sĩ nhân ái cùng hợp tác thực hiện.

Ông mất ngày 18 tháng 4 năm 2007 tại Đài Bắc trong sự tiếc thương vô hạn của bạn bè thân hữu, chư đệ đệ giả... và những người đã thọ ân ông.

Hạnh Đoan - Dịch xong 06/8/ 2019

MỤC LỤC

LỜI NGƯỜI DỊCH.....	5
ĂN CHAY TỪ TRONG THAI	9
THUẬT SỐ VÀ DỊ TƯỢNG	17
LẦN ĐẦU GẶP NGÀI TUYỂN HÓA	23
DỜI NGHE PHÁP	48
VẠN PHẬT KỶ DUYÊN	54
TRẢ NHẬN	63
HỒNG XE	71
NHỮNG KỶ NIỆM VUI	79
GIỚI LÀ TỰ NGUYỆN.....	85
UY LỰC CHÚ LẮNG NGHIÊM	101
THỦY TRIỀU ĐỒ	114
VINH HOA HƯ ẢO.....	134
TIẾNG CHUÔNG NỬA ĐÊM	137
HẠC CƯƠNG HỒN VŨ	147
TAM THẬP TAM GIAN ĐƯỜNG	157
LINH NĂNG CÙNG TÁI THỂ	164
THIÊN NHÃN SỞ KIẾN	187
PHẬT DƯỢC SỰ LINH DIỆU THẦN KỶ	195
DANH Y VÀ TÔI.....	203

